

BÀ TRƯỞNG THỊ THỦY – BÀ LÊ THỊ LINH GIANG



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

**Của dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp
đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận
thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ
bản đồ số 29, xã Xuân Ninh,
huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**

Quảng Bình, năm 2022

BÀ TRƯƠNG THỊ THỦY – BÀ LÊ THỊ LINH GIANG



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

của dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao
cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp
tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29,
xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh,
tỉnh Quảng Bình

CHỦ DỰ ÁN

Thủy
Trương Thị Thủy

Lê Thị Linh Giang



Hoàng Thị Lê Quyên

Quảng Bình, năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	6
MỞ ĐẦU	1
1. Xuất xứ của dự án	1
1.1 Thông tin chung về dự án	1
1.2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.....	2
1.3. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch bảo vệ môi trường, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển	2
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	2
2.1. Các văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn.....	3
2.2. Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến Dự án	4
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án tạo lập.....	4
3. Tổ chức thực hiện ĐTM	4
4. Phương pháp ĐTM	6
5. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM.....	7
5.1. Thông tin về Dự án	7
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường.....	8
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án.....	8
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án	10
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án.....	17
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	19
1.1. Thông tin về dự án	19
1.1.1. Tên dự án	19
1.1.2. Chủ dự án.....	19
1.1.3. Vị trí địa lý của Dự án.....	19
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất:	21
1.1.5. Mục tiêu và quy mô của Dự án.....	24
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án	25
1.2.1. Các hạng mục công trình chính	25
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ	27
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	27
1.2.4. Tổng hợp khối lượng thi công	27

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất sử dụng của Dự án; nguồn cung cấp điện nước và các sản phẩm của dự án	28
1.3.1. Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ Dự án.....	28
1.3.2. Nguồn cung cấp điện, nước, nhiên liệu	28
1.3.3. Danh mục máy thi công	28
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành	29
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	32
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án	33
1.6.1. Tiến độ thực hiện Dự án	33
1.6.2. Tổng mức đầu tư của Dự án.....	33
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án.....	33
CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	35
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	35
2.1.1. Đặc điểm địa hình và địa chất.....	35
2.1.2. Đặc điểm khí hậu	36
2.1.3. Đặc điểm thủy văn	39
2.1.4 Điều kiện kinh tế xã hội.....	40
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện Dự án.....	42
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường.....	42
2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học	43
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện Dự án.....	43
2.3.1. Các đối tượng bị tác động bởi dự án.....	43
2.3.2. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	45
2.4. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án.....	45
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	47
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn tiến hành cải tạo	47
3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động	47
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	67
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong Dự án đi vào vận hành	78
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	78

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	82
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	84
3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	84
3.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	85
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	85
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	86
CHƯƠNG 5. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	87
5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án.....	87
5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án	88
5.2.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí	88
5.2.2. Giám sát thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại.....	88
5.2.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác.....	89
CHƯƠNG 6. KẾT QUẢ THAM VẤN	90
6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.....	90
6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử.....	90
6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.....	90
6.1.3. Tham vấn bằng văn bản	90
6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng	90
1. Kết luận	93
2. Kiến nghị.....	93
3. Cam kết của chủ dự án đầu tư.....	93
CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO	95

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa
KHCN	Khoa học công nghệ
MT	Môi trường
QT	Quan trắc
PTMT	Phân tích môi trường
TNMT	Tài nguyên môi trường
BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hoá đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
DO	Ôxy hòa tan
SS	Hàm lượng chất rắn lơ lửng
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường.
MPN	Số lớn nhất có thể đếm được (phương pháp xác định VS)
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
UBMTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
KTXH	Kinh tế xã hội
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
HC	Hydrocacbon

Chủ dự án: Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH dịch vụ môi trường xanh Hải Âu

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng 0. 1. Danh sách các thành viên tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Bảng 0. 2. Các phương pháp áp dụng trong ĐTM
- Bảng 1. 2. Đặc điểm của hạng mục trồng cây của Dự án
- Bảng 1. 3. Khối lượng đào, đắp của dự án
- Bảng 1. 4. Tổng hợp các nguồn nguyên liệu phục vụ cho Dự án
- Bảng 1. 5. Số lượng các máy thi công của Dự án
- Bảng 1. 6. Các công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án
- Bảng 1. 7. Chương trình bảo vệ môi trường của dự án.
- Bảng 2. 1: Nhiệt độ trung bình tháng
- Bảng 2. 2. Lượng mưa trung bình trong các tháng
- Bảng 2. 3. Độ ẩm tương đối trung bình tháng
- Bảng 2. 4. Tốc độ gió trung bình tháng
- Bảng 2. 5. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí
- Bảng 3. 1. Nồng độ bụi trong không khí theo thời gian thực hiện san lấp
- Bảng 3. 2. Nồng độ (mg/m^3) bụi trong không khí trên các tuyến đường vận chuyển đất tận thu
- Bảng 3. 3. Tải lượng bụi và các chất ô nhiễm do các phương tiện sử dụng dầu Diesel
- Bảng 3. 4. Tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ hoạt động
- Bảng 3. 5. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí
- Bảng 3. 6. Mức áp âm từ các máy xây dựng
- Bảng 3. 7. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển
- Bảng 3. 8. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt
- Bảng 3. 9. Tổng hợp kinh phí thực hiện các công trình bảo vệ môi trường
- Bảng 4. 1. Nội dung chương trình quản lý môi trường Dự án

DANH MỤC HÌNH VẼ

- Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí địa lý của dự án
- Hình 1. 2. Sơ đồ ranh giới thửa đất của dự án
- Hình 1. 3. Mối tương quan của khu vực Dự án và các đối tượng kinh tế- xã hội
- Hình 1. 4. Sơ đồ cải tạo tận thu đất san lấp
- Hình 1. 5. Sơ đồ hoàn thổ
- Hình 1. 6. Sơ đồ tổ chức thi công
- Hình 1. 7. Sơ đồ quản lý và thực hiện của Dự án

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1 Thông tin chung về dự án

Tên dự án: **“Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”**.

Chủ dự án: Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang.

Xã Xuân Ninh là xã vùng giữa của huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 9km, dân cư sinh sống tập trung theo xóm, thôn, ngành nghề chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng. Trong thời gian qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, nhân dân xã Xuân Ninh tích cực lao động, mở rộng sản xuất, đóng góp công sức tiền của xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội ngày càng phát triển.

Năm 2021, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021. Để khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh cũng như xây dựng được một số chiến lược mang tính phát triển sản xuất bền vững trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, khai thác có hiệu quả các lợi thế của điều kiện tự nhiên, đất đai, con người và đưa ra định hướng phát triển các tiểu ngành như: Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên và môi trường. Mục tiêu của chương trình nhằm nâng cao đời sống của nhân dân bền vững theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước đề ra.

Hưởng ứng chương trình đó, Bà Trương Thị Thủy (chủ sở hữu của thửa đất 341- tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh) kết hợp với Bà Lê Thị Linh Giang (người đang quản lý, sử dụng, trồng và khai thác cây tại thửa đất số 331 và 349, tờ bản đồ số 29 của chủ sử dụng đất, hộ gia đình ông Trần Xuân Vận và bà Nguyễn Thị Chôi. Các thửa đất có vị trí liền kề ở vùng đồi đất, có độ dốc tương đối lớn. Mục đích sử dụng là đất trồng rừng sản xuất, tuy nhiên, do địa hình gò đồi, đất đá cằn cỗi nên trồng cây kém phát triển, không mang lại hiệu quả. Qua nghiên cứu tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo một số khu vực trong huyện Quảng Ninh, Bà Trương Thị Thủy và Bà Lê Thị Linh Giang nhận thấy cần thiết phải cải tạo, hạ độ cao thì trồng cây mới hiệu quả, nâng cao thu nhập cho gia đình.

Dự án **“Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”** thuộc Mục số 9, phụ lục IV (dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Bà Trương Thị Thủy và Bà Lê Thị Linh Giang đã tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho dự án.

1.2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án

Dự án “**Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**” được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt chủ trương đầu tư.

1.3. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch bảo vệ môi trường, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển

Năm 2021, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021, định hướng đẩy mạnh khai thác các tiềm năng, thế mạnh, khai thác có hiệu quả các lợi thế của điều kiện tự nhiên, đất đai, con người.

Hiện nay, các hộ gia đình, cá nhân đã được giao đất nông nghiệp có nhu cầu cải tạo mặt bằng, hạ độ cao để thuận tiện canh tác, nâng cao hiệu quả sản xuất ngày càng nhiều, việc cải tạo mặt bằng sẽ phát sinh khối lượng dư thừa đất cần được vận chuyển ra khỏi khu vực để tận thu phục vụ san lấp các công trình xây dựng nông thôn mới. Hộ bà Trương Thị Thủy được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 29 thuộc thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh, sổ vào sổ H.00114 ngày 14/07/2009, diện tích 4.281,0 m², để trồng rừng sản xuất. Thửa số 331 và 349 - tờ bản đồ 29 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành A0 740099, sổ vào sổ H.00011 ngày 14/07/2009 do UBND huyện Quảng Ninh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Chôi (đã mất), nay bà Lê Thị Linh Giang (con dâu bà Nguyễn Thị Chôi) được quyền sử dụng, có diện tích 9.738,0 m², để trồng rừng sản xuất tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Việc thực hiện Dự án hoàn toàn phù hợp với chủ trương của tỉnh đề ra theo Công văn số 894/UBND-TNMT ngày 13/06/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình cá nhân kết hợp tận thu san lấp.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

Dự án “**Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**” thuộc Mục số 9, phụ lục IV (dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, một số căn cứ pháp lý và kỹ thuật khác của việc lập báo cáo ĐTM như sau:

2.1. Các văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Văn bản pháp luật liên quan đến môi trường:

- Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản;

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Văn bản pháp luật liên quan khác:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;

c. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn áp dụng

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 02/2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

2.2. Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến Dự án

- Công văn số 894/UBND-TNMT ngày 13/06/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình cá nhân kết hợp tận thu san lấp;

- Công văn số 702/STNMT-KS ngày 20/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn thủ tục cấp phép cải tạo đất nông nghiệp đã giao cho hội gia đình, cá nhân có tận thu đất san lấp;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 341 – tờ bản đồ số 29, thuộc Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp cho Hộ bà Trương Thị Thủy để trồng rừng sản xuất với diện tích là 4.281,0 m² (đất trồng rừng sản xuất);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 331, 349 - tờ bản đồ 29, số phát hành A0 740099, số vào sổ H.00011 ngày 14/07/2009 do UBND huyện Quảng Ninh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Chôi (đã mất), nay bà Lê Thị Linh Giang (con dâu bà Nguyễn Thị Chôi) được quyền sử dụng để trồng rừng sản xuất với diện tích là 9.738,0 m² (đất trồng rừng sản xuất);

- Đơn đề nghị phê duyệt phương án cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp kết hợp tận thu san lấp của Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang.

- Công văn số 11/UBND-TNMT ngày 06/01/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc xin ý kiến cải tạo đối với đất nông nghiệp kết hợp khai thác tận thu san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 – tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Công văn số 60/STNMT-KSKTTV ngày 13/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình về việc cho ý kiến đối với việc cải tạo đất nông nghiệp kết hợp tận thu đất san lấp trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

(Các văn bản được đính kèm tại Phụ lục 1)

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án tạo lập

- Phương án ” **Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**”.

- Kết quả khảo sát, đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tiến hành vào tháng 12 năm 2021.

(Các kết quả phân tích được đính kèm tại Phụ lục 3).

3. Tổ chức thực hiện ĐTM

Chủ dự án: Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang thuê đơn vị tư vấn là Công ty TNHH dịch vụ môi trường xanh Hải Âu tổ chức thực hiện báo cáo ĐTM Dự án: **“Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”**.

*** Chủ dự án: Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang**

- Địa chỉ liên hệ: thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

*** Đơn vị tư vấn và thực hiện lập báo cáo ĐTM:** Công ty TNHH dịch vụ môi trường xanh Hải Âu

- Người đại diện: **Hoàng Thị Lệ Quyên** - Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: 102 Đường Tôn Thất Tùng, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại: 0918 497 202

- Những người tham gia thực hiện:

Bảng 0. 1. Danh sách các thành viên tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Họ và tên	Học vị	Chức danh	Chuyên ngành đào tạo	Nội dung phụ trách	Chữ kí
I	Thành viên chủ dự án					
1	Trương Thị Thủy		Chủ Dự án		Cung cấp các hồ sơ, thông tin liên quan dự án	
2	Lê Thị Linh Giang		Chủ Dự án		Cung cấp các hồ sơ, thông tin liên quan dự án	
II	Thành viên đơn vị tư vấn lập báo cáo					
1	Hoàng Thị Lệ Quyên	Cử nhân	Giám đốc	Kế toán	Chủ trì	
2	Hoàng Anh Vũ	Thạc sĩ	Thành viên	Khoa học Môi trường	Khảo sát, thu thập số liệu	
3	Võ Thị Nho	Thạc sĩ	Thành viên	Công nghệ Môi trường	Tổng hợp thông tin, số liệu viết báo cáo	
4	Võ Văn Thiệp	Tiến sĩ	Thành viên	Sinh học	Tổng hợp thông tin, số liệu viết báo cáo	
5	Lê Văn Hoan	Kỹ sư	Thành viên	Kỹ sư thăm dò địa chất	Tổng hợp thông tin, số liệu viết báo cáo	
6	Nguyễn Diệu Quỳnh	Kỹ sư	Thành viên	Công nghệ & kỹ thuật môi trường	Tổng hợp thông tin, số liệu viết báo cáo	

4. Phương pháp ĐTM

Bảng 0. 2. Các phương pháp áp dụng trong ĐTM

TT	Phương pháp	Mục đích áp dụng	Nội dung áp dụng trong ĐTM
I. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường			
1	Phương pháp lập bảng liệt kê	Phân tích quá trình thực hiện dự án, quá trình thi công, biện pháp thi công và phương tiện sử dụng... Phương pháp này được sử dụng để lập mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án và các tác động môi trường.	Chương I Chương II Chương III Chương IV Chương V
2	Phương pháp mô hình hóa	Phương pháp này là cách tiếp cận toán học mô phỏng diễn biến quá trình chuyển hóa, biến đổi (phân tán hoặc pha loãng) trong thực tế về thành phần và khối lượng của các chất ô nhiễm trong không gian và theo thời gian. Đây là một phương pháp có mức độ định lượng và độ tin cậy cao cho việc mô phỏng các quá trình vật lý, sinh học trong tự nhiên và dự báo tác động môi trường, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm. Báo cáo sử dụng mô hình Sutton để mô phỏng, tính toán và đánh giá dự báo mức độ và phạm vi ô nhiễm môi trường không khí khu vực thực hiện dự án.	Chương III
II. Các phương pháp khác			
1	Phương pháp khảo sát	Quan sát, đánh giá hiện trường (kết hợp với sự hướng dẫn của cán bộ thông thạo địa hình).	Chương I
2	Phương pháp thu thập thông tin	Sưu tầm các nguồn tài liệu liên quan phục vụ quá trình ĐTM; thu thập các số liệu về điều kiện kinh tế - xã hội và khí tượng thủy văn khu vực; tham khảo các tài liệu ĐTM.	Mở đầu Chương I Chương II
3	Phương pháp	Đo đạc các chỉ số môi trường bằng các	Chương II

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

	pháp đo đạc	thiết bị đo đạc có độ chính xác cao.	
4	Phương pháp so sánh	Tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, khí thải và so sánh với các chỉ tiêu trong tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường	Chương III
5	Phương pháp dự báo	Dựa trên số liệu nền, nội dung dự án để dự báo nguồn phát sinh, tải lượng, nồng độ và mức độ tác động do quá trình thực hiện công trình đến các yếu tố tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội.	Chương III

5. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về Dự án

a. Thông tin chung

Tên dự án: “Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”.

- *Chủ dự án:* Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang

- Địa điểm thực hiện: xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Tiến độ thực hiện dự án: 12 tháng

b. Phạm vi, quy mô, công suất

Tổng diện tích của thửa đất là 14.019,0m². Diện tích xin cải tạo là 12.021,28m².

Chiều dày đất mặt, lớp phủ: 0,7 m

Chiều dày lớp sản phẩm, trung bình: 1,75 m

Khối lượng đất mặt, lớp phủ: 8.414,90m³

Khối lượng sản phẩm khai thác: 29.459,13m³

Trữ lượng đất san lấp khai thác tận thu: 29.459,13 – 8.414,90 = 21.044,23m³.

c. Các hạng mục của dự án

** Hạng mục tận thu đất*

Dự án tiến hành thi công theo hình thức cuốn chiếu, hạ dần độ cao theo từng cột.

Khu vực tận thu Dự án có diện tích 12.021,28 m².

Tổng khối lượng địa chất: 29.459,13m³;

- Tổng khối lượng tận thu : 29.459,13 – 8.414,90 = 21.044,23m³;

** Hạng mục trồng cây*

Trong quá trình tiến hành tận thu đất theo hình thức cuốn chiếu, hạ dần độ cao. Tại mỗi cột đất thực hiện, tiến hành tận thu đất và hoàn trả lớp đất bóc bề mặt theo từng lô. Sau khi cải tạo đất theo từng cột xong thì tiến hành đào hố và trồng cây trên toàn bộ diện tích cột. Tổng diện tích cần trồng cây là 12.021,28 m² ≈ 1,2 ha.

Loại cây trồng được chọn để tiến hành trồng cây tại khu vực Dự án là keo lai giâm hom với mật độ 2.000cây/ha, tỉ lệ trồng dặm bằng 30% mật độ cây trồng.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường

Bảng 0.3. Tóm tắt các nguồn gây tác động chính của Dự án

T	Nguyên tác động	Các tác động tiêu cực	Thời gian tác động
1	Đào đất	- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào đất. - Chất thải nguy hại: giẻ dính dầu thải...	Trong suốt thời gian cải tạo, tận thu đất
2	Hoạt động vận chuyển đất tận thu	Hoạt động của phương tiện vận chuyển sẽ phát sinh bụi, khí thải như: SO ₂ , CO, NO _x ,...	
3	Sinh hoạt của công nhân	- Phát sinh nước thải sinh hoạt: có chứa các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh,.. - Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: thức ăn thừa, bao bì các loại...	
4	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa cuốn theo chất bẩn ra môi trường tiếp nhận	
5	Hoạt động trồng cây	- Bụi từ quá trình đào hố - Hoạt động của phương tiện vận chuyển phân bón, cây giống sẽ phát sinh bụi, khí thải như: SO ₂ , CO, NO _x ,...	Trong suốt thời gian trồng cây
6	Sinh hoạt của công nhân	- Phát sinh nước thải sinh hoạt: có chứa các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh,.. - Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: thức ăn thừa, bao bì các loại...	
7	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa cuốn theo chất bẩn trên bề mặt	

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

5.3.1 Trong giai đoạn tiến hành cải tạo tận thu

a. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,6m³/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms...

- Nước mưa chảy tràn qua bề mặt khu vực có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng ra môi trường xung quanh dự án. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

b. Quy mô, tính chất của khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động giao thông vận chuyển, đào đắp, san gạt, từ hoạt động của các động cơ sử dụng nhiên liệu hoá thạch... Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có khối lượng khoảng 1,8kg/ngày. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn,...

- Chất thải rắn thông thường khác: chủ yếu từ quá trình phát quang cây khoảng 7,0tấn.

d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ các phương tiện thi công, với khối lượng phát sinh ước tính khoảng 1 - 2 kg giẻ lau/tháng, 2-3 lít dầu mỡ bôi trơn/tháng.

5.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành

a. Các nguồn phát sinh liên quan đến chất thải

- Tác động của nước thải

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,4m³/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms...

+ Nước mưa chảy tràn. Trong giai đoạn trồng cây nếu gặp thời tiết khu vực mưa lớn thì nước mưa chảy tràn sẽ dễ cuốn trôi đất, đá về phía thấp của khu vực Dự án.

- Tác động đến môi trường do chất thải rắn

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có khối lượng khoảng 1,2kg/ngày. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn,...

+ Chất thải thông thường khác:

Tác động chủ yếu do đất, phân bón rơi vãi từ hoạt động vận chuyển cây trồng, phân bón.

- Tác động đến môi trường không khí

** Bụi phát sinh từ hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây*

Bụi phát sinh chủ yếu là do hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây. Tải lượng bụi phát sinh sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện thời tiết, độ ẩm của đất, tần suất và hoạt động trong ngày,...

** Khí thải động cơ phát sinh từ các xe vận chuyển cây giống, phân bón*

Khí thải động cơ được phát sinh từ xe vận chuyển cây giống, phân bón. Các tác nhân gây ô nhiễm trong khí thải bao gồm: CO, CO₂, SO₂, NO_x, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs),...

b. Các nguồn không phát sinh không liên quan đến chất thải

- Tác động do tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh trong quá trình trồng cây chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là xe chở phân bón, cây trồng trên tuyến đường vận chuyển.

- Tác động do sạt lở, bồi lấp đất

Trong hoạt động đào hố trồng cây tại khu vực để lại bờ moong vào những ngày mưa lớn, lũ lụt có thể gây nên hiện tượng xói mòn và có thể rửa trôi đất trồng trên diện tích khu vực được cải tạo và một lượng đất có khả năng bị cuốn trôi theo dòng nước mưa gây bồi lấp khu vực thấp trũng xung quanh.

c. Các sự cố trong giai đoạn hoạt động của Dự án

- Sự cố tai nạn giao thông

- Sự cố cây trồng bị chết trong giai đoạn trồng cây

5.3.3. Các tác động môi trường khác

a. Trong giai đoạn cải tạo tận thu

- Tác động đến hệ sinh thái

Nhìn chung, các tác động đến hệ sinh thái của khu vực của Dự án là không đáng kể, do tính đa dạng sinh thái khu vực thấp, các loài động, thực vật ít có giá trị về mặt sinh thái.

- Gia tăng lưu lượng phương tiện vận tải

Với khối lượng đất san lấp trong quá trình thực hiện Dự án là khá lớn nên việc gia tăng mật độ và lưu lượng phương tiện gây ảnh hưởng đến quá trình lưu thông của người dân và cuộc sống của những hộ dân sinh sống 2 bên tuyến đường.

b. Trong giai đoạn hoạt động của Dự án

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

Sau khi tiến hành cải tạo xong thì Chủ dự án (Hộ gia đình) sẽ tiến hành trồng cây. Hoạt động này sẽ tác động tích cực đến kinh tế- xã hội khu vực.

- Tạo việc làm cho một bộ phận dân cư địa phương;

- Trồng rừng mang lại hiệu quả kinh tế cho hộ gia đình;

- Trồng rừng giúp cải thiện hệ sinh thái khu vực.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

5.4.1. Trong giai đoạn cải tạo tận thu

(A). Giảm thiểu tác động của bụi phát sinh

➤ Đối với hoạt động đào đắp

- Tiến hành phun ẩm khu vực đào đất vào những ngày thời tiết nắng nóng, khô hanh và có gió lớn cần phun với tần suất 4 – 6 lần/ngày;

- Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân tham gia thi công.

➤ Đối với hoạt động vận chuyển

- Lựa chọn tuyến đường vận chuyển đất tận thu hợp lý. Phần đất tận thu sẽ được vận

chuyển từ khu vực dự án ra tuyến đường đất ở phía Đông, sau đó, từ đường đất đi vào đường Hồ Chí Minh để vận chuyển đất tận thu về khu vực đổ đất;

- Chỉ sử dụng xe có trọng tải dưới 10 tấn để vận chuyển đất;
- Thời gian vận chuyển đất là 2 ca làm việc trong ngày (buổi sáng từ 7h30 đến 11h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 15h30), không thực hiện quá trình vận chuyển đất vào giữa giờ nghỉ làm ảnh hưởng đến sinh hoạt người dân;
- Bố trí xe tưới nước để phun ẩm trên tuyến đường với tần suất trung bình 2-3 lần/ngày và tăng lên khoảng 4 - 6 lần/ngày nếu thời tiết có nắng, khô nóng và có gió mạnh, đặc biệt trên đoạn đường đất phía Đông khu vực cải tạo. Lượng nước cấp cho hoạt động phun ẩm trong giai đoạn cải tạo khoảng 10m³/ngày. Bố trí xe bồn phun ẩm lấy nước từ hộ gia đình bà Trương Thị Thủy (chủ đầu tư)- cách dự án khoảng 1km ở phía Đông.
- Sắp xếp lịch vận chuyển hợp lý để tránh vận chuyển tập trung cùng lúc trên cùng một tuyến đường, nhất là ở đường đất phía Đông dự án.

(B). Giảm thiểu ô nhiễm đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy thi công

- Sử dụng các phương tiện tận thu, vận chuyển được đăng kiểm định kỳ bởi cơ quan có chức năng;
- Bố trí các phương tiện thi công hợp lý, tránh tập trung các phương tiện một lúc để hạn chế bụi phát sinh;
- Không cải tạo tận thu đất vào những thời điểm gió Tây Nam, Đông Bắc hoạt động mạnh để hạn chế bụi đất bị khuếch tán ra môi trường xung quanh.

(C). Giảm thiểu ô nhiễm đối với khí thải, tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất tận thu

- Các phương tiện vận tải đất tận thu được tiến hành đăng kiểm định kỳ tại các trạm đăng kiểm;
- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý để không tập trung quá đông phương tiện vào một thời điểm, nhất là ở đoạn đường phía Đông đi vào khu vực dự án.
- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đúng trọng tải, không vận chuyển tập trung để hạn chế cộng hưởng âm;
- Giáo dục lái xe chấp hành quy tắc an toàn giao thông, giảm tốc độ và không kéo còi khi không cần thiết ở các đoạn đường đi qua khu dân cư tập trung.

(D). Giảm thiểu ô nhiễm đối với đất đá rơi vãi, bùn đất dính bám bánh xe gây ô nhiễm các tuyến đường vận chuyển:

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe; không chở quá trọng tải cho phép.
- Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý, giám sát đơn vị được thuê vận chuyển đất san lấp trên các tuyến đường vận chuyển, giảm thiểu bụi cuốn trên đường đặc biệt là 1km đoạn đường vào khu vực cải tạo ở phía Đông;

- Tiến hành thường xuyên vệ sinh nền đường, phun ẩm trên tuyến đường đi vào khu vực cải tạo ở phía Đông với tần suất trung bình 2 - 3 lần/ngày và tăng lên khoảng 4-6 lần/ngày nếu thời tiết có nắng, khô nóng và có gió mạnh

- Bố trí điểm xịt rửa bánh xe ở phía Đông của khu vực cải tạo. Tại điểm xịt rửa, đào hố lắng có kích thước DxRxH là 1,5x1x1m để lắng cặn.

(E). Giảm thiểu tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn

(E.1) Nước thải sinh hoạt:

Công nhân tham gia trong giai đoạn cải tạo, tận thu của dự án sẽ lưu trú và sinh hoạt tại lán trại.

- Xử lý nước thải vệ sinh bằng nhà vệ sinh lưu động;

- Chủ đầu tư cam kết việc xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh lưu động đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Yêu cầu công nhân thường xuyên giữ vệ sinh chung, nhất là khu vệ sinh để hạn chế ô nhiễm môi trường xung quanh.

(E.2) Nước mưa chảy tràn

- Hạn chế các hoạt động đào đất, bốc xúc vào những ngày có mưa lớn để tránh hiện tượng trôi rửa đất trên bề mặt;

- Đào các mương thoát nước mưa ở phía Đông của dự án dọc theo cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3. Bố trí các hố lắng tạm thời bằng đất. Tại đây, đất, chất thải rắn lơ lửng sẽ được lắng lại trong quá trình thoát nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo.

(F). Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

(F.1). Chất thải rắn sinh hoạt:

- Tiến hành thu gom chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 02 thùng rác có thể tích 60 lít ở khu vực lán trại. Sau đó, tiến hành hợp đồng với Ban quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Ninh để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định với tần suất 2 lần/tuần;

- Xây dựng nội quy sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh chung, đổ rác đúng nơi quy định, phổ biến và yêu cầu mọi lao động tuân thủ tại khu vực lán trại.

(F.2). Chất thải rắn xây dựng

Biện pháp giảm thiểu tác động tại khu vực đổ đất phong hoá của dự án

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

- Tiến hành quá trình cải tạo, tận thu đúng thời gian quy định,

- Tiến hành quá trình cải tạo, tận thu theo hình thức cuốn chiếu theo từng cột (20m).

- San gạt, lu lèn tại bãi chứa đất bề mặt sau khi đổ đất.

*** Đối với hiện tượng sạt lở đất**

- Đảm bảo chiều cao các bãi chứa không quá 1,5m để giảm tối đa sự cố sạt lở đất và đảm bảo an toàn lao động.

*** Giảm thiểu bụi tại bãi chứa đất phong hoá:**

- Che chắn tạm bãi đất bóc bề mặt bằng bạt hoặc tôn để tránh, hạn chế bụi cuốn khi có gió;

- Tiến hành phun ẩm, lu lèn đất ngay sau khi đổ đất bề mặt về bãi chứa trong quá trình tận thu để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

(F.3). Chất thải nguy hại

+ Đối với lượng dầu mỡ, giẻ lau phát sinh tại công trường, chủ dự án sẽ bố trí công nhân thu gom giẻ lau, bóng đèn hỏng... vào 01 thùng rác (thể tích 60 lít) có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại tại khu vực công trường.

+ Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư 36:2015/BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý CTNH.

(G) Giảm thiểu tác động môi trường tại khu vực san lấp

** Giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn*

- Đổ đất đến đâu sẽ tiến hành san ủi, lu lèn đất bề mặt đến đó,

- Không vận chuyển đất tận thu vào ngày mưa lớn.

- Tiến hành đổ đất san lấp đúng vị trí, không đổ tràn ra khu vực xung quanh.

** Giảm thiểu bụi tại khu vực san lấp đất:*

- Tiến hành phun ẩm, lu lèn đất ngay sau khi đổ đất tại bãi đổ đất tận thu để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

(H). Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

Việc quản lý, xử lý tốt nguồn thải như đã nói ở trên sẽ góp phần giảm thiểu tác động do các chất thải đến hệ động thực vật xung quanh Dự án.

Không tiến hành chặt bỏ các loại cây trên toàn bộ diện tích cải tạo, không xâm phạm đến diện tích ngoài khu vực Dự án;

Thực hiện đầy đủ các phương án phòng chống cháy rừng.

(I). Giảm thiểu tác động do gia tăng lưu lượng phương tiện vận tải

- Bố trí các xe vận chuyển đất san lấp từ khu vực Dự án với lưu lượng hợp lý, tránh vận chuyển tập trung cùng một lúc để không gây ùn tắc giao thông; nhất là ở đoạn đường đất phía Đông khu vực dự án.

- Chủ đầu tư sẽ kết hợp với các hộ dân có rừng xung quanh tuyến đường và chính quyền địa phương để cải tạo lại tuyến đường, lấp bù những vị trí lõm để đảm bảo an toàn giao thông.

- Các phương tiện đi vào khu vực tuyến đường phải giảm tốc độ để đảm bảo an toàn giao thông do tuyến đường dốc.

(K). Giảm thiểu tác động của việc cải tạo tận thu đến hoạt động canh tác của khu vực rừng sản xuất lân cận.

- Cần có sự liên kết, tìm hiểu thời gian tiến hành thu hoạch của rừng lân cận để sắp xếp thời gian hoạt động của Dự án một cách hợp lý.

- Đồng thời, không tiến hành hoạt động đào đất trong thời tiết hanh khô, có gió lớn đặc biệt là khi trùng với thời gian thu hoạch của rừng lân cận.

(L) Giảm thiểu tác động đến tuyến đường đất

- Hạn chế quá trình vận chuyển vào những ngày thời có mưa lớn.

- Chủ đầu tư sẽ kết hợp với các hộ dân có rừng xung quanh tuyến đường và chính quyền địa phương để cải tạo lại tuyến đường, đắp bù những vị trí lồi để đảm bảo an toàn.

(N) Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng

- Chủ Dự án thực hiện quy trình kỹ thuật tận thu đất đúng như trong thiết kế đã được phê duyệt, không tận thu đất vượt quá công suất cho phép.

Vì cos địa hình thấp dần về phía Tây sang Đông nên đào mương thoát nước dọc theo cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3. Mương thoát nước là mương đất có hạng hình thang, kích thước 0,4 x 0,4 (m) và độ dốc mái là 1:1. Sử dụng 04 hố lắng cạn trên mương với kích thước mỗi hố 1,2x 1,2 x1,0 (m) để lắng cạn và chất thải rắn. Các hố lắng cách nhau khoảng 30 - 50m. Nước mưa chảy theo mương đất qua hố lắng, sau đó tập trung tại hố lắng ở gần điểm số 3, từ đó, nước mưa thoát ra mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo.

(P) Giảm thiểu tác động do hiện tượng sạt lở

- Để đảm bảo an toàn chống sạt lở dự án sẽ chừa lại đai an toàn là 5m tại các phía tiếp giáp và tạo mái taluy với tỉ lệ 1:3 ở phía Tây và phía Bắc.

- Chủ Dự án thực hiện quy trình kỹ thuật tận thu đất đúng như trong thiết kế đã được phê duyệt, không tận thu đất vượt quá công suất cho phép.

- Trong quá trình cải tạo, chủ Dự án sẽ cắt cử những người quản lý thường xuyên quan sát cũng như giám sát bờ cải tạo để kịp thời phát hiện các sự cố sạt lở bờ cải tạo có thể xảy ra bất ngờ, đặc biệt là bờ đất phía tiếp giáp ở phía Bắc và phía Tây của Dự án.

(Q). Hạn chế các tác động về mặt kinh tế - xã hội và an ninh trật tự

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với chính quyền, công an xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh để có các biện pháp quản lý công nhân trong thời gian tiến hành cải tạo, tận thu tại khu vực Dự án.

(P) Biện pháp giảm thiểu tác động rủi ro, sự cố môi trường

**** Sự cố thiên tai, sạt lở đất***

- Trong quá trình cải tạo tận thu chủ dự án sẽ cắt cử người thường xuyên quan sát, giám sát bờ đất để kịp thời phát hiện sự cố sạt lở bờ có thể xảy ra, đặc biệt là bờ đất phía tiếp giáp với phía Bắc và phía Tây của Dự án;

- Tuyệt đối không đào đất vào thời điểm mưa lớn, vì lúc này tầng đất dưới tác động của nước mưa chảy tràn sẽ trở nên bờ rời hơn. Do vậy, nếu thi công cải tạo trong thời điểm này thì dễ gây sự cố sụt lún đất.

** Sự cố đọng nước, ngập lụt ở đáy khu vực cải tạo kết hợp tận thu*

Vì cos địa hình thấp dần về phía Tây sang Đông. Sau khi cải tạo, địa hình hạ thấp trung bình 1,75m và có xu hướng thấp dần về phía Đông theo hướng dốc của địa hình hiện trạng nên hạn chế tối đa sự cố đọng nước, ngập lụt. Đồng thời, để đảm bảo khả năng thoát nước, chủ đầu tư sẽ tiến hành đào mương thoát nước dọc theo cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3. Mương thoát nước là mương đất có dạng hình thang, kích thước 0,4 x 0,4 (m) và độ dốc mái là 1:1. Sử dụng 04 hố lắng cạn trên mương với kích thước mỗi hố 1,2x 1,2 x1,0 (m) để lắng cạn và chất thải rắn. Các hố lắng cách nhau khoảng 30 - 50m. Nước mưa chảy theo mương đất qua hố lắng, sau đó tập trung tại hố lắng ở gần điểm số 3, từ đó, nước mưa thoát ra mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo.

** Sự cố sạt lở, bồi lấp đất*

- Chủ Dự án thực hiện quy trình kỹ thuật tận thu đất đúng như trong thiết kế đã được phê duyệt, không tận thu đất vượt quá công suất cho phép. Tuyệt đối không được cải tạo kiểu hàm ếch, đặc biệt là các khu vực có độ cao lớn nhằm góp phần hạn chế đất trượt lở từ trên cao xuống thấp gây vùi lấp khu vực xung quanh.

- Thực hiện theo phương pháp cuốn chiếu, cứ 20m thì hoàn thổ một lần, tận thu đến đâu thì hoàn thổ đến đó để tránh sạt lở đất trong quá trình thi công dự án.

** Sự cố hư hỏng tuyến đường liên thôn, liên xã và các tuyến đường khác.*

- Chỉ sử dụng xe vận chuyển có tải trọng dưới 10 tấn.

- Nếu để xảy ra sự cố hư hỏng đoạn đường nào do quá trình vận chuyển đất tận thu gây ra thì chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị được thuê vận chuyển tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời để đảm bảo việc giao thông đi lại.

** Sự cố chết cây trồng xung quanh do hoạt động của Dự án.*

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp để quản lý các nguồn thải phát sinh từ quá trình cải tạo, tận thu của Dự án như bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn...

- Nếu xảy ra hiện tượng chết cây trồng xung quanh do hoạt động của Dự án, chủ Dự án sẽ làm việc với chủ rừng bị thiệt hại và thực hiện đền bù thỏa đáng.

5.4.2. Trong giai đoạn trồng cây

(A). Giảm thiểu tác động của nguồn liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động do nước thải

** Đối với nước thải sinh hoạt*

- Sử dụng lại nhà vệ sinh lưu động trong giai đoạn cải tạo tận thu, định kì hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Sau khi kết thúc hoạt động trồng cây, sẽ phối hợp với đơn vị chức năng để tháo dỡ theo đúng quy định.

** Đối với nước mưa chảy tràn*

- Không tiến hành đào hố trồng cây vào những ngày có mưa lớn;
- Sử dụng mương thoát nước sẵn có trong giai đoạn cải tạo của khu vực dự án để thu gom và thoát nước mưa cho khu vực.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn

- Tiến hành thu dọn đất rơi vãi tuyến đường đất phía Đông khu vực dự án.
- Bố trí thùng rác 60lít đặt tại khu vực dự án để thu gom rác thải sinh hoạt.
- Định kì họp đồng với ban quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Ninh để tiến hành thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

** Giảm thiểu bụi phát sinh từ hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây:*

- Sử dụng biện pháp thủ công trong quá trình đào hố, tạo hàng trồng cây nhằm hạn chế bụi phát sinh.

- Hạn chế hoạt động đào hố trồng cây vào thời điểm có gió to.

** Giảm thiểu khí thải động cơ phát sinh từ các xe vận chuyển cây giống, phân bón:*

- Các phương tiện vận tải, máy móc được tiến hành đăng kiểm định kỳ;
- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý.

(B). Biện pháp giảm thiểu tác động do nguồn phát sinh không liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động do tiếng ồn

+ Sử dụng các phương tiện chuyên chở vật liệu đã được đăng kiểm định kỳ;
+ Khi đi qua khu dân cư sinh sống hai bên các tuyến đường, hạn chế sử dụng còi hơi và không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển.

b. Giảm thiểu tác động do sạt lở, bồi lấp đất

Trong giai đoạn này, chỉ thực hiện đào hố, tiến hành trồng cây xanh vào những ngày thời tiết thuận lợi, theo dõi nắm bắt kịp thời những thời điểm thời tiết chuyển biến xấu như mưa lớn kéo dài để có biện pháp phòng ngừa hiện tượng sạt lở, bồi lấp đất.

(C). Biện pháp giảm thiểu tác động do rủi ro, sự cố

a. Đối với sự cố an toàn giao thông

- Yêu cầu lái xe chạy đúng tốc độ, tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn giao thông. Thu dọn đất đá rơi vãi trên nền đường do hoạt động của Dự án;

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa các tuyến đường giao thông được xác định là bị hư hỏng do quá trình vận chuyển cây trồng, phân bón thuộc phạm vi dự án gây ra.

b. Đối với sự cố cây trồng bị chết trong giai đoạn trồng cây

Chủ Dự án sẽ tiến hành trồng cây vào thời vụ trồng rừng sau khi cải tạo đất là vào vụ thu (tháng 9, 10) hoặc vụ xuân (tháng 2, 3) để đảm bảo tỷ lệ sống của cây trồng.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Bảng 0. 1. Chương trình bảo vệ môi trường của dự án.

TT	Các hoạt động	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện dự tính (đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	Cải tạo, tận thu	- Phát sinh khí thải, bụi, chất thải rắn, Nước mưa chảy tràn	- Quản lý việc vận chuyển; - Che chắn thùng xe, phun ẩm. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa.	2.000.000 10.000.000	Trong quá trình cải tạo, tận thu	Đơn vị thi công	Chủ dự án, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.
		Tai nạn lao động.	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân	2.000.000			
		Nước thải, CTR sinh hoạt	- Nhà vệ sinh lưu động - Bố trí thùng rác tại khu vực lán trại	20.000.000			
		Phát sinh khí thải, bụi, tiếng ồn trong quá trình vận chuyển đất tận thu	- Quản lý việc vận chuyển; - Che chắn thùng xe, phun ẩm. - Bố trí điểm xịt rửa bánh xe.	2.000.000			
		2	Trồng cây	- Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, - Nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn bề mặt; - Sự cố môi trường.			

		- Nước thải, CTR sinh hoạt					
--	--	----------------------------	--	--	--	--	--

5.5.2. Chương trình giám sát môi trường

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: NO₂ , SO₂, CO, bụi, tiếng ồn.

- Vị trí giám sát:

- KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực dự án, có tọa độ: 17°18'14.07"N; 106°37'47.60"E.

- KK2 Mẫu không khí lấy tại tuyến đường đất phía Đông dự án, có tọa độ 17°18'28.87"N; 106°38'18.14"E.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 05 : 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26 : 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án

+ Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

+ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

c. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án và lân cận.

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sạt lở, bồi lấp đất theo báo cáo ĐTM được phê duyệt.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

“Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”.

1.1.2. Chủ dự án

* **Chủ dự án:** Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang

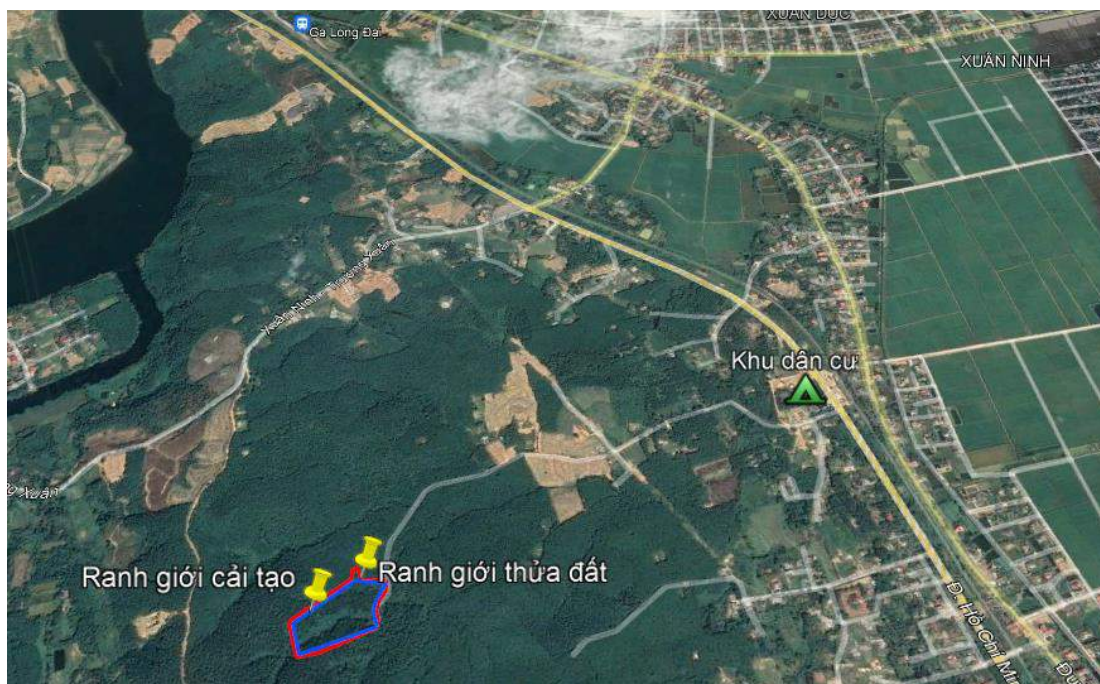
- Địa chỉ liên hệ: thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Tiến độ thực hiện dự án: 12 tháng

1.1.3. Vị trí địa lý của Dự án

Khu đất xin cải tạo thuộc thửa đất số 341 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Thủy, số vào sổ H.00114 ngày 14/07/2009, diện tích 4.281,0 m² với mục đích sử dụng là đất trồng rừng sản xuất.

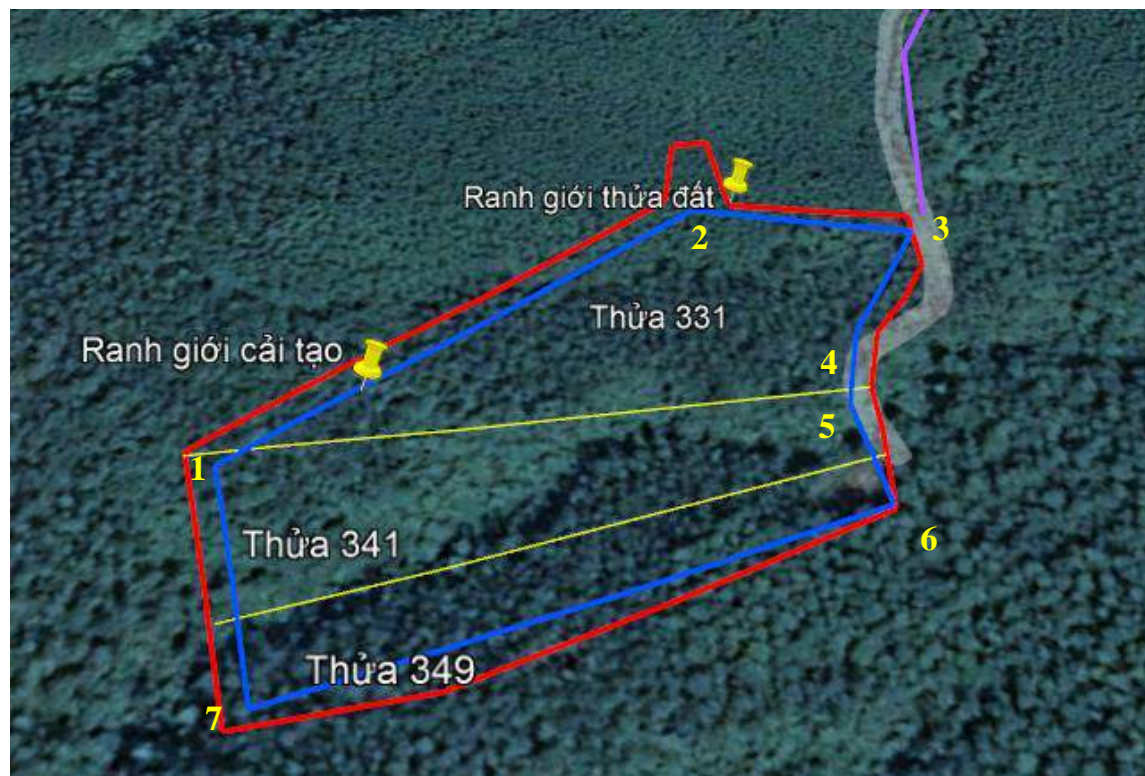
Khu đất xin cải tạo thuộc thửa đất số 331, 349 - tờ bản đồ 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số phát hành A0 740099, số vào sổ H.00011 ngày 14/07/2009 do UBND huyện Quảng Ninh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Chôi (đã mất), nay bà Lê Thị Linh Giang (con dâu bà Nguyễn Thị Chôi) được quyền quản lý, sử dụng, trồng và khai thác cây, để trồng rừng sản xuất với diện tích là 9.738,0 m² (đất trồng rừng sản xuất).



Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí địa lý của dự án

Hiện trạng sử dụng đất: mặt bằng dự án thuộc thửa đất số 341 hiện là diện tích cây keo đã khai thác và phần diện tích còn lại thuộc thửa đất 331, 349 là cây keo đang đến vụ thu hoạch, với mật độ khoảng $5\text{m}^2/\text{cây}$, chiều cao cây trung bình khoảng 10m. Khu đất được hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Mục đích sử dụng đất: đất trồng rừng sản xuất.



Hình 1. 2. Sơ đồ ranh giới thửa đất của dự án

Vị trí thực hiện: thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tổng diện tích thửa đất là $14.019,0\text{m}^2$.

Diện tích cải tạo: 12.021,28m²

Ranh giới thửa đất:

- Phía Bắc giáp đất trồng rừng sản xuất của hộ gia đình Phạm Văn Hào;
- Phía Đông giáp đường giao thông (đường đất);
- Phía Tây giáp đất trồng rừng sản xuất của hộ gia đình Nguyễn Trường Ngọc;
- Phía Nam giáp đất trồng rừng sản xuất của hộ gia đình Trương Văn Đạt;

Khu vực cải tạo được giới hạn bởi 7 điểm mốc từ 1 đến 7 có hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106⁰ múi chiều 3⁰ như sau:

Mốc	X(m)	Y(m)
1	1914055.34	566692.39
2	1914136.02	566791.52
3	1914123.76	566841.42
4	1914088.46	566824.86
5	1914068.39	566823.36
6	1914036.88	566837.52
7	1914000.29	566705.38
Diện tích: 12.021,28 m²		

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất:

Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Độ dốc địa hình khoảng 20%. Vì vậy, cần hạ độ cao (chủ yếu là ở phía Tây của khu đất cải tạo) để có mặt bằng bằng phẳng, giúp canh tác thuận lợi và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người dân.

Các vị trí tiếp giáp với khu vực thực hiện dự án hiện tại không có nhà ở, xung quanh không có các di tích lịch sử, không có các loài động thực vật quý hiếm cần được bảo vệ.

** Một số đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực Dự án:*

- Đường giao thông: Hiện trạng dọc theo phía Đông dự án là tuyến đường đất, có bề rộng 4 – 6m, tải trọng 10T. Tuyến đường này có chiều dài khoảng 1km và kết nối dự án với đường Hồ Chí Minh. Dự án sẽ sử dụng tuyến đường đất này để vận chuyển đất tận thu. Xung quanh tuyến đường này là diện tích rừng sản xuất của các hộ gia đình. Theo tham khảo ý kiến của người dân và chính quyền địa phương, tuyến đường này được người dân sử dụng chủ yếu để phục vụ cho hoạt động trồng rừng sản xuất của các hộ dân nên mật độ giao thông không lớn.

Tuy nhiên, tuyến đường đất hiện tại khá gồ ghề và có độ dốc lớn. Do đó, trong quá trình vận chuyển đất tận thu, yêu cầu lái xe lưu ý vấn đề an toàn giao thông.

Phần đất tận thu sẽ được vận chuyển từ khu vực dự án ra đường đất ở phía Đông, sau đó, từ đường đất ra đường Hồ Chí Minh đưa đất tận thu về khu vực đổ đất.



Hình 1. 3. Môi trường quan của khu vực Dự án và các đối tượng kinh tế- xã hội
(Các hình ảnh hiện trạng dự án được đính kèm tại Phụ lục 4)

- Các đối tượng kinh tế - xã hội:

Dự án nằm trong khu vực chủ yếu là rừng sản xuất. Khu dân thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh nằm cách khu vực dự án khoảng 1km về phía Đông với mật độ thưa thớt. Nên việc thực hiện dự án không gây ảnh hưởng lớn đến các hộ dân.

Ngoài ra, cách ranh giới khu vực cải tạo khoảng 150m về phía Bắc có 01 khe suối. Quá trình khảo sát vào mùa khô, khe suối không có nước. Theo tham khảo ý kiến của người dân địa phương, nước từ khe suối sẽ chảy theo độ dốc địa hình về các khu vực trũng thấp cách khu vực cải tạo khoảng 1km về phía Đông. Đồng thời, khe nước này được người dân sử dụng cho hoạt động trồng cây, không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Khe suối này sẽ giúp cho việc thoát nước mưa cho khu vực dự án.

Trong bán kính 1km từ khu vực thực hiện dự án hiện tại không có các công trình kiến trúc, không có các di tích lịch sử, không có các loài động thực vật quý hiếm cần được bảo vệ.

*** Hiện trạng rừng sản xuất tiếp giáp với Dự án**

Hiện trạng địa hình khu vực tiếp giáp với Dự án được thể hiện ở bảng sau:

Vị trí tiếp giáp	Cos hiện trạng	Chênh lệch với khu vực tương đương của dự án	Hiện trạng
Phía Bắc	+21,57m đến +29,00m	Thấp hơn từ +0,5m đến +2,81m	đang trồng cây keo
Phía Nam	+22,00m đến +45m	cao hơn từ +0,0m đến +1,0m	đang trồng cây keo.
Phía Tây	+45m đến +50m	cao hơn từ +0,0m đến +0,22m	đang trồng cây keo
Phía Tây Bắc	+29,18m đến +45,00m	thấp hơn từ +2,12m đến +2,18m	đang trồng cây keo.

Qua bảng trên ta thấy, khu vực phía Nam và Tây có địa hình cao hơn khu vực dự án, còn các phía tiếp giáp còn lại đều thấp hơn khu vực dự án.

Theo kết quả khảo sát khu vực xung quanh dự án chưa tiến hành cải tạo đất.

*** Đánh giá sự phù hợp của địa hình, chất lượng đất với hiệu quả của việc trồng rừng sản xuất sau khi cải tạo**

Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Độ dốc địa hình khoảng 20%. Với dạng địa hình như trên sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây trồng, gây khó khăn cho hoạt động canh tác nên hiệu quả kinh tế không cao. Quá trình cải tạo sẽ hạ độ cao của khu đất trong phạm vi dự án. Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Đồng thời, sẽ hoàn trả lớp đất bóc bề mặt dày 0,7m và trong hoạt động trồng cây, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp như sử dụng phân chuồng, phân hữu cơ...nên tạo điều kiện nâng cao hiệu quả trồng cây sau cải tạo. Loại cây trồng được chọn để tiến hành trồng cây tại khu vực Dự án là cây keo lai với mật độ 2.000cây/ha.

Hiệu quả trồng cây keo lai:

Theo nghiên cứu của Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam về việc Đánh giá hiệu quả của việc trồng Keo lai ở một số vùng sinh thái của Việt Nam của tác giả Trần Duy Rương năm 2013. Kết quả nghiên cứu tại vùng Bắc Trung Bộ được thể hiện tại bảng sau:

Diện tích (ha)	Luân kỳ (năm)	Chi phí đầu tư (triệu đồng)	Lợi nhuận ròng (triệu đồng)
1	5	25	61,1 - 62,9
	7	29	110,6 - 113,9
	10	34	169,6 - 174,6

** Sự phù hợp của dự án với mục đích sử dụng đất trước và sau cải tạo*

Trước khi cải tạo, phần đất dự án là khu vực đồi cao, chủ dự án đã tiến hành trồng cây keo, tuy nhiên, do độ dốc địa hình khá lớn dẫn đến khó canh tác. Vì vậy, chủ dự án muốn cải tạo, hạ độ cao khu vực đồi có diện tích 12.021,28m² thuộc thửa đất 341, 331 và 349, tờ bản đồ số 29. Sau khi cải tạo sẽ tạo sự cân bằng về cao độ cho thửa đất, để phù hợp với mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất. Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Đồng thời, sẽ hoàn trả lớp đất bóc bề mặt dày 0,7m, lượng đất này có độ mùn cao, cùng với địa hình tương đối bằng phẳng nên góp phần nâng cao hiệu quả trồng rừng sản xuất.

*** Hiện trạng tuyến đường từ khu vực tận thu đến khu vực đổ đất**

Phần đất tận thu sẽ được vận chuyển từ khu vực dự án ra đường đất ở phía Đông, sau đó, từ tuyến đường đất đi vào đường Hồ Chí Minh. Từ đây, đất tận thu được vận chuyển về khu vực đổ đất.

*** Hiện trạng khu vực đổ đất tận thu**

Chủ đầu tư đã hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và XNK Gia Hân để vận chuyển đất tận thu phục vụ cho san lấp mặt bằng các công trình: Nâng cấp đường Hiền – Xuân – An – Vạn (giai đoạn 2) và san lấp mặt bằng cho một số người dân có nhu cầu trên địa bàn xã Xuân Ninh và các vùng lân cận.

1.1.5. Mục tiêu và quy mô của Dự án

1.1.5.1. Mục tiêu đầu tư

- Mục tiêu đầu tư của dự án: Mặt bằng của khu đất hiện có cao độ chênh lệch qua lớn, sẽ khó khăn trong việc trồng cây, cũng như canh tác trên toàn bộ thửa đất. Hiện nay, chủ dự án muốn hạ thấp cao độ bình quân của khu đất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng cây keo.

Dự án được thực hiện sẽ có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển kinh tế của hộ gia đình. Tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng phát triển tốt phủ xanh đất trống đồi trọc, góp phần phát triển kinh tế cho hộ gia đình cũng như của địa phương và xã hội.

- Phần đất tận thu sẽ hỗ trợ Công trình “San lấp mặt bằng Nâng cấp đường Hiền – Xuân – An – Vạn (giai đoạn 2) và san lấp mặt bằng cho một số người dân có nhu cầu trên địa bàn xã Xuân Ninh và các vùng lân cận” từ đó giúp phát triển kinh tế xã hội của thôn, xã.

1.1.5.2. Quy mô của Dự án

+ Phương pháp tính toán trữ lượng:

Phương pháp tính toán là chia lô cần tính toán đào đắp thành các ô vuông nhỏ và tính toán khối lượng đào đắp trong các ô nhỏ sau đó tổng hợp lại. Kích cỡ các ô lưới do người sử dụng tính toán và phải phù hợp cao độ trung bình của các mắt lưới tại 4 góc không chênh lệch nhau quá lớn để có sai số kết quả tính toán không quá lớn. Kết quả tính toán khối lượng san nền thể hiện ở bảng sau:

Hạng mục	Diện tích đào (m²)	Khối lượng đào (m³)
Cột 5	580,99	1239,02
Cột 6	1432,21	3032,12
Cột 7	1670,53	4445,41
Cột 8	1807,32	5309,67
Cột 9	2107,97	5671
Cột 10	2029,85	4688,09
Cột 11	1177,3	1875,22
Cột 12	17,15	19,44
Tổng	10.913,12	26.279,97

Khối lượng đào đắp taluy thể hiện ở bảng sau:

Hạng mục	Diện tích đào (m²)	Khối lượng đào (m³)	Hạng mục	Diện tích đào (m²)	Khối lượng đào (m³)
G1	0,09	0,02	G5	1,64	1,98

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

Hạng mục	Diện tích đào (m ²)	Khối lượng đào (m ³)	Hạng mục	Diện tích đào (m ²)	Khối lượng đào (m ³)
C1	81,2	83,48	C6	142,50	337,06
C2	0	0	G6	0,47	0,18
C3	308,09	1331,13	C7	55,94	83,6
C4	277,78	903,94	C8	20,48	9,28
G4	3,19	3,16	C9	63,12	85,51
C5	203,67	339,81	Tổng	1106,16	3179,16

Tổng diện tích của thửa đất là 14.019,0m². Diện tích xin cải tạo là 12.021,28m².

Chiều dày đất mặt, lớp phủ: 0,7 m

Chiều dày lớp sản phẩm, trung bình: 1,75 m

Khối lượng đất mặt, lớp phủ: 12.021,28 x 0,7 = 8.414,90m³

Khối lượng sản phẩm: 29.459,13 – 0,00 = 29.459,13m³

Trong đó:

+ Khối lượng đất đào: 26.279,97 + 3.179,16 = 29.459,13 m³

+ Khối lượng đất đắp: 0,00 m³

b) Tôn thất do chừa đai bảo vệ:

Độ sâu khai thác 2,45 m gồm 2 tầng: tầng đất mặt, lớp phủ trung bình 0,7m; tầng sản phẩm (đất san lấp) trung bình 1,75 m. Khi thi công sẽ tạo taluy mái 1:3 (18,4°) và chừa mặt tầng để tránh sạt lở bờ. Khi thiết kế, chừa đai bảo vệ về các phía của khu đất, ngoài khu vực san nền nên ta không tính phần khối lượng tôn thất do chừa đai bảo vệ.

c) Khối lượng còn lại thi công:

Khối lượng đất mặt, lớp phủ: 8.414,90m³

Khối lượng sản phẩm khai thác: 29.459,13m³

Trữ lượng đất san lấp khai thác tận thu: 29.459,13 – 8.414,90 = 21.044,23m³.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

- Khai thác từ độ cao tự nhiên xuống trung bình -2,45m (trong đó, -0,7m bóc phong hóa và -1,75m tận thu).

- Các thông số bờ khu vực cải tạo kết thúc khai thác phải phù hợp với tính chất cơ lý của đất đá, đảm bảo ổn định bờ khu vực cải tạo, tuân thủ quy định của quy phạm hiện hành áp dụng trong khai thác khu vực cải tạo lộ thiên, tránh mất an toàn xảy ra trong quá trình khai thác tận thu.

* Biên giới trên mặt: Biên giới khai trường trên mặt được xác định trùng với ranh giới tính trữ lượng và được xác định bởi các điểm góc khu vực Dự án có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực dự án kèm theo.

Góc dốc mái tỉ lệ 1:3.

Chiều dài tuyến công tác: theo chiều dài khu vực dự án.

Phương án thi công:

Bắt đầu thực hiện cải tạo tại điểm số 3, cải tạo theo hướng từ Đông sang Tây.

Sử dụng máy đào cào gạt lớp đất phong hóa có độ dày khoảng 0,7m sang một bên sau đó tiến hành tận thu lớp đất biên hòa (có độ dày trung bình 1,75m) vận chuyển đi tiêu thụ. Sau khi kết thúc việc đào đất biên hòa, sử dụng máy san ủi để tạo mặt bằng khu vực và hoàn trả toàn bộ khối lượng đất phong hóa với hình thức cuốn chiếu, cứ 20m hoàn thổ một lần. Sau khi hoàn thành cải tạo tận thu, đơn vị thi công sẽ tiến hành san bằng khu vực diện tích dự án và sẽ tiến hành các bước cải tạo đất và trồng cây theo quy định.

- Lưu ý: trong quá trình khai thác chủ đầu tư để lại các ụ đất hình trụ có đường kính $\approx 1\text{m}$. Mặt trên là độ cao tự nhiên và đường cao của hình trụ bằng chiều dày bóc xúc lớp sản phẩm để tiện cho các ngành chức năng lên kiểm tra.

a. Hạ tầng tận thu đất

Dự án tiến hành thi công theo hình thức cuốn chiếu, hạ dần độ cao theo từng cột.

Khu vực tận thu Dự án có diện tích 12.021,28 m².

Tổng khối lượng địa chất: 29.459,13m³;

- Tổng khối lượng tận thu : $29.459,13 - 8.414,90 = 21.044,23\text{m}^3$;

Đánh giá sự phù hợp của địa hình, chất lượng đất với hiệu quả của việc trồng rừng sản xuất sau khi cải tạo:

Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Độ dốc địa hình khoảng 20%. Với dạng địa hình như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây trồng, gây khó khăn cho hoạt động canh tác nên hiệu quả kinh tế không cao. Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Đồng thời, sẽ hoàn trả lớp đất bóc bề mặt dày 0,7m và trong hoạt động trồng cây, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp như sử dụng phân chuồng, phân hữu cơ... nên tạo điều kiện nâng cao hiệu quả trồng cây sau cải tạo.

b. Hạ tầng trồng cây

Trong quá trình tiến hành tận thu đất theo hình thức cuốn chiếu, hạ dần độ cao. Tại mỗi cột đất thực hiện, tiến hành tận thu đất và hoàn trả lớp đất bóc bề mặt theo từng lô. Sau khi cải tạo đất theo từng cột xong thì tiến hành đào hố và trồng cây trên toàn bộ diện tích cột. Tổng diện tích cần trồng cây là 12.021,28 m² $\approx 1,2$ ha.

Loại cây trồng được chọn để tiến hành trồng cây tại khu vực Dự án là keo lai ghép hom với mật độ 2.000cây/ha, tỉ lệ trồng dặm bằng 30% mật độ cây trồng.

Bảng 1. 2. Đặc điểm của hạ tầng trồng cây của Dự án

TT	Các thông số	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
----	--------------	--------	------------	---------

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

1	Diện tích trồng cây	m ²	12.021,28	Mật độ 2.000 cây/ha, tỉ lệ trồng dặm bằng 30% mật độ cây trồng
2	Đào hố, lấp hố trồng cây	hố	2.400	Kích thước hố 30 x 30 x 30 cm.
6	Chăm sóc cây sau khi trồng (thời gian 3 năm)	cây	2.400	Bón phân, vun gốc cây trồng.
7	Trồng dặm cây chết	cây	720	30% mật độ cây trồng

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ

* Xây dựng lán trại:

Trước khi tiến hành cải tạo tận thu đất, chủ dự án dự kiến sẽ xây dựng lán trại tạm để che mưa che nắng cho công nhân tại khu vực dự án. Diện tích xây dựng nhà tạm khoảng 10m². Lựa chọn khu vực đất bằng phẳng, tại vị trí vành đai bảo vệ phía Đông dự án, sử dụng gạch và cọc để dựng lán trại.

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thoát nước

- Thoát nước thải: dự án sử dụng nhà vệ sinh lưu động.

- Thoát nước mưa: nước mưa chảy tràn của khu vực Dự án chảy theo hướng dốc địa hình về hướng thoát nước của đường đất ở phía Đông. Sau đó, nước thoát về khe nước cách dự án 150m.

b. Công trình thu gom chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom bằng thùng rác loại 60 lít có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại.

- Đối với lượng dầu mỡ, giẻ lau phát sinh tại công trường, chủ dự án sẽ bố trí công nhân thu gom giẻ lau, bóng đèn hỏng... vào 01 thùng rác (thể tích 60 lít) có nắp đậy và có kí hiệu thùng chứa chất thải rắn nguy hại tại khu vực công trường và liên hệ với đơn vị thu gom để vận chuyển CTNH đi xử lý theo đúng quy định.

1.2.4. Tổng hợp khối lượng thi công

a. Tổng hợp khối lượng giải phóng mặt bằng

Diện tích khu vực thực hiện dự án 12.021,28m². Trên thửa đất số 341 hiện là diện tích cây keo đã khai thác và phần diện tích còn lại thuộc thửa đất 331, 349 là cây keo đang đến vụ thu hoạch. Trong khu vực dự án không có nhà cửa, công trình kiến trúc và dân cư sinh sống. Do đó, không phải thực hiện công tác di dân, tái định cư.

b. Tổng hợp khối lượng của Dự án

Bảng 1. 3. Khối lượng đào, đắp của dự án

TT	Hạng mục	Khối lượng	
		m ³	Tấn
1	Khối lượng bóc phong hóa	8.414,90	11.781

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

TT	Hạng mục	Khối lượng	
		m ³	Tấn
2	Tổng khối lượng tận thu	21.044,23	29.462
3	Tổng khối lượng	29.459,13	41.243

(Theo Công văn số: 1784/BXD-VP của Bộ xây dựng về công bố Định mức vật tư trong xây dựng, tỷ trọng của đất là 1,45 tấn/m³).

Theo bảng trên ta thấy, tổng khối lượng đất đào của Dự án là 41.243tấn.

Trong đó, khối lượng đất phong hóa 11.781tấn, lượng đất này được đào bóc và đổ đúng nơi quy định tại chỗ để sau khi đào đất tận thu thì san gạt trả lại mặt bằng.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất sử dụng của Dự án; nguồn cung cấp điện nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ Dự án

Khối lượng một số nguyên vật liệu phục vụ cải tạo, tận thu đất như sau:

Bảng 1. 4. Tổng hợp các nguồn nguyên liệu phục vụ cho Dự án

TT	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị định mức	Định mức tiêu hao	Nhu cầu nguyên liệu trong 1 năm
1	Dầu diesel	lít/tấn	0,242	10.238 lít
2	Xăng (5% lượng dầu diesel)	lít/tấn	0,0121	512 lít
3	Dầu thủy lực, mỡ bôi trơn	kg/tấn	0,001	42,3 kg

1.3.2. Nguồn cung cấp điện, nước, nhiên liệu

* *Cấp điện:* Việc thi công cải tạo, kết hợp tận thu đất chủ yếu là thực hiện vào ban ngày, các phương tiện thiết bị thi công đều sử dụng dầu diesel nên không sử dụng điện.

* *Cấp nước:*

Cấp nước cho dự án chủ yếu là nước uống phục vụ cho công nhân lái máy thi công nên việc cung cấp nước là không đáng kể. Nước sinh hoạt được đơn vị cung cấp bằng các thùng nước uống 20 lít mua tại các đại lý trên địa bàn.

Nguồn cấp nước cho hoạt động phun ẩm trong giai đoạn cải tạo: Bố trí xe bồn phun ẩm lấy nước từ hộ gia đình và Trương Thị Thủy (chủ đầu tư) -cách khu vực dự án khoảng 1km.

* *Cung cấp nhiên liệu:*

Nguồn cung cấp nhiên liệu xăng, dầu, mỡ bôi trơn... cho các thiết bị thi công sẽ được lấy từ các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn xã Xuân Ninh và các vùng lân cận.

1.3.3. Danh mục máy thi công

Danh mục các máy móc, thiết bị chính trong hoạt động cải tạo, tận thu đất của Dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1. 5. Số lượng các máy thi công của Dự án

TT	Thiết bị và các thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị xúc bóc, san gạt		

1	Máy xúc gàu ngược dung tích 0,8 m ³	máy	01
2	Máy san gạt	máy	01
II Ô tô vận tải			
1	Ô tô tự đồ 5tấn.	chiếc	05

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

a. Quy trình công nghệ tận thu đất

- Công nghệ tận thu đất

* Lựa chọn hệ thống tận thu đất:

Vị trí mở vĩa : Mở vĩa theo hướng từ Đông sang Tây, từ vị trí số 3 bắt đầu mở vĩa.

Căn cứ vào sản lượng tận thu và đặc điểm thực trạng địa hình, cấu tạo địa chất, có thể áp dụng hệ thống tận thu khẩu theo lớp bằng, từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, vận tải trực tiếp bằng ô tô.

* Công nghệ tận thu đất :

- Bước 1: San gạt mặt bằng

+ Dùng máy xúc gàu ngược dung tích 0,9 m³ và xe ben tự đồ. San gạt từ phía Đông sang Tây dự án. Khi thi công cần tạo độ dốc thấp dần từ Tây sang Đông, về đến cos +21,00 m.

+ Tạo các hướng dốc nhằm thoát nước mặt tốt, hướng thoát nước từ nền ra đường.

+ Trên cơ sở cos không chế, tiến hành san gạt về về độ cao phù hợp để trồng rừng sản xuất.

+ Tận dụng đất đào để đắp (nếu có). Trong quá trình khai thác chừa đai an toàn tại tất cả các cạnh của khu vực cải tạo.

- Bước 2: Trả lại đất phong hoá để trồng cây

+ Trước khi cải tạo tận dụng đất, cần bóc lớp phong hoá 0,7 m (tương đương 8.414,90m³) dồn lại về một phía. San gạt từ phía Đông sang Tây, cứ 20m sau khi khai thác xong thì hoàn thổ mặt bằng một lần theo hình thức cuốn chiếu.

+ Sau đó tiến hành công tác làm đất, bón phân, tạo độ tơi xốp và độ dốc hợp lý để phục vụ việc trồng cây.

* Thực hiện theo phương án cải tạo mặt bằng sau khi được UBND huyện phê duyệt.

- Bước 3: Trồng cây

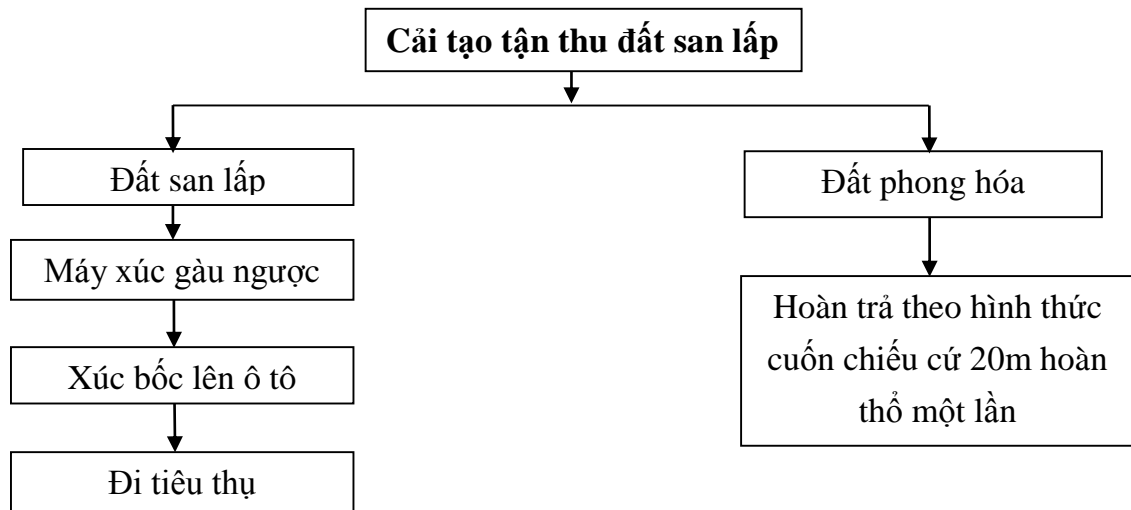
+ Sau khi đã san gạt xong mặt bằng, tiến hành trồng cây theo mùa vụ, loại cây trồng là cây keo lai dâm hom, kỹ thuật và mật độ cây trồng theo quy trình, kỹ thuật của Sở Nông nghiệp & PTNT.

+ Loại cây trồng: Cây keo lai dâm hom

+ Mật độ trồng: 2.000 cây/ha

+ Kích thước hố: 30 x 30 x 30 (cm)

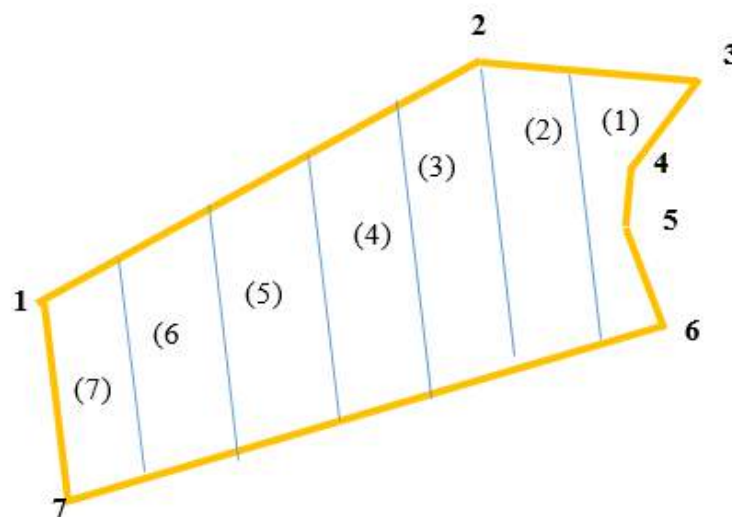
- Chừa đai an toàn về tất cả các phía của khu vực cần cải tạo để tránh sạt lở các thửa đất liền kề.



Hình 1. 4. Sơ đồ cải tạo tận thu đất san lấp

Hiện trạng, nước mưa khu vực Dự án chảy theo hướng dốc địa hình về phía mương đất của tuyến đường phía Đông của dự án. Tiến hành đào mương thoát nước mưa tại cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3 (điểm có cos thấp nhất của khu đất) trước khi thoát về phía mương đất của tuyến đường phía Đông của dự án. Trên hệ thống mương thoát có 04 hố lắng để lắng cặn.

Dự án thực hiện cải tạo tận thu theo hình thức cuộn chiều từng cột một, mỗi cột thi công cuộn chiều từng lô theo hướng từ Đông sang Tây. Dự án tiến hành thi công và hoàn thổ theo hình thức cuộn chiều, cứ 20m hoàn thổ một lần.



Hình 1. 5. Sơ đồ hoàn thổ

Ghi chú :

Lô số 2 là vị trí bãi chứa đất phong hóa tạm thời của lô số 1, sẽ hoàn trả trở lại lô số 1 sau khi khai thác. Đất phong hóa khi bốc, xúc lên vị trí chứa tạm sẽ được tập trung thành từng ụ, có chiều cao khoảng 1,5m. Lô số 3 là vị trí bãi chứa đất phong hóa tạm thời

của lô số 2, sẽ hoàn trả trở lại lô số 2 sau khi khai thác. Tiến hành hoàn thổ tương tự với các lô còn lại. Riêng đối với lô số 7 đất phong hóa được để tạm tại lô số 6.

Sau khi cải tạo tận thu, đất phong hóa được hoàn thổ trở lại để phục vụ cho việc trồng cây.

Để hạn chế bụi: Khối lượng đất cải tạo tận thu ít nên sẽ tiến hành vào những ngày trời mát, ít gió và hạn chế thực hiện khai thác vào những ngày trời khô hanh.

Để hạn chế sạt lở : chừa đai an toàn xung quanh khu vực thực hiện dự án và đảm bảo độ dốc mái taluy là 1:3.

b. Quy trình trồng cây và chủng loại cây trồng

- Quy trình trồng cây :

Sau khi kết thúc tận thu đất từng cột, hoàn trả lớp đất bề mặt của cột đó nên vẫn đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng, phát triển. Tổng diện tích cần trồng cây là 12.021,28m². Mật độ trồng cây là 2.000 cây/ha.

Trước khi trồng cần phải tạo lỗ có kích thước 30 x 30 x 30 m, dùng nọc hay bay để tạo lỗ. Trồng xong phải giâm nhẹ xung quanh hố để cây đứng và rễ cây tiếp xúc với đất. Sau khi trồng 15 – 20 ngày, kiểm tra thấy tỷ lệ cây sống 70% thì phải tiến hành trồng dặm, tỉ lệ trồng dặm bằng 30% mật độ cây trồng.

- Thời vụ trồng cây: Tiến hành trồng cây vào vụ thu (tháng 9, 10) hoặc vụ xuân (tháng 2,3) để đảm bảo tỷ lệ sống cao.

- Chủng loại cây trồng: Loại cây trồng được chọn để tiến hành trồng cây tại khu vực Dự án là keo lai giâm hom. Đây là loài cây gỗ cao, cành nhỏ, tự tủa cành tốt, sống lâu, có khả năng cố định đạm. Cây mọc nhanh, sinh trưởng nhanh trong vài năm đầu, thường được dùng làm cây trồng phù hợp cải tạo đất, che bóng.

- Trong quá trình trồng và chăm sóc cây keo: sử dụng phân bón hữu cơ, không sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật vì cây keo có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện tự nhiên, ít sâu bệnh và rất thích hợp cho quá trình cải tạo đất.

c. Đánh giá sự phù hợp của phương án cải tạo

Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Độ dốc địa hình khoảng 20%. Với dạng địa hình như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây trồng, gây khó khăn cho hoạt động canh tác nên hiệu quả kinh tế không cao. Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Địa hình sau cải tạo được trình bày cụ thể ở bảng dưới:

STT	Phạm vi khu vực cải tạo	Cos địa hình dự án sau cải tạo	Cos địa hình khu vực tiếp giáp	Độ chênh cao
1	Phía Bắc	+21m đến +29m	+21,57m đến +29,00m	Thấp hơn 0-0,57m
2	Phía Nam	+21m đến +45m	+22,00m đến +45m	Thấp hơn từ 0-1m
3	Phía Đông	+21m	21m	Ngang bằng
4	Phía Tây	+45m	+45m đến +50m	Thấp hơn 0-5m

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

STT	Phạm vi khu vực cải tạo	Cos địa hình dự án sau cải tạo	Cos địa hình khu vực tiếp giáp	Độ chênh cao
5	Phía Tây Bắc	+29m đến +45m	+29,18m đến +45,00m	Thấp hơn 0-0,18m

Qua bảng trên ta thấy, sau cải tạo, ngoại trừ phía Tây, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh. Độ chênh cao lớn nhất ở phía Tây. Tuy nhiên, khu vực tiếp giáp ở phía Tây, chủ đầu tư đã trừ lại đai an toàn là 5m và tạo mái taluy 1:3.

Sau khi tận thu, tiến hành hoàn thổ lớp đất phong hóa (dày 70cm). Lớp đất phong hóa được hoàn trả có đặc điểm thổ nhưỡng gần giống lớp đất sau khai thác nên thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Đồng thời, trong quá trình trồng cây, chủ dự án sẽ áp dụng một số biện pháp để nâng cao hiệu quả như sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng. Do đó, việc cải tạo, hạ độ cao của Dự án sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả trồng cây.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Khai trường nằm trong ranh giới Dự án.

- Tận thu từ độ cao tự nhiên xuống từ 0 m đến -2,45m (trong đó, -0,7m bóc phong hóa và -1,75m khai thác tận thu)

- Các thông số bờ khu đất kết thúc tận thu phải phù hợp với tính chất cơ lý của đất đá, đảm bảo ổn định, tuân thủ quy định của quy phạm hiện hành, tránh mất an toàn xảy ra trong quá trình tận thu.

* Biên giới trên mặt: Biên giới khai trường trên mặt được xác định trùng với ranh giới tính trữ lượng và được xác định bởi các điểm góc khu vực Dự án có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực dự án kèm theo.

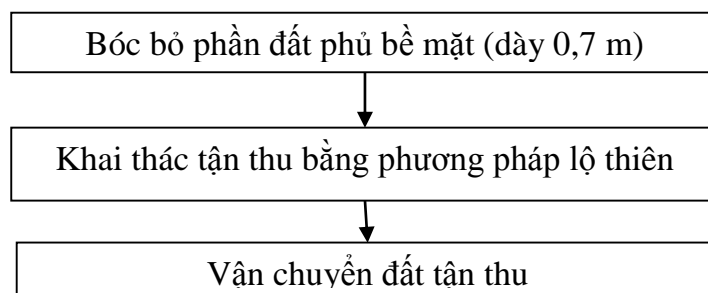
* Biên giới dưới đáy khu vực cải tạo: Tính từ ranh giới khai thác.

- Góc dốc bờ khu vực cải tạo có tỉ lệ 1:3

- Chiều dài tuyến công tác: theo chiều dài khu vực dự án

Sau khi bóc bỏ phần đất phủ, phần còn lại sẽ được tận thu bằng phương pháp lộ thiên, theo hướng từ Đông sang Tây và vận chuyển đi tiêu thụ. Sau khi kết thúc việc đào đất, sử dụng máy san ủi để tạo mặt bằng khu vực và hoàn trả toàn bộ khối lượng đất phong hóa, cuối cùng là tiến hành các bước cải tạo đất và trồng cây theo quy định

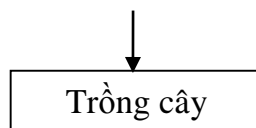
Sơ đồ tổ chức thi công như sau:



Chủ dự án: Bà Trương Thị Thủy- Bà Lê Thị Linh Giang

Đơn vị tư vấn

Hoàn trả mặt bằng khu vực bằng đất phong hóa tại chỗ



Hình 1. 6. Sơ đồ tổ chức thi công

Đất tận thu sẽ được vận chuyển từ khu vực cải tạo ra tuyến đường đất phía Đông dự án, trước khi hướng ra trục đường Hồ Chí Minh. Sau đó, được vận chuyển đến khu vực đổ đất trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

b. Đánh giá sự phù hợp của hình thức thi công cải tạo của Dự án

Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông nên lựa chọn vị trí mở via ở số 3 (nằm ở phía Đông) là hợp lý. Đồng thời, điểm số 3 tiếp giáp với tuyến đường đất hiện trạng nên đảm bảo thuận lợi cho quá trình cải tạo. Dự án thực hiện cải tạo tận thu theo hình thức cuốn chiếu từng cột một, mỗi cột thi công cuốn chiếu từng lô theo hướng từ Đông sang Tây. Dự án tiến hành thi công và hoàn thổ theo hình thức cuốn chiếu, cứ 20m hoàn thổ một lần. Hình thức thi công này đảm bảo hạn chế tối đa các tác động về môi trường như bụi từ đào, vận chuyển đất. Đồng thời, tạo thuận lợi cho hoạt động hoàn thổ của dự án cải tạo.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện Dự án

Thời gian tiến hành cải tạo là 12 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án “Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”.

1.6.2. Tổng mức đầu tư của Dự án

Tổng mức đầu tư toàn bộ dự án: 501.953.000 đồng.

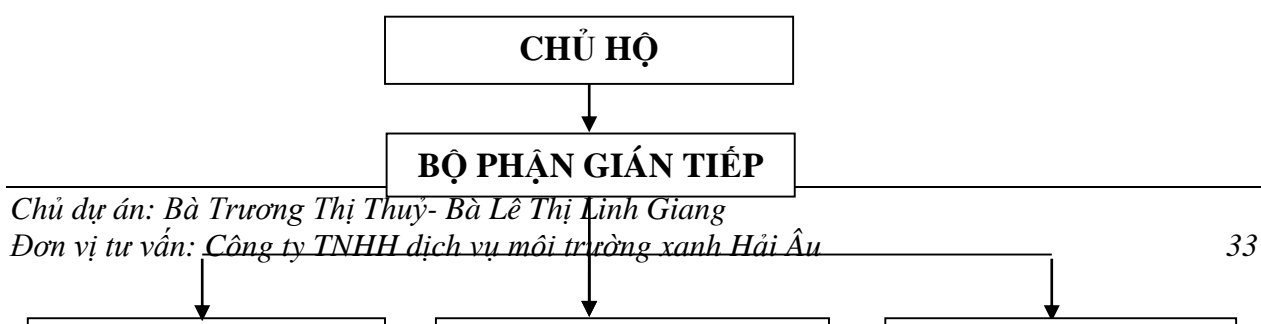
(Bằng chữ: năm trăm lẻ một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng chẵn)

- Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có của hộ gia đình.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

Trong quá trình thực hiện dự án, Hộ bà Trương Thị Thủy và Bà Lê Thị Linh Giang sẽ trực tiếp quản lý dự án.

* Sơ đồ quản lý và thực hiện Dự án:



Hình 1. 7. Sơ đồ quản lý và thực hiện của Dự án

Chủ hộ trực tiếp điều hành quá trình cải tạo, tận thu đất và sẽ chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động tận thu: kỹ thuật an toàn, công tác tổ chức, điều hành cải tạo và các việc khác theo quy định. Giúp việc cho điều hành khu vực dự án, bộ phận kỹ thuật phụ trách các công tác chuyên môn trên khai trường, bộ phận kế toán, vật tư,...

Hình thức quản lý Dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

Nhu cầu lao động: Khi cải tạo kết hợp tận thu đất san lấp cần nhu cầu lao động khoảng 6 người, bao gồm: 1 Quản đốc kiêm giám đốc điều hành, 1 nhân viên kế hoạch – thống kê, 1 bảo vệ, 3 công nhân lái máy.

Quản đốc kiêm Giám đốc điều hành luôn giám sát, đôn đốc việc khai thác, đảm bảo việc thi công đúng ranh giới, độ sâu, đảm bảo an toàn trong thi công, vận chuyển, áp dụng những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã đăng ký.

CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Đặc điểm địa hình và địa chất

a. Đặc điểm địa hình

Khu vực dự án thuộc địa hình đồi dốc. Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Địa hình sau cải tạo được trình bày cụ thể ở bảng dưới:

STT	Phạm vi khu cải tạo	Cos địa hình dự án sau cải tạo	Cos địa hình khu vực tiếp giáp	Độ chênh cao
1	Phía Bắc	+21m đến +29m	+21,57m đến +29,00m	Thấp hơn 0-0,57m
2	Phía Nam	+21m đến +45m	+22,00m đến +45m	Thấp hơn từ 0-1m
3	Phía Đông	+21m	21m	Ngang bằng
4	Phía Tây	+45m	+45m đến +50m	Thấp hơn 0-5m
5	Phía Tây Bắc	+29m đến +45m	+29,18m đến +45,00m	Thấp hơn 0-0,18m

Qua bảng trên ta thấy, sau cải tạo, ngoại trừ phía Tây- độ chênh cao lớn từ 0-5m, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh. Tuy nhiên, chủ dự án đã chừa đai an toàn là 5m và trong quá trình cải tạo sẽ tạo mái taluy tỷ lệ 1:3 ở phía Bắc và phía Tây (nơi có độ chênh cao lớn). Đồng thời, chủ đầu tư sẽ trồng cây trên mái taluy hạn chế hiện tượng sạt lở. Do đó, việc chênh lệch độ cao sau khi khai thác tận thu gây ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực cải tạo.

b. Đặc điểm địa chất

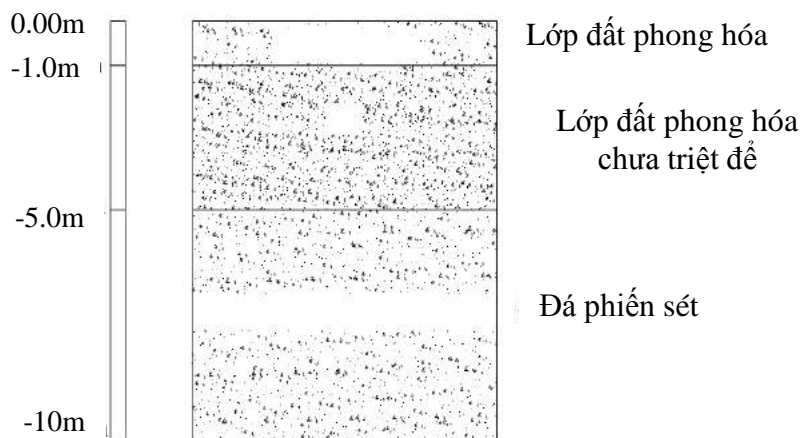
Đặc điểm địa chất của dự án được xác định bằng việc đo đạc địa hình, địa chất thực tế, kiểm tra những nơi lộ vĩa gần khu vực dự án, kết hợp sử dụng bản đồ địa chất, tài liệu báo cáo địa chất trong khu vực để xác định.

Theo kết quả khảo sát địa chất của do Công ty TNHH tư vấn địa chất – khoáng sản thực hiện, khu vực cải tạo được tạo thành từ sản phẩm phong hóa của trầm tích lục nguyên hệ tầng Đại Giang (S2đg1) phân bố bao trùm toàn bộ khu vực cải tạo, bao gồm: Cuội kết lót đáy, sạn kết, cát kết xen bột kết màu xám lục, phần trên bị phong hóa tại chỗ khá triệt để và bị laterit hóa.

Lớp 1: lớp đất phong hóa, đập vỡ bị laterit hóa của đá, cát kết, bột kết bao gồm sét, bột, mảnh dăm kích thước từ 0,5 đến 6 cm, phân bố đến độ sâu trung bình là 1m;

Lớp 2: Đất phong hóa chưa triệt để của đá cát kết, sét bột kết, phân bố ở độ sâu từ 1-5m;

Lớp 3: Đá cát kết, bột kết, sét bột kết màu xám lục, xám nâu, phân bố ở độ sâu từ 5-10m;



(Sơ đồ tầng địa chất khu vực xin cải tạo)

Lớp đất phong hóa chưa triệt phân bố đến độ sâu là 5m, sau khi Dự án tiến hành cải tạo, hạ độ trung bình -1,75m. Như vậy, tầng khai thác đất tận thu nằm hoàn toàn trong tầng đất phong hóa chưa triệt để của đá cát kết, sét bột kết. Sau khi tận thu, tiến hành hoàn thổ lớp đất phong hóa (dày 70cm). Lớp đất phong hóa được hoàn trả có đặc điểm thổ nhưỡng gần giống lớp đất sau khai thác nên thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Đồng thời, trong quá trình trồng cây, chủ dự án sẽ áp dụng một số biện pháp để nâng cao hiệu quả như sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng. Do đó, việc cải tạo, hạ độ cao của Dự án sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả trồng cây.

c. Phân tích tính hợp lý của phương án cải tạo

Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Độ dốc địa hình tương ứng khoảng 20%. Với dạng địa hình như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây trồng, gây khó khăn cho hoạt động canh tác nên hiệu quả kinh tế không cao. Quá trình cải tạo sẽ hạ độ cao trong phạm vi dự án. Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Địa hình sau cải tạo dao động từ 21m-45m. Độ dốc địa hình sau cải tạo tương ứng khoảng 16%. Ngoại trừ khu vực ở phía Tây, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh (dao động từ 0-1m) nên đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh Dự án. Ở khu vực phía Tây, có sự chênh cao khá lớn nên chủ dự án đã để lại đai an toàn 5m và tạo mái taluy tỷ lệ 1:3 để đảm bảo an toàn.

Dự án thực hiện cải tạo, bóc đến lớp 2-tầng đất phong hóa chưa triệt để của đá cát kết, sét bột kết. Như vậy, lớp đất bóc bề mặt dày 0,7m sẽ có đặc điểm địa chất gần tương đồng với lớp đất sau cải tạo và trong quá trình trồng cây, chủ dự án sẽ áp dụng một số biện pháp để nâng cao hiệu quả như sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng. Do đó, việc cải tạo, hạ độ cao của Dự án sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả trồng cây.

2.1.2. Đặc điểm khí hậu

Theo “Khí hậu và thủy văn tỉnh Quảng Bình” do TS. Nguyễn Đức Lý, KS. Ngô Hải Dương, KS. Nguyễn Đại (Đồng chủ biên), nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, năm 2013 và số liệu cập nhật mới nhất trong năm 2020 thì đặc điểm khí hậu của khu vực dự án mang những nét đặc trưng sau:

*** Nhiệt độ:**

Nhiệt độ bình quân hàng năm dao động từ 24⁰C đến 25⁰C và nhiệt độ tại khu vực được chia thành 2 mùa rõ rệt:

- Mùa hè: vào các tháng VI, VII là các tháng nóng nhất, nhiệt độ trung bình các tháng này từ 29,5 - 30,0⁰C.

- Mùa đông: Nhiệt độ trung bình tháng giêng khoảng 19⁰C. Nhiệt độ trung bình tối thấp từ 16 - 17⁰C. Khi có không khí lạnh tràn về với cường độ mạnh, nhiệt độ thấp nhất xuống dưới 10⁰C, thậm chí xuống dưới 5⁰C.

- Bình quân nhiệt độ các tháng như sau:

Bảng 2. 1: Nhiệt độ trung bình tháng

(Đơn vị tính: ⁰C)

Tháng Năm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
2018	16,4	24,0	19,1	21,5	28,2	30,6	29,2	28,1	26,4	24	24,3	18,7
2019	18,7	19,4	21,5	24,8	27,9	29,6	29,6	28,8	26,9	24,8	23,3	19,6
2020	29,0	27,3	24,5	22,7	27,6	32,2	30,7	28,7	26,3	22,0	20,6	15,5
2021	19,4	29,0	21,5	22,7	29,6	28,2	24,8	24,8	24	20,6	19,6	27,9

Nguồn: Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quảng Bình

*** Lượng mưa:**

Tổng lượng mưa bình quân nhiều năm tại khu vực dự án là 2.590,4 mm. Mùa mưa thường tập trung trong các tháng IX, X, XI với tổng lượng mưa chiếm 61,7% tổng lượng mưa cả năm, các tháng có lượng mưa thấp là tháng I, II, III, IV.

Bảng 2. 2. Lượng mưa trung bình trong các tháng

ĐVT: mm

Tháng Năm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
2018	49	37	38	45	115	91	69	167	403	595	268	634
2019	50	25	34	48	111	98	88	150	515	432	323	451
2020	57	44	42	55	112	86	74	160	463	671	349	127
2021	24	34	51	36	115	78	83	175	263	345	357	578

Nguồn: Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quảng Bình

Ngày có lượng mưa lớn nhất tại trạm đo là 747 mm (*xuất hiện năm 2006*).

*** Độ ẩm:**

- Độ ẩm trung bình hằng năm của khu vực khoảng 70% - 90%. Mùa ẩm ướt kéo dài từ tháng IX đến tháng IV năm sau, có độ ẩm trung bình từ 80% - 90%. Tháng ẩm nhất là các tháng cuối mùa đông.

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Thời kỳ khô nhất là các tháng giữa mùa hạ, tháng VII có độ ẩm trung bình từ 70 - 79%. Chênh lệch độ ẩm trung bình tháng ẩm nhất và tháng khô nhất đạt tới 19 - 20%.

Bảng 2. 3. Độ ẩm tương đối trung bình tháng

ĐVT: %

Tháng Năm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
2018	87	90	89	87	80	73	70	75	83	86	85	86
2019	89	92	90	89	83	72	75	88	82	90	89	89
2020	88	90	89	87	81	75	79	78	85	88	87	87
2021	86	91	92	88	82	77	80	81	83	89	88	90

Nguồn: Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quảng Bình

* *Gió:*

Khu vực Dự án mang tính chất chung của khí hậu gió mùa của tỉnh đó là gió mùa đông (Đông Bắc) và gió mùa hè (gió Tây Nam).

- Gió mùa Đông: Kéo dài từ tháng XI đến tháng IV năm sau. Hướng gió thịnh hành là gió Tây Bắc với tần suất giao động trong khoảng 20 - 53%, xen giữa các đợt gió Bắc hoặc Tây nhưng với tần suất không đáng kể.

- Gió mùa Hè: Kéo dài từ tháng V đến tháng X với hướng gió thịnh hành là gió Tây Nam. Ngoài ra còn gió Đông và Đông Nam thổi xen kẽ từ biển vào. Nhìn chung gió Đông Nam có tốc độ thấp, trừ trường hợp giông bão, sức gió mạnh nhất có thể lên tới cấp V, VI.

Bảng 2. 4. Tốc độ gió trung bình tháng

(Đơn vị: m/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Vận tốc	3,3	2,8	2,5	2,4	2,6	2,7	3,0	2,4	2,5	3,3	3,5	3,2

(Nguồn: Khí hậu và thủy văn tỉnh Quảng Bình)

- *Gió mùa Đông Bắc:*

Ở Quảng Bình vào các tháng VII, VIII chưa quan sát có gió mùa Đông Bắc xuất hiện, tháng VI và tháng IX là những tháng ít quan sát thấy gió mùa Đông Bắc, còn lại các tháng I, II, III và tháng XI, XII là những tháng có số đợt gió mùa Đông Bắc nhiều nhất (trung bình có khoảng 2,5 đợt) nhiều nhất là 5 đợt, ít nhất là 1 đợt.

Trung bình hàng năm Quảng Bình chịu ảnh hưởng khoảng 17 - 18 đợt gió mùa Đông Bắc, như vậy ở Quảng Bình chịu ảnh hưởng khoảng 70% số đợt gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng đến thời tiết nước ta.

Khi có một đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Quảng Bình, nền nhiệt độ giảm ít nhất là 1⁰C. Khi không khí lạnh kèm theo hoạt động của gió phơn lạnh với cường độ mạnh có thể làm nhiệt độ giảm 9-10⁰C trong 24 giờ (nếu trước đó thời tiết Quảng Bình bị khống chế bởi rìa Đông Nam áp thấp nóng phía Tây), gió chuyển hướng Tây Bắc, riêng

khu vực hạ lưu sông Gianh do điều kiện địa hình chi phối nên hướng gió chủ yếu là hướng Tây, tốc độ gió trong đất liền cấp 3 - cấp 4, ven biển cấp 4 - cấp 5, vùng biển ngoài khơi cấp 6 - cấp 7. Gió mạnh nhất có thể lên tới 17 - 18m/s, đôi khi tới 20m/s, biển động mạnh. Vì vậy, việc dự báo và cảnh báo kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng là việc làm cấp bách và cần thiết để phòng tác động xấu có thể xảy ra.

Ngoài các hệ thống mang tính bất ổn định cao như dải hội tụ nhiệt đới, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mùa Đông Bắc cũng ảnh hưởng khá lớn đến tổng lượng mưa năm ở các địa phương Quảng Bình. Trong mùa mưa, trung bình mỗi một đợt mưa do gió mùa Đông Bắc gây ra từ 50 - 70mm ở vùng đồng bằng và từ 70 - 90mm ở vùng núi. Trong mùa khô, gió mùa Đông Bắc gây mưa ở đồng bằng thấp hơn ở vùng núi; khi gió mùa Đông Bắc kết hợp với các hệ thống thời tiết khác gây nên mưa lớn và thường sinh lũ lụt. Nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông Bắc cường độ mạnh vào các tháng XII, tháng I, tháng II trong vụ Đông Xuân, gây hại cho quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Những giá trị mưa hoặc nhiệt độ nói trên nếu mang tính cực đoan đều rất có hại cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của cộng đồng.

Ở Quảng Bình, gió mùa Đông Bắc kết thúc năm sớm nhất là hạ tuần tháng III, năm trung bình là trung tuần tháng V, năm muộn nhất là thượng tuần tháng VI, gió mùa Đông Bắc thời kỳ cuối mùa thường lệch đông cường độ yếu, nó chỉ làm cho thời tiết dịu đi một ít chứ không làm giảm nhiệt độ đáng kể.

** Năng:*

Số giờ nắng trong năm dao động từ 1800 giờ đến 1820 giờ, tháng có số giờ nắng ít nhất là tháng II với số giờ nắng khoảng 74,3 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng V - VII với số giờ nắng trên 237,1 giờ.

** Bão và áp thấp nhiệt đới:*

Tuy số lượng bão và áp thấp nhiệt đới tại khu vực Trung Trung Bộ ít hơn khu vực phía Bắc Trung Bộ nhưng diễn biến của chúng rất phức tạp do địa hình cũng như các tháng có bão chính thức ở khu vực này thường xuất hiện những hệ thống thời tiết khác tác động kết hợp như: Gió mùa Đông Bắc, đới gió Đông.

Tuy nhiên, một số cơn bão không nằm trong một phạm vi ảnh hưởng của một khu vực nhất định, một địa phương nhất định. Có những cơn bão ảnh hưởng cả mấy tỉnh, có những cơn đi dọc bờ biển, phạm vi ảnh hưởng của bão là rất rộng. Vì vậy, việc xác định cụ thể phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới đối với một địa phương nhất định, một khu vực cụ thể chỉ ở phạm vi tương đối.

Với điều kiện khí hậu của vùng trong tháng 10 đến tháng 1 hàng năm thường có mưa lớn và bão. Vì vậy, cần tận dụng thời gian khô ráo để triển khai dự án.

** Lũ lụt:* Theo ghi nhận tại địa phương khu vực dự án không xảy ra ngập lụt.

2.1.3. Đặc điểm thủy văn

a. Nước mặt

Cách khu vực cải tạo khoảng 150m về phía Bắc có 01 khe suối. Quá trình khảo sát vào mùa khô, khe suối không có nước. Theo tham khảo ý kiến của người dân địa phương, nước từ khe suối sẽ chảy theo độ dốc địa hình về các khu vực trũng thấp cách khu vực cải tạo khoảng 1km về phía Đông.

Đồng thời, khe nước này được người dân sử dụng cho hoạt động trồng cây, không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Khe suối này sẽ giúp cho việc thoát nước mưa cho khu vực dự án.

b. Nước ngầm

Theo như tham khảo số liệu từ các hộ dân sống gần khu vực Dự án thì mực nước dưới đất đo tại khu vực cải tạo đến độ sâu cos -2,45m không xuất hiện nước ngầm.

Theo khảo sát, nước ngầm xuất hiện ở độ sâu từ -15m đến -20m.

2.1.4 Điều kiện kinh tế xã hội

Căn cứ vào Báo cáo “Tình hình thực hiện nhiệm vụ KT - XH, Quốc phòng an ninh năm 2021 của xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình” cho thấy kết quả thực hiện trên các lĩnh vực như sau:

a. Hiện trạng về kinh tế - xã hội

Diện tích của xã là 29,57 km², dân số của xã khoảng hơn 8.569 người.

- Các hình thức sản xuất chính

+ Nông nghiệp: sản xuất lúa, khoai lang, chăn nuôi tập trung, canh tác vườn gia đình, trồng keo, cao su (chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả).

+ Tiểu thủ công nghiệp: làm mộc, may gia công, xay xát, làm cơ khí.

+ Dịch vụ: dịch vụ ăn uống, giải khát, buôn bán nhỏ lẻ.

b. Lĩnh vực nông - lâm nghiệp

Về nông nghiệp: Đối với lao động chuyên sâu lĩnh vực nông nghiệp thì tập trung sản xuất hàng hóa, đối với lao động kết hợp nhiều ngành nghề thì sản xuất nông nghiệp là chủ yếu là chủ động lương thực phục vụ gia đình.

Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm có hai loại hình: Chăn nuôi trong khu dân cư chủ yếu theo dạng nông hộ nhỏ lẻ; Chăn nuôi ngoài khu dân cư theo mô hình trang trại, gia trại.

Đối với kinh tế lâm nghiệp: Chủ yếu là nông hộ tận dụng đất mình để trồng loại cây cao su, cây thông.... với quy mô từ 1.000 - 40.000 m² /hộ. Trồng cây lâm nghiệp kết hợp chăn nuôi bò đàn, đàn trâu và các loại gia súc khác.

Hình thành các khu cây xanh tập trung tận dụng các khu đất đồi chủ yếu trồng cây hàng năm khác kết hợp với việc trồng các loại cây khác nhằm bảo đảm phát triển kinh tế và tạo cây xanh cho khu vực đồng thời phủ xanh đất trống tại các khu đồi hình thành các khu cây xanh lâm viên kết hợp với kinh tế vườn đồi.

c. Lĩnh vực văn hóa-xã hội

Hoạt động tuyên truyền, văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn xã có những kết quả tốt:

- Công tác thông tin tuyên truyền vào các ngày lễ lớn đã được chú trọng: tết Nguyên Đán, Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4.

- Đời sống văn hóa: trên địa bàn xã, năm 2020 có hơn 70% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa và gần 70% thôn đạt thôn văn hóa.

d. Giáo dục- y tế

Toàn xã có 3 cấp học và mỗi cấp học có nhiều điểm trường. UBND xã đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, cơ sở vật chất phòng học được đầu tư nhưng còn thiếu. Theo số liệu thống kê, số lượng học sinh đầu năm học 2020 là hơn 600 em. Tất cả các trường trên địa bàn xã đều tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp, huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch.

- Về y tế:

Xã Xuân Ninh đã thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia và chương trình y tế dự phòng. Tổ chức khám chữa bệnh cho khoảng 4000 lượt người; tổ chức các dịch vụ khác theo yêu cầu như: tiêm chủng mở rộng cho 100% trẻ trong độ tuổi; tổ chức các đợt chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ; chăm lo công tác phòng chống dịch bệnh, từng bước nâng cao trang thiết bị ở trạm y tế bằng nguồn ngân sách địa phương và các tổ chức nhân đạo.

e. Lĩnh vực an ninh quốc phòng

Trong những năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Xã đã tăng cường bám cơ sở đảm bảo tốt về an ninh trật tự, tổ chức tốt kế hoạch tấn công truy quét tội phạm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho nhân dân. Chính quyền xã đã chủ động nắm chắc tình hình, triển khai tốt các phương án bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn.

f. Về giao thông

Khu trung tâm của xã Xuân Ninh có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua. Hệ thống giao thông nội vùng còn lại là đường giao thông nông thôn, đa số các tuyến mặt đường bê tông mới được xây dựng, mặt cắt ngang các tuyến đường từ 4 – 6 m, tuy nhiên vẫn còn một số tuyến đường đất và đường cấp phối

g. Về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa: nước mưa chảy theo độ dốc của địa hình và đổ ra mương đất thoát nước hiện trạng phía Đông dự án.

- Chưa có hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường đạt tiêu chuẩn.

- Cấp nước: người dân địa phương khai thác nguồn nước dưới đất, nước mặt thông qua hệ thống giếng đào, giếng khoan để phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện Dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

a. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Hiện nay, chưa có dữ liệu về hiện trạng môi trường ở khu vực thực hiện dự án

b. Hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án

Để đánh giá hiện trạng môi trường nền khu vực Dự án, đồng thời làm căn cứ đánh giá tác động do việc thực hiện Dự án đến môi trường, Chủ dự án đã phối hợp với Công ty CP phát triển dầu khí và CNMT Việt Nam (PETECH) tiến hành đo một số chỉ tiêu chất lượng không khí tại một số vị trí tiêu biểu ở khu vực Dự án và các khu vực liên quan.

Việc đo đạc, lấy mẫu và phân tích dựa trên:

(1). Nguyên tắc chọn địa điểm lấy mẫu:

- Các điểm lựa chọn đại diện cho khu vực Dự án và khu vực lân cận có thể bị tác động bởi Dự án. Sự lựa chọn đó hỗ trợ việc giám sát và đánh giá tác động (mức độ ô nhiễm) do các hoạt động của Dự án sau này.

(2). Các thiết bị đo, lấy mẫu và phân tích:

- Máy đo độ ồn: QUEST.

- Máy đo khí độc: MultiCheck 2000.

- Máy đo bụi: EPAM 5000.

- Máy phân tích nước nhãn hiệu DREL/2400 và DREL/2800.

(Sơ đồ vị trí lấy mẫu được đính kèm ở phụ lục 4)

Kết quả đo một số chỉ tiêu chất lượng môi trường không khí tại khu vực Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2. 5. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả						QCVN 05:2013/BT NMT (Cột B)
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		
			KK ₁	KK ₂	KK ₁	KK ₂	KK ₁	KK ₂	
1	Tiếng ồn	dBA	42,4	51,7	51	56	52	60	70¹
2	Bụi tổng	µg/m ³	81	93	58	69	40	48	300
3	SO ₂	µg/m ³	52	60	82	91	55	63	350
4	NO ₂	µg/m ³	45	56	50	45	59	71	200
5	CO	µg/m ³	2.200	2.850	2.060	2.180	2.210	2.620	30.000

(Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí được đính kèm ở phụ lục 3)

Ghi chú:

- Giá trị giới hạn:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh;

+ (*) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Ngày đo: Đợt 1: 03/12/2021, đợt 2: 04/12/2021, đợt 3: 05/12/2021

- Vị trí đo:

- KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực dự án, có tọa độ: 17°18'14.07"N; 106°37'47.60"E.

- KK2 Mẫu không khí lấy tại tuyến đường đất phía Đông dự án, có tọa độ 17°18'28.87"N; 106°38'18.14"E.

- Đối với chất lượng môi trường không khí: so sánh kết quả đo được ở các bảng trên với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (TB 1 giờ) cho thấy tất cả các chỉ tiêu đo đều thấp hơn giới hạn cho phép.

- QCVN 06 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- Đối với độ ồn: từ kết quả đo được ở các bảng trên so sánh với QCVN 26 : 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6h - 21h) cho thấy tất cả các vị trí đo đều nằm trong giới hạn cho phép.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Khu vực Dự án là vùng đồi nên hệ sinh thái khu vực cũng mang những nét đặc trưng của khu vực này, bao gồm:

a. Hệ thực vật:

Thảm thực vật chủ yếu là cây keo. Ngoài ra, có một số diện tích trồng cỏ và cây bụi.

b. Hệ động vật:

Động vật trên cạn chủ yếu là các loài chim nhỏ như chim sẻ, chim sâu, trâu, bò, lợn... và các loài bò sát da trơn như tắc kè, thằn lằn, rắn.

Nhìn chung, số lượng và chủng loại các loài động thực vật trong khu vực rất nghèo nàn cả về thành phần và chủng loại. Theo khảo sát, điều tra thực tế thì trong bán kính 1km từ khu vực Dự án không có vùng sinh thái nhạy cảm nào. Khu vực Dự án không có các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Vì vậy, quá trình triển khai thực hiện Dự án ít gây ảnh hưởng đến đặc trưng của hệ sinh thái vùng Dự án.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện Dự án

2.3.1. Các đối tượng bị tác động bởi dự án

a. Trong giai đoạn cải tạo, tận thu

Các đối tượng với quy mô bị tác động bởi những hoạt động diễn ra trong quá trình cải tạo tận thu của dự án được thể hiện ở bảng sau:

TT	Đối tượng chịu tác động	Quy mô tác động
-----------	--------------------------------	------------------------

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

		Mức độ	Phạm vi
I	Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải		
1	Môi trường nước Nước mặt tại khe suối có thể bị tác động do nước thải, nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn xâm nhập.	Trung bình	khe suối cách dự án khoảng 150m về phía Bắc
2	Môi trường không khí Môi trường không khí bị tác động bởi bụi và khí thải của phương tiện đào đất và vận chuyển đất tận thu.	Thấp	Khu vực Dự án, ở lân cận và trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu
3	Mỹ quan khu vực Bụi, chất thải rắn gây mất mỹ quan khu vực	Thấp	Toàn bộ khu vực dự án và lân cận
4	Con người Người dân sống ở hai bên tuyến đường vận chuyển đất tận thu bị tác động bởi bụi, khí thải	Thấp	Dân cư sống hai bên tuyến đường vận chuyển đất tận thu
	Cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực dự án	Trung bình	Cục bộ tại các vị trí đào đất
	Chủ sở hữu của các thửa đất lân cận: hoạt động cải tạo, tận thu của dự án có thể gây hiện tượng sạt lở gây ảnh hưởng đến hiện trạng rừng sản xuất lân cận	Thấp	Thửa đất tiếp giáp với dự án
II	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải		
1	Người dân trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu chịu tác động bởi tiếng ồn và sự cản trở giao thông	Trung bình	Người dân tham gia giao thông và sống hai bên các tuyến đường
2	Cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực dự án chịu tác động lớn nhất bởi tiếng ồn từ phương tiện đào đất	Trung bình	Cục bộ tại các vị trí đào đất

b. Trong giai đoạn hoạt động

Các đối tượng với quy mô bị tác động bởi những hoạt động diễn ra trong quá trình trồng cây của dự án được thể hiện ở bảng sau:

TT	Đối tượng chịu tác động	Quy mô tác động
----	-------------------------	-----------------

		Mức độ	Phạm vi
I	Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải		
1	Môi trường nước Nước mặt tại khe suối có thể bị tác động do nước thải, nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn xâm nhập.	Trung bình	khe suối cách dự án khoảng 150m về phía Bắc
2	Môi trường không khí Môi trường không khí bị tác động bởi bụi từ quá trình đào hố trồng cây và khí thải của phương tiện vận chuyển cây giống, phân bón.	Thấp	Khu vực Dự án, ở lân cận và trên tuyến đường vận chuyển
3	Con người Người dân sống ở hai bên tuyến đường vận chuyển cây giống, phân bón.	Thấp	Dân cư sống hai bên tuyến đường
	Công nhân tham gia trồng cây	Thấp	Cục bộ tại các vị trí đào hố trồng cây
II	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải		
1	Người dân trên tuyến đường vận chuyển cây giống, phân bón. thu chịu tác động bởi tiếng ồn và sự cản trở giao thông	Thấp	Người dân tham gia giao thông và sống hai bên các tuyến đường
2	Công nhân tham gia trồng cây	Thấp	Cục bộ tại các vị trí đào hố trồng cây

2.3.2. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Trong bán kính 1km từ khu vực thực hiện dự án hiện tại không có các công trình kiến trúc, không có các di tích lịch sử, không có các loài động thực vật quý hiếm cần được bảo vệ.

Theo khảo sát, điều tra thực tế thì trong bán kính 1km từ khu vực Dự án không có vùng sinh thái nhạy cảm nào. Khu vực Dự án không có các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án

Vị trí thực hiện dự án thuộc thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Khu đất hiện tại thuộc sở hữu của chủ đầu tư, được sử dụng ổn định, không có tranh chấp, hiện được dùng cho mục đích trồng rừng sản xuất. Các vị trí tiếp giáp với khu vực thực hiện dự án hiện tại chủ yếu là đất trồng rừng sản xuất, không có nhà ở, xung quanh không có các di tích lịch sử, không có các loài động thực vật quý hiếm cần được bảo vệ. Do đó, không phải thực hiện việc di dân, tái định cư.

Về điều kiện kinh tế- xã hội:

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

+ Điều kiện giao thông: Hiện trạng dọc theo phía Đông dự án là tuyến đường đất, có bề rộng 4 – 6m, tải trọng 10T. Tuyến đường này có chiều dài khoảng 1km và kết nối dự án với đường Hồ Chí Minh. Dự án sẽ sử dụng tuyến đường đất này để vận chuyển đất tận thu. Xung quanh tuyến đường này là diện tích rừng sản xuất của các hộ gia đình. Theo tham khảo ý kiến của người dân và chính quyền địa phương, tuyến đường này được người dân sử dụng chủ yếu để phục vụ cho hoạt động trồng rừng sản xuất của các hộ dân nên mật độ giao thông không lớn.

+ Các đối tượng kinh tế- xã hội: Dự án nằm trong khu vực chủ yếu là rừng sản xuất. Khu dân thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh nằm cách khu vực dự án khoảng 1km về phía Đông với mật độ thưa thớt. Nên việc thực hiện dự án không gây ảnh hưởng lớn đến các hộ dân.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn tiến hành cải tạo

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1.1. Tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư.

Diện tích cải tạo và tận thu của Dự án là 12.021,28m². Mặt bằng dự án thuộc thửa đất số 341 hiện là diện tích cây keo đã khai thác và phần diện tích còn lại thuộc thửa đất 331, 349 là cây keo đang đến vụ thu hoạch. Xung quanh khu vực Dự án là rừng sản xuất, không có nhà cửa, công trình kiến trúc và dân cư sinh sống. Do đó, không phải thực hiện công tác di dân, tái định cư.

3.1.1.2. Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng

(A). Tác động do chất thải rắn phát sinh

Qua quá trình khảo sát thực tế, hiện tại, mặt bằng dự án thuộc thửa đất số 341 (diện tích 4.281,0 m²) hiện là cây keo đã khai thác và phần diện tích còn lại thuộc thửa đất 331, 349 (diện tích 9.738,0 m²) là cây keo đang đến vụ thu hoạch, với mật độ khoảng 5m²/cây, chiều cao cây trung bình khoảng 10m. Hoạt động giải phóng mặt bằng sẽ tiến hành thu hoạch cây keo và đào gốc cây hiện có trên toàn bộ diện tích cải tạo của Dự án.

Khối lượng thảm thực vật bị loại bỏ được tính như sau:

$$V = G \cdot H \cdot F \cdot C$$

Trong đó:

+ G: Tiết diện ngang của cây gỗ tại vị trí D_{1,3}- được tính bằng công thức sau: $G = [3,1417 * (D_{1,3})^2]/4 = 0,008m^2$.

+ D_{1,3}: Đường kính trung bình của cây ở độ cao 1,3m tính từ gốc lên: D_{1,3} = 0,1m.

+ H: Chiều cao vút ngọn, H = 2m.

+ F: Hình số thân cây: đối với rừng hệ số này được quy ước là 0,45

+ C: Tổng số cây: C = Diện tích/mật độ; mật độ cây là khoảng 5m²/cây. Với tổng diện tích rừng sản xuất phát quang là 9.738,0 m² thì số lượng cây ước tính C=1.948 cây.

Vậy, khối lượng thực vật chặt bỏ là $V=0,008*2*0,45*1.948= 14(m^3)$

Ở khu vực dự án chủ yếu là cây thân gỗ nên tỷ trọng khoảng 0,5 tấn/m³ (theo phân loại nhóm gỗ tại Việt Nam). Do vậy, khối lượng chặt bỏ khoảng 7,0 tấn.

Ngoài ra, trong quá trình giải phóng mặt bằng còn phát sinh một lượng CTR từ cây bụi chặt bỏ, ước tính khối lượng khoảng 500kg.

Lượng sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang, nếu không dọn dẹp, để bừa bãi và không quản lý tốt nguồn thải này thì sẽ tăng nguy cơ cháy rừng do nguồn thải khô dễ bắt lửa. Do đó, đối với những cây nhỏ thì dùng thủ công chặt, thu gom. Đối với những cây có đường kính lớn dùng máy cưa cắt kết hợp dùng máy xúc kéo nhỏ lên. Phần

gỗ được tận dụng bán cho các cơ sở thu mua để làm nguyên liệu sản xuất gỗ. Phần không tận dụng sẽ được thu gom và vận chuyển đi xử lý như chất thải rắn thông thường.

(B). Bụi phát sinh từ quá trình phát quang

Hoạt động phát quang sẽ phát sinh bụi, chủ yếu là bụi do lớp đất bề mặt bị xáo trộn đặc biệt vào các ngày thời tiết hanh khô và có gió lớn. Nồng độ bụi trung bình trong thời điểm thông thường dao động từ 0,1-0,2 mg/m³, thấp hơn quy định trong QCVN 05:2013/BTNMT (nồng độ bụi 0,3 mg/m³), trong thời điểm thời tiết hanh khô và có gió lớn nồng độ bụi tại công trường dao động từ 0,3 – 0,5mg/m³ cao hơn quy định trong QCVN 05:2013/BTNMT.

Tuy nhiên, xung quanh khu vực chủ yếu là rừng sản xuất, không có nhà ở nên tác động của bụi từ hoạt động phát quang là không đáng kể, chủ yếu tác động tới công nhân thi công trên công trường.

(C). Tác động do nước mưa chảy tràn:

** Tác động đến khu vực dự án*

Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào lượng mưa của khu vực và diện tích khu vực thực hiện Dự án. Do đó, lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án sẽ thay đổi theo mùa, theo ngày. Thành phần các chất ô nhiễm trong nguồn thải phụ thuộc vào tính chất bề mặt.

Theo TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình, lượng nước mưa chảy tràn vào ngày mưa lớn nhất trên diện tích dự án được tính theo công thức sau:

$$Q = \Psi * F * q = 0,3 * 0,747 * 12.021,28 \approx 2.694 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Ψ : Hệ số dòng chảy bề mặt phụ thuộc vào tính chất bề mặt. Do bề mặt tại khu vực dự án là mặt đất nên chọn $\Psi=0,3$. (Theo TCXDVN 7957:2008, hệ số dòng chảy đối với mặt đất, cát là 0,1 - 0,3).

+ F (m²): Tổng diện tích cải tạo và tận thu của Dự án là 12.021,28m²;

+ q: Cường độ mưa: 747mm/ngày.đêm. Lượng mưa ngày lớn nhất ứng với thời gian đo, kế quả lấy từ đài khí tượng thủy văn Quảng Bình là 747 mm vào năm 2016.

Vậy, lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực cải tạo, tận thu trong ngày là khoảng 2.694 m³/ngày. Lượng nước mưa chảy tràn của dự án tương đối lớn, nồng độ các chất bản trong nước mưa chảy tràn không cao chủ yếu là bụi đất, cát... Tuy nhiên, cần có các phương án thoát nước mưa chảy tràn phù hợp để không gây ảnh hưởng đến nguồn nước mặt xung quanh khu vực.

** Tác động đến nguồn tiếp nhận*

Nước mưa chảy tràn sẽ chảy theo hướng địa hình về mương thoát nước của tuyến đường đất ở phía Đông khu đất, từ đây đổ về khe nước cách dự án 150m về phía Bắc,

nước mưa sẽ cuốn theo đất, đá rơi vãi, chất thải rắn lơ lửng trong quá trình cải tạo đất... Nếu không được xử lý sẽ gây bồi lấp khe nước, ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.

(D). Tác động đến hệ sinh thái

Tổng diện tích cải tạo và tận thu của Dự án là 12.021,28m². Vì vậy, việc triển khai dự án sẽ gây ra những tác động nhất định đến hệ sinh thái khu vực như làm mất nơi cư trú, nguồn thức ăn, nơi sinh sản,... của một số loài động vật. Đồng thời, làm tăng nguy cơ gây xói mòn, rửa trôi đất bề mặt khi diện tích thảm thực vật đã được thu hoạch. Tuy nhiên, theo đánh giá ban đầu, hiện trạng khu vực dự án có hệ động thực vật tương đối nghèo nàn cả về thành phần và chủng loại, trong đó, không có các loài quý hiếm nằm trong danh mục cần được bảo vệ nên tác động đến hệ sinh thái tương đối nhỏ.

3.1.1.3. Tác động của hoạt động cải tạo và tận thu đất san lấp

(A). Tác động của bụi

(A.1). Bụi phát sinh từ hoạt động đào đất

Theo Bảng 1.3. Khối lượng đất đào, đắp của Dự án,

TT	Hạng mục	Khối lượng	
		m ³	Tấn
1	Khối lượng bóc phong hóa	8.414,90	11.781
2	Tổng khối lượng tận thu	21.044,23	29.462
3	Tổng khối lượng	29.459,13	41.243

Qua bảng trên ta có: Tổng khối lượng đất đào của Dự án là 41.243tấn.

Theo tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động môi trường của Ngân hàng thế giới (*Environmental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines, environment, World Bank, Washington D.C, 8/1991*), hệ số ô nhiễm được xác định theo công thức:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4}/(M/2)^{1,3} \quad (\text{kg/tấn})$$

Trong đó:

+ E: hệ số ô nhiễm, kg/tấn.

+ k: Thành phần hạt bụi trong đất, k = 35%.

+ U: Tốc độ gió trung bình của khu vực (m/s), U = 2,9 m/s.

+ M: Độ ẩm trung bình của vật liệu (%), M = 25%

Vậy: hệ số ô nhiễm $E = 0,35 \times 0,0016 \times (2,8/2,2)^{1,4}/(0,25/2)^{1,3} = 0,0123$ (kg/tấn)

- Tính toán khuếch tán

Do hoạt động đào đất diễn ra tại khu vực dự án, để xác định nồng độ bụi trong không khí dưới hướng gió của công trình, áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt, với giả thiết như sau:

Tải lượng bụi phát sinh tại khu vực công trường là liên tục và không thay đổi theo thời gian. Với Q(mg) là tải lượng bụi phát sinh trong thời gian t(s) và Q/t là hằng số.

Gió thổi vuông góc với chiều rộng của khu vực phát thải, với tốc độ gió $u(m/s)$ không thay đổi; chiều rộng của khu vực phát thải là $W(m)$; $L(m)$ là chiều dài tính từ điểm phát thải đến vị trí xác định nồng độ bụi theo hướng gió.

Độ rối của khí quyển gây nên sự hoà trộn hoàn toàn các chất ô nhiễm đến độ cao $H(m)$ và không hoà trộn vượt ra ngoài hình hộp này, nồng độ bụi đồng đều giữa các vị trí trong hình hộp chữ nhật có kích thước W, L, H .

Nồng độ bụi trong không khí trước khi vào khu vực phát thải (nền) là $C_o (mg/m^3)$.

C là nồng độ chất ô nhiễm trong khối hộp (mg/m^3)

Áp dụng định luật bảo toàn khối lượng, ta có: $C = C_o + Q/(WLH)$

Với $L = ut$, ta có: $C = C_o + Q/(uHWt) (*)$

Với tổng diện tích khu đất Dự án là $12.021,28 m^2$ và tổng khối lượng đất đào làm phát sinh bụi tại khu vực công trường là 41.243 tấn.

Với hệ số ô nhiễm tính toán ở trên $E = 0,0123(kg/tấn)$ thì tổng lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đất tại khu vực dự án ước tính khoảng $507,3 kg$ bụi (Q).

Với đặc điểm khu đất có chiều rộng là $W = 95m$, tốc độ gió trung bình tại khu vực là $u = 2,9m/s$, chiều cao chọn $H = 100m$, $C_o = 0,10mg/m^3$.

Kết quả tính toán theo thời gian thi công t (giờ), nồng độ bụi trong không khí phía cuối hướng gió của khu vực dự án được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.1. Nồng độ bụi trong không khí theo thời gian thực hiện san lấp

Thời gian thực hiện san lấp mặt bằng (ngày)	Nồng độ $C (mg/m^3)$	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ (mg/m^3)
5	0,13	0,30
10	0,15	
15	0,19	
20	0,22	
25	0,17	
30	0,14	

Kết quả tính toán trên cho thấy lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đất theo các khoảng thời gian đều thấp hơn QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Theo tiến độ của dự án thì hoạt động đào đất diễn ra trong toàn bộ thời gian tiến hành cải tạo tận thu (12 tháng) thì nồng độ bụi hoàn toàn thấp hơn QCVN 05: 2013/BTNMT.

Hơn nữa, nhà dân gần nhất cách khu vực dự án khoảng $1km$ về phía Đông, thuộc thôn Phúc Mỹ, có mật độ dân cư thấp nên sẽ không chịu tác động nhiều do nằm cách khu vực dự án trong giới hạn cho phép. Mặt khác, do bụi có kích thước lớn nên sẽ nhanh chóng lắng xuống sau khi kết thúc hoạt động đào đất nên tác động chỉ diễn ra trong thời

gian ngắn, mức độ ảnh hưởng nếu thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu là không đáng kể.

(A.2). Bụi phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển đất san lấp

Chủ đầu tư đã hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và XNK Gia Hân để vận chuyển đất tận thu phục vụ cho san lấp mặt bằng các công trình: Nâng cấp đường Hiền – Xuân – An – Vạn (giai đoạn 2) và san lấp mặt bằng cho một số người dân có nhu cầu trên địa bàn xã Xuân Ninh và các vùng lân cận. Đất tận thu sẽ được vận chuyển từ khu vực cải tạo theo đường đất phía Đông dự án, ra đường Hồ Chí Minh về khu vực tận thu. Quá trình vận chuyển đất san lấp sẽ gây ô nhiễm bụi trên bề mặt các tuyến đường vận chuyển từ khu vực Dự án đến địa điểm san lấp. Tải lượng bụi phát sinh nhiều hay ít phụ thuộc vào số lượng phương tiện tham gia vận chuyển, chiều dài tuyến đường vận chuyển, khối lượng cần vận chuyển, chất lượng nền đường, thời tiết,... và phụ thuộc vào dạng nguyên vật liệu cần vận chuyển.

Bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển chủ yếu là bụi do bánh xe cuốn theo đất, cát trên đường.

+ Hệ số phát thải

Tùy theo điều kiện chất lượng đường, phương tiện vận chuyển mà bụi phát sinh nhiều hay ít. Theo Air Chief, Cục Môi trường Mỹ - 1995, hệ số phát thải bụi trong quá trình vận chuyển được tính theo công thức sau:

$$E_2 = 1,7 \times k \times \frac{s}{12} \times \frac{S}{48} \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} [(365-p)/365]$$

Trong đó:

- + E_2 : Hệ số phát thải bụi (kg/lượt xe.km)
- + k : Hệ số liên quan kích thước bụi (chọn $k=0,8$ cho bụi có kích thước $<30\mu\text{m}$)
- + s : Hệ số liên quan đến mặt đường (chọn hệ số trung bình đường đô thị $s=5,7$)
- + S : Tốc độ trung bình của xe (chọn $S=30\text{km/h}$)
- + W : Tải trọng xe (chọn $W=5$ tấn)
- + p : Số ngày mưa trung bình trong năm (số liệu được lấy từ trung tâm dự báo khí hậu thủy văn Quảng Bình chọn $p=143$)

Kết quả tính toán được hệ số phát sinh bụi do xe vận chuyển nguyên vật liệu là 1,0kg/km/lượt xe.

+ Tính toán khuếch tán

Để đánh giá mức độ lan truyền chất ô nhiễm của các phương tiện giao thông người ta thường dùng phương pháp mô hình hóa và một trong những mô hình thường áp dụng là mô hình Sutton. Thông thường có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí xung quanh như: các yếu tố về khí tượng (khí quyển, hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí, lượng mưa...), yếu tố về địa

hình (khu vực gò đất, đồi núi hay khu vực bằng phẳng...), các công trình xây dựng trong khu vực (độ cao của các công trình...).

Để đơn giản hóa, ta xét nguồn phát sinh chất ô nhiễm từ các phương tiện giao thông (nguồn đường) là nguồn thải liên tục, ở độ cao gần mặt đất và hướng gió thổi theo phương vuông góc với nguồn đường. Khi đó, để xác định nồng độ chất ô nhiễm tại khoảng cách x theo hướng gió (vuông góc với nguồn đường) và có độ cao z, ta sử dụng công thức mô hình của Sutton:

$$C(x,z) = \frac{0,8.E\left\{\exp\left[-\frac{(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[-\frac{(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right]\right\}}{\sigma_z \cdot u}$$

Trong đó:

- + C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí, mg/m³
- + E: Tải lượng nguồn thải, mg/m.s (Giá trị E được tính bằng tổng tải lượng bụi phát sinh trên 1 km tuyến đường vận chuyển chia cho thời gian vận chuyển).
- + δz : Hệ số khuếch tán theo phương z, là hàm số của khoảng cách x theo phương gió thổi, $\delta z = cx + f$. Trong trường hợp nguồn đường giao thông với độ ổn định khí quyển loại B, δz có thể được xác định theo công thức đơn giản của Sade (1968) : $\delta z = 0,53 \times 0,73$; m.
- + x: khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải (m), tính theo chiều gió
- + u: tốc độ gió trung bình của khu vực, m/s (chọn u=2,9 m/s)
- + z: độ cao của điểm tính toán, m
- + h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), chọn h= 0m.

Tổng khối lượng sản phẩm tận thu 21.044,23 m³ tương ứng với 29.462 tấn. Với tải trọng mỗi xe khoảng 5 tấn, số lượt xe chuyên chở đất là 5.892 lượt xe. Với hệ số phát sinh bụi 1 kg/km/lượt xe, tổng tải lượng bụi phát sinh trên 1km tuyến đường vận chuyển đất tận thu là khoảng 5.892kg/km.

Kết quả tính toán

Bảng 3. 2. Nồng độ (mg/m³) bụi trong không khí trên các tuyến đường vận chuyển đất tận thu

z= 1 m

Thời gian (Ngày)	E (mg/m.s)	Nồng độ bụi(mg/m ³) ở khoảng cách x						
		1 m	3 m	5 m	10 m	30 m	50 m	100 m
δz		0,530	1,182	1,716	2,846	6,347	9,216	15,285
40	4,8254	0,0001	0,08	0,21	0,29	0,26	0,19	0,13
60	2,8953	0,0001	0,07	0,15	0,22	0,20	0,14	0,09
90	2,0680	0,0001	0,04	0,12	0,18	0,12	0,09	0,05
120	1,6085	0,0001	0,03	0,09	0,13	0,08	0,06	0,04

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

150	0,8376	0,0001	0,02	0,07	0,10	0,07	0,05	0,03
-----	--------	--------	------	------	------	------	------	------

$z = 2 \text{ m}$

Thời gian (Ngày)	E (mg/m.s)	Nồng độ bụi (mg/m ³) ở khoảng cách x						
		1 m	3 m	5 m	10 m	30 m	50 m	100 m
δ_z		0,530	1,182	1,716	2,846	6,347	9,216	15,285
40	4,8254	0,0022	0,25	0,37	0,35	0,22	0,18	0,12
60	2,8953	0,001	0,19	0,27	0,25	0,14	0,10	0,06
90	2,0680	0,001	0,102	0,150	0,139	0,076	0,054	0,033
120	1,6085	0,001	0,077	0,112	0,104	0,057	0,040	0,025
150	0,8376	0,000	0,061	0,090	0,083	0,046	0,032	0,020

Kết quả tính toán cho thấy:

+ Ở độ cao $z = 1 \text{ m}$: nồng độ bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu đều thấp hơn so với quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT (0,3mg/m³).

+ Ở độ cao $z = 2 \text{ m}$: nồng độ bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu hầu hết đều thấp hơn so với quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT (0,3mg/m³). Ngoại trừ, ở khoảng cách 5-10m tương ứng với thời gian vận chuyển là 40 ngày thì nồng độ bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu cao hơn so với quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT.

Như vậy, bụi trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu chủ yếu tác động đến người dân ở khoảng cách 5 – 10 m so với tuyến đường vận chuyển nếu thời gian vận chuyển là dưới 40 ngày. Tuy nhiên, thời gian vận chuyển sẽ kéo dài suốt thời gian tiến hành cải tạo tận thu (12 tháng). Khi đó, sự tác động do bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển đất tận thu đến người dân sống xung quanh các tuyến đường vận chuyển là không lớn.

Tác động do bụi trên tuyến đường vận chuyển chỉ mang tính tạm thời, không liên tục mà phân bố trên toàn tuyến. Đối tượng chịu ảnh hưởng chủ yếu là người tham gia giao thông và người dân sống 2 bên tuyến đường vận chuyển. Tuyến đường vận chuyển chính là tuyến đường đất ở phía Đông và tuyến đường Hồ Chí Minh. Đối với tuyến đường đất ở phía Đông: dọc hai bên tuyến đường là diện tích rừng trồng của người dân, không có dân cư sinh sống, mật độ đi lại thấp. Tuy nhiên, do nền đường đất nên lượng bụi cuốn theo xe lớn, trong điều kiện có gió thổi mạnh, có thể ảnh hưởng đến môi trường xung quanh cũng như người tham gia giao thông. Do đó, trong quá trình vận chuyển đất tận thu, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi.

(B). Tác động của khí thải từ hoạt động của máy móc và phương tiện vận chuyển

(B.1). Khí thải từ hoạt động của máy móc

Cùng với bụi, khí thải động cơ từ máy móc thiết bị thi công cải tạo tận thu đất và các phương tiện vận chuyển cũng là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm không

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

khí. Các tác nhân gây ô nhiễm trong khí thải bao gồm: bụi lơ lửng, CO, CO₂, SO₂, NO_x, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC_s), ... Theo kết quả tính toán nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu đầu vào phục vụ cải tạo tận thu đất của đơn vị thì lượng dầu Diesel tiêu thụ cho các thiết bị hoạt động của Dự án là 10.238 lít ≈ 8.518 kg (01 lít dầu diesel tương đương 0,832 kg).

Bảng 3. 3. Tải lượng bụi và các chất ô nhiễm do các phương tiện sử dụng dầu Diesel

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu)*	Nhiên liệu (tấn dầu)	Nồng độ chất ô nhiễm (kg/thời gian cải tạo)	Nồng độ ô nhiễm (kg/ca làm việc)
1	Bụi TSP	4,3	8,518	36,63	0,05
2	SO ₂	0,1		0,85	0,0012
3	NO ₂	70		596,26	0,82
4	CO	14		119,25	0,16
5	VOC	4		34,1	0,047

Nguồn^(): Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO)*

Ghi chú:

- Dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh là 0,5%.
- Số ngày dự kiến 365 ngày, ngày làm việc 2 ca

Theo số liệu tính toán ở bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm phát thải từ các phương tiện, máy móc sử dụng dầu Diesel khá lớn. Dự báo, nồng độ các chất ô nhiễm có trong thành phần khí thải động cơ phát thải vào môi trường không khí tại khu vực dự án có thể vượt quá giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

Tuy nhiên, mức độ ô nhiễm chỉ mang tính chất tức thời, cục bộ, khí thải chỉ phát sinh nhiều tại một số vị trí có sự tập trung của nhiều phương tiện, thiết bị cùng hoạt động, mặt khác, do môi trường khu vực thông thoáng nên các khí thải phát sinh sẽ nhanh chóng pha loãng, phát tán ra môi trường xung quanh. Đồng thời, xung quanh là khu vực dự án là rừng sản xuất, không có dân cư sinh sống nên khí thải máy móc chỉ tác động đến công nhân lao động trực tiếp nếu không trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

(B.2). Khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất tận thu

Nguồn thải này phụ thuộc vào kế hoạch tổ chức vận chuyển; khối lượng đất cần vận chuyển; loại phương tiện được sử dụng, chất lượng mặt đường, chiều dài tuyến đường vận chuyển,... Đất tận thu sẽ được vận chuyển bằng ô tô với tải trọng trung bình 5 tấn, sử dụng nguyên liệu dầu Diesel, hàm lượng lưu huỳnh trong dầu Diesel là 0,5%.

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu Diesel có công suất 3,5 - 16,0 tấn, quãng đường vận chuyển đất tận thu từ khu đất của Dự án đến địa điểm san lấp là khoảng 10 km. Với tổng số lượt xe chuyên chở

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

đất là 5.892 lượt xe. Tổng chiều dài tuyến đường vận chuyển đất tận thu là 58.920 km. Vậy, tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3. 4. Tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ hoạt động vận chuyển đất tận thu

STT	Chất ô nhiễm	(*)Tải lượng (kg)/1.000km	Tổng chiều dài (1.000km)	Tổng tải lượng(kg/thời gian vận chuyển)
1	Bụi khói	0,9	58,92	53,03
2	SO ₂	4,15S		122,3
3	NO _x	14,4		848,4
4	CO	2,9		171
5	THC	0,8		47,1

(Nguồn: (*)Assessment of sources of air, water and land pollution - WHO 1993)

Ghi chú: S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu Diesel là 0,5%

Như vậy, nồng độ các chất ô nhiễm có trong thành phần khí thải động cơ phát sinh vào môi trường không khí dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất tận thu sẽ tăng lên so với môi trường nền, đặc biệt là khi có sự tập trung của nhiều phương tiện tham gia vận chuyển cùng lúc.

Tuy nhiên, do quá trình vận chuyển kéo dài suốt thời gian khai thác tận thu của Dự án (12 tháng) và các phương tiện vận chuyển sẽ được bố trí lịch để không tập trung cùng lúc tại khu vực Dự án nên lưu lượng phương tiện vận chuyển đất tận thu tại một thời điểm không nhiều, dự báo nồng độ các chất ô nhiễm có trong thành phần khí thải động cơ phát sinh dọc theo hai bên tuyến đường vận chuyển đất tận thu vẫn có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Khí thải phát sinh do phương tiện vận chuyển đất tận thu của Dự án không gây tác động đáng kể đến môi trường không khí.

*** Tác động đến môi trường và sức khỏe con người của khí thải:**

Tác động cụ thể của các chất gây ô nhiễm không khí thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3. 5. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí

TT	Thông số	Tác động
1	Bụi	- Kích thích hô hấp, xơ hoá phổi, ung thư phổi; - Gây tổn thương da, giác mạc mắt, bệnh ở đường tiêu hoá.
2	Khí axit (SO _x , NO _x)	- Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, phân tán vào máu; - SO ₂ có thể nhiễm độc qua da, làm giảm dự trữ kiềm trong máu; - Tạo mưa axit ảnh hưởng xấu tới phát triển thảm thực vật và cây trồng; Tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu bê tông và các công trình nhà cửa.
3	Oxit cacbon	Giảm khả năng vận chuyển ôxy của máu đến các tổ chức, tế bào do

TT	Thông số	Tác động
	(CO)	CO kết hợp với hemoglobin thành cacboxy-hemoglobin.
4	Khí cacbonic (CO ₂)	- Gây rối loạn hô hấp phổi; - Gây hiệu ứng nhà kính; - Tác hại đến hệ sinh thái.
5	Hydro cacbon	Gây nhiễm độc cấp tính: suy nhược, chóng mặt, nhức đầu, rối loạn giác quan có khi gây tử vong.
6	Các khí gây mùi (NH ₃ , H ₂ S)	- Gây ngộ độc cho con người như: choáng váng, ngất, nôn, mửa, đau đầu, khó chịu, cáu gắt,... và có khi gây tử vong; - Gây tác hại đến động vật, cây xanh, các công trình xây dựng và văn hoá, ăn mòn sắt thép,...

Với quy mô của Dự án, tác động lớn nhất mà khí thải có thể gây ra cho công nhân làm việc trực tiếp là các biểu hiện bệnh cấp tính và tự khỏi sau khi được nghỉ ngơi; với môi trường thì trừ ở vị trí xung quanh khu vực máy hoạt động, nồng độ khí thải ở toàn bộ khu vực Dự án dự báo hầu hết đạt quy chuẩn cho phép. Nhìn chung, tác động tiêu cực do khí thải trong giai đoạn cải tạo và tận thu đất của Dự án là không lớn so với khả năng tiếp nhận của môi trường khu vực.

(C). Ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung gây ra do máy móc và phương tiện vận chuyển

(C.1). Ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung gây ra do máy móc

Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu từ đào, bốc xúc. Mức độ cũng như phạm vi ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình cải tạo tận thu phụ thuộc vào đặc tính kỹ thuật, thời gian, tần suất hoạt động của máy móc, cũng như hướng và khoảng cách tới đối tượng tiếp nhận. Mức áp âm đối với các loại máy móc thi công và vận chuyển như sau:

Bảng 3. 6. Mức áp âm từ các máy xây dựng

Phương tiện	Mức ồn phổ biến (dBA)	Mức ồn lớn nhất (dBA)
Máy san	90 - 95	105
Máy xúc gàu ngoạm	85 - 90	115

(Nguồn: Trung tâm KHCN môi trường GTVT)

Từ bảng trên, dự báo mức áp âm trung bình trên công trường dao động trong khoảng từ 85 - 95 dBA, mức áp âm cực đại có thể vượt quá 115 dBA khi có sự hoạt động cùng một lúc của nhiều phương tiện, máy móc và thiết bị trong quá trình cải tạo.

Khả năng lan truyền của tiếng ồn từ các thiết bị thi công tới khu vực xung quanh được tính gần đúng bằng công thức sau:

$$L = L_p - \Delta L_d - \Delta L_b - \Delta L_n \text{ (dBA)}$$

Trong đó:

L : Mức ồn truyền tới điểm tính toán ở môi trường xung quanh, dBA

L_p : Mức ồn của nguồn gây ồn, dBA

ΔL_d : Mức ồn giảm đi theo khoảng cách, dBA

$$\Delta L_d = 20 * \lg[(r_2/r_1)^{1+a}]$$

Trong đó:

r_1 : Khoảng cách dùng để xác định mức âm đặc trưng của nguồn gây ồn, thường lấy bằng 1m đối với nguồn điểm.

r_2 : Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn tính từ nguồn gây ồn, m.

a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, đối với mặt đất trống trải a = 0.

ΔL_b : Mức ồn giảm đi khi truyền qua vật cản. Khu vực Công trình có địa hình rộng thoáng và không có vật cản nên $\Delta L_b = 0$.

ΔL_n : Mức ồn giảm đi do không khí và các bề mặt xung quanh hấp thụ. Trong phạm vi tính toán nhỏ, chúng ta có thể bỏ qua mức giảm độ ồn này.

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội - 1997).

Từ các công thức trên, chúng ta có thể tính toán được mức ồn trong môi trường xung quanh tại các khoảng cách tính từ nguồn gây ồn. Kết quả tính toán được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 3. 7. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị cơ giới

TT	Loại máy móc	(*) Mức ồn ứng với khoảng cách 1m		Mức ồn ứng với khoảng cách (dBA)					
		Khoảng	TB	5m	10m	20m	40m	80m	160m
1	Máy san	87-92	89,5	75,5	69,5	63,5	57,5	51,5	45,5
2	Máy xúc	82-87	84,5	70,5	64,5	58,5	52,5	46,5	40,5
QCVN 26:2010/BTNMT: Áp dụng cho khu vực thông thường: ≤70 dBA (6-21h)									

(Nguồn (*): GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội – 1997)

Mức ồn trong các hoạt động cải tạo được đánh giá cụ thể như sau:

- Trong môi trường lao động: dự báo mức áp âm trung bình (khoảng cách 1m) trên công trường đạt từ 84,5 - 89,5dBA, mức áp âm cực đại có thể vượt ngưỡng 90dBA. Mức áp âm sẽ tăng khi có nhiều máy móc và thiết bị hoạt động cùng một lúc.

Tiếng ồn trong môi trường lao động được đánh giá theo QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc thì

tiếng ồn chung tối đa cho phép trong suốt 8 giờ lao động không được vượt quá 85dBA, mức cực đại không được vượt quá 115dBA. Nếu tổng thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong ngày không quá:

4 h	làm việc không được vượt quá	90 dBA,
2 h	làm việc không được vượt quá	95 dBA,
1 h	làm việc không được vượt quá	100 dBA,
0,5 h	làm việc không được vượt quá	105 dBA,
15 phút	làm việc không được vượt quá	110 dBA,

Thời gian làm việc còn lại trong ngày chỉ được tiếp xúc với tiếng ồn dưới 80dBA.

Theo bảng trên thì tiếng ồn phát sinh từ khu vực dự án ở khoảng cách > 10m sẽ đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực thông thường ≤ 70 dBA (6-21h). Do nhà dân gần nhất cách khu vực dự án khoảng 1km về phía Đông, thuộc khu dân cư thôn Phúc Mỹ nên tác động của tiếng ồn đến người dân không xảy ra. Tiếng ồn chỉ gây tác động mang tính cục bộ, ảnh hưởng chủ yếu đến công nhân trực tiếp vận hành máy nếu không được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

(C.2). Ảnh hưởng của tiếng ồn trên các tuyến đường vận chuyển do phương tiện vận chuyển đất tận thu gây ra

Dự báo mức ồn do phương tiện vận tải gây ra trên và hai bên lề các tuyến đường vận chuyển đất tận thu khoảng 65 - 75dBA, tối đa có thể đạt 80dBA khi có nhiều xe vận chuyển cùng đi qua, vượt mức cho phép theo QCVN 26:2010 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (mức ồn cho phép đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ là nhỏ hơn hoặc bằng 70 dBA).

Mức độ tác động trên các tuyến đường vận chuyển này được đánh giá như sau:

+ Tuyến đường đất ở phía Đông: Dọc hai bên tuyến đường chủ yếu là diện tích cây trồng, không có dân cư sinh sống, mật độ đi lại thấp nên tác động của tiếng ồn là không đáng kể.

+ Tuyến đường Hồ Chí Minh: Dọc hai bên tuyến đường có dân cư sinh sống và có mật độ giao thông lớn. Nếu các xe vận chuyển không được bố trí hợp lý, không có giải pháp giảm thiểu, tiếng ồn có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống người dân ở hai bên tuyến đường vận chuyển.

Do đó, trong quá trình vận chuyển đất tận thu, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tác động của tiếng ồn đến người tham gia giao thông và dân cư sống hai bên tuyến đường.

(D). Đất đá rơi vãi, bùn đất dính bám bánh xe gây ô nhiễm các tuyến đường vận chuyển

Lượng đất đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển đất san lấp rất khó tính toán vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: thành phần, chất lượng loại nguyên vật liệu được vận chuyển, nền đường, điều kiện thời tiết,... cũng như các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình vận chuyển.

Đất đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển sẽ trở thành chướng ngại vật ảnh hưởng đến sự an toàn của người tham gia giao thông, người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển, có thể gây bụi cuốn ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

Xe chở đất san lấp từ khu vực Dự án nếu không áp dụng biện pháp làm sạch bánh xe sẽ mang theo bùn đất ra tuyến đường vận chuyển, đặc biệt là đường đất phía Đông dự án gây ô nhiễm bụi khi trời nắng và bùn lầy khi trời mưa, làm mất mỹ quan khu vực gây ảnh hưởng đến người tham gia giao thông trên các tuyến đường này.

Vào mùa khô, đặc biệt là những ngày nắng, nhiều gió, lượng bùn, đất bám vào bánh xe sẽ gây bụi cuốn trên tuyến đường, ảnh hưởng đến tầm nhìn của người tham gia giao thông. Vào mùa mưa, lượng bùn đất bám vào lớp xe nhiều sẽ rơi vãi gây trơn trượt ảnh hưởng đến các phương tiện giao thông trên các tuyến đường và làm mất mỹ quan khu vực xung quanh, đặc biệt là tuyến đường đất phía Đông dự án.

(E). Ảnh hưởng của nước thải và nước mưa chảy tràn

Trong giai đoạn cải tạo và tận thu của Dự án, nước thải bao gồm:

- (1) Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân,
- (2) Nước mưa chảy tràn

(E.1). Nước thải sinh hoạt

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ phụ thuộc vào số lượng công nhân và hệ số phát sinh nước thải (bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải). TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình, thì tiêu chuẩn cấp nước theo đầu người là 80 - 150 lít/người.ngày, ở đây theo điều kiện của Dự án lấy tiêu chuẩn cấp nước cho công nhân ở lán trại là 100 lít/người.ngày. Với số lao động ở lại tại lán trại là 6 người thì lượng nước thải phát sinh là:

$$6 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người.ngày} \times 100\% = 600 \text{ lít/ngày} = 0,6 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Trong đó:

+ Nước thải xám chiếm 80% tổng lượng nước thải là: 0,48 m³/ngày.

+ Nước thải đen chiếm 20% tổng lượng nước thải là: 0,12 m³/ngày.

Đặc điểm của nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (cacbonhydrat, protein, mỡ), chất dinh dưỡng đối với sinh vật (nitơ, photphat), vi khuẩn và gây mùi khó chịu (H₂S, NH₃...).

Khối lượng chất thải sinh hoạt do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (nếu không xử lý) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 8. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Khối lượng chất ô nhiễm/người ^(*) (g/người/ngày)	Khối lượng ^(**) (g/ngày)	Nồng độ (mg/lít)	QCVN 14 : 2008/BTNMT (cột B)
BOD ₅	45 – 54	405-486	450-540	50
Chất rắn lơ lửng	70 – 145	630-1305	700-1450	100
Dầu mỡ	10 – 30	90-270	100-300	20
Tổng nitơ	6 – 12	54-108	60-120	50
Amoni	2,4 - 4,8	21,6-43,2	24-48	10
Tổng photpho	0,8 – 4	7,2-36	8-40	10
Tổng Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml	-	-	5.000

(Nguồn: (*) GS.TS Lâm Minh Triết- Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, tính toán và thiết kế công trình – Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2008)

(**): Tính cho 6 công nhân sinh hoạt tại lán trại

Theo kết quả ở bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt nếu chưa qua xử lý sẽ gấp nhiều lần so với quy chuẩn 14 : 2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nguồn thải này có nồng độ chất ô nhiễm hữu cơ cao và chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh, nên nếu không được thu gom và xử lý, nước thải vệ sinh sẽ làm ô nhiễm nguồn tiếp nhận, làm tăng hàm lượng các chất N, P, chất rắn lơ lửng, lan truyền các mầm bệnh,... Do đó, nếu không được thu gom và xử lý thì khi thải ra môi trường, nguồn thải này có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt đặc biệt là khe nước ở phía Bắc của dự án, nước dưới đất và phát tán vi khuẩn gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân và chất lượng môi trường.

(E.2). Nước mưa chảy tràn

Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào lượng mưa của khu vực và diện tích khu vực thực hiện Dự án. Do đó, lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án sẽ thay đổi theo mùa, theo ngày. Thành phần các chất ô nhiễm trong nguồn thải phụ thuộc vào tính chất bề mặt công trường.

Theo TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình, lượng nước mưa chảy tràn vào ngày mưa lớn nhất trong diện tích dự án là

$$Q = \Psi * F * q = 0,3 * 0,747 * 12.021,28 \approx 2.694 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Ψ : Hệ số dòng chảy bề mặt phụ thuộc vào tính chất bề mặt. Do bề mặt tại khu vực dự án là mặt đất nên chọn $\Psi=0,3$. (Theo TCXDVN 7957:2008, hệ số dòng chảy đối với mặt đất, cát là 0,1 - 0,3).

+ F (m²): Tổng diện tích cải tạo và tận thu của Dự án là 12.021,28 m²;

+ q: Cường độ mưa: 747mm/ngày.đêm. Lượng mưa ngày lớn nhất ứng với thời gian đo, kể quả lấy từ đài khí tượng thủy văn Quảng Bình (trạm đo Đồng Hới) là 747 mm vào năm 2016.

Vậy, lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực cải tạo, tận thu trong ngày là khoảng 2.694 m³/ngày. Lượng nước mưa chảy tràn của dự án tương đối lớn, tuy nhiên, nồng độ các chất bẩn trong nước mưa chảy tràn không cao chủ yếu là bụi đất, cát... Hơn nữa, xung quanh khu vực chủ yếu là rừng sản xuất, không có nhà ở nên tác động của nước mưa chảy tràn là không lớn.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực tiến hành cải tạo và san lấp sẽ cuốn theo đất, bờ rời, các chất bẩn,... hay các chất thải nguy hại là dầu máy,...gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực Dự án đặc biệt là khe nước ở phía Bắc. Vì vậy, trong quá trình tiến hành cải tạo, tận thu đất cần có biện pháp giảm thiểu thích hợp.

(F). Ảnh hưởng của chất thải rắn

Trong giai đoạn tiến hành cải tạo, tận thu đất, chất thải rắn bao gồm:

- (1) Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- (2) Chất thải rắn xây dựng: đất phong hóa
- (3) Chất thải nguy hại

(F.1). Chất thải rắn sinh hoạt

Thành phần chủ yếu của nguồn thải này gồm: giấy loại, bao bì đựng thức ăn, các vật dụng sinh hoạt loại thải,... đây là nguồn thải dễ thu gom và xử lý. Theo đặc điểm sinh hoạt thông thường của cán bộ, công nhân xây dựng, ước tính hệ số phát sinh chất thải là 0,3kg/người.ngày thì với số lượng cán bộ, công nhân tham gia dự án khoảng 6 người, tổng lượng rác thải sinh hoạt khoảng:

$$0,3 \text{ kg/người.ngày} \times 6 \text{ người} = 1,8 \text{ kg/ngày}$$

Lượng chất thải này nếu không thu gom và xử lý tốt thì sẽ gây mất mỹ quan khu vực, nhất là các bao gói trọng lượng nhẹ có thể theo gió phát tán ra các khu vực xung quanh, các chất hữu cơ phân hủy gây mùi, hay xâm nhập vào nguồn nước mặt, gây ô nhiễm nguồn nước ở đây.

(F.2). Chất thải rắn xây dựng

Quá trình tiến hành tận thu đất theo hình thức cuốn chiếu, hạ dần độ cao. Tại mỗi cột đất thực hiện, trước khi tận thu đất thì tiến hành đào lớp đất phong hóa dày 0,7 m. Khối lượng đất phong hóa là 8.414,90m³=11.781tấn. Do đó, trong quá trình cải tạo phải lựa chọn vị trí đổ đất phong hóa hợp lý để thuận lợi cho quá trình khai thác và hoàn thổ.

Dự án thực hiện cải tạo, tận thu theo hình thức cuốn chiếu theo từng cột, mỗi cột thi công cuốn chiếu từng lô theo hướng từ Đông sang Tây, vì vậy, tại mỗi cột phải lựa chọn vị trí bãi chứa đất phong hóa phù hợp.

Tác động tại bãi chứa đất bốc bề mặt bao gồm :

+ Tác động của nước mưa chảy tràn: trong điều kiện thời tiết có mưa, đặc biệt là mưa lớn, nước mưa chảy tràn có thể cuốn theo lượng đất ở bãi chứa đất bốc bề mặt gây ô nhiễm cho khu vực xung quanh.

+ Tác động của sạt lở đất: quá trình đổ đất tại bãi chứa đất bốc bề mặt tạo thành đống quá cao sẽ gây hiện tượng sạt lở đất. Từ đó, có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động cải tạo đất và gây mất an toàn lao động.

Tuy nhiên, các bãi chứa đất bốc bề mặt nằm trong phạm vi của khu đất cải tạo. Đồng thời, việc cải tạo, tận thu theo hình thức cuốn chiếu theo từng cột và cứ 20m thì tiến hành san gạt trở lại nên giảm tác động của bãi chứa đất bốc bề mặt.

(F.3). Chất thải nguy hại

Do các thiết bị, máy móc được thay dầu mỡ tại các gara ô tô trong khu vực nên dự báo lượng dầu mỡ bôi trơn và giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh tại khu vực có khối lượng ít (khoảng 1 - 2kg giẻ lau/tháng, 2 - 3 lít dầu mỡ bôi trơn/tháng), tuy nhiên, nếu các loại chất thải này không được thu gom mà đổ thải ra khu vực sẽ gây ô nhiễm đất và khi khu vực có mưa sẽ cuốn trôi các chất thải gây ô nhiễm môi trường tiếp nhận.

(G) Tác động đến môi trường tại khu vực đổ đất san lấp

- Tác động do nước mưa chảy tràn:

Quá trình cải tạo tận thu của dự án chủ yếu phục vụ cho san lấp mặt bằng các công trình: “San lấp mặt bằng Nâng cấp đường Hiền – Xuân – An – Vạn (giai đoạn 2) và san lấp mặt bằng cho một số người dân có nhu cầu trên địa bàn xã Xuân Ninh và các vùng lân cận. Nếu hoạt động đổ đất tại khu vực đổ đất san lấp trong thời tiết mưa lớn sẽ làm nguy cơ bồi lấp đất, cuốn trôi đất bề mặt tăng cao, gây ô nhiễm môi trường xung quanh và ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, khu vực đổ đất là khu vực thấp trũng có cos nền thấp hơn so với cos nền đường nên nguy cơ nước mưa cuốn đất bồi lấp xung quanh không lớn.

- Tác động do bụi từ hoạt động đổ đất san lấp

Theo số liệu của Viện Khoa học công nghệ xây dựng - Bộ xây dựng về xác định hệ số ô nhiễm do hoạt động đổ 01 tấn đất, đá thì lượng bụi phát sinh trung bình là 0,134 kg/tấn.

Tổng khối lượng đất tận thu của dự án là 21.044,23m³ tương ứng với 29.462tấn. Thời gian cải tạo tận thu là 12 tháng (tương đương với 365 ngày). Lượng đất đổ hằng ngày khoảng 80,7 tấn/ngày.

Vậy, ước tính lượng bụi phát sinh trong quá trình đổ đất tại khu vực đổ đất san lấp:

$$80,7 \text{ (tấn/ngày)} \times 0,134 \text{ (kg/ tấn)} = 10,8 \text{ kgbụi/ngày.}$$

Kết quả tính toán trên cho thấy tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động đổ đất tại khu vực đổ đất san lấp là không lớn. Dự báo nồng độ bụi phát sinh từ đổ đất khoảng 0,15-0,2mg/m³, thấp hơn so với QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về

chất lượng không khí xung quanh. Bụi phát sinh từ hoạt động đổ đất không gây ảnh hưởng đối với người dân, chủ yếu tác động đến sức khỏe của công nhân trực tiếp tham gia đổ đất.

(H). Tác động đến hệ sinh thái

Hoạt động cải tạo tận thu đất sẽ phát sinh các loại chất thải: nước thải, khí thải, chất thải rắn. Nếu các nguồn thải này không được thu gom và xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Từ đó, gây ảnh hưởng đến hệ động thực vật xung quanh khu vực dự án.

Khu vực thực hiện Dự án có tổng diện tích 12.021,28m² chủ yếu là đất trồng rừng sản xuất. Rừng trồng chủ yếu là keo, trầm, không có loài thực vật quý cần, cần được bảo vệ. Do đó, các tác động đến tài nguyên thực vật hầu như là không đáng kể.

Đối với động vật: làm thu hẹp không gian sống của các loài động vật khu vực. Các loài động vật bị ảnh hưởng bởi việc triển khai Dự án chủ yếu là một số loài bò sát, chim nhỏ (sâu, sẻ,...).

Nhìn chung, các tác động đến hệ sinh thái của khu vực của Dự án là không đáng kể, do tính đa dạng sinh thái khu vực thấp, các loài động, thực vật ít có giá trị về mặt sinh thái. Bên cạnh đó, tác động này chỉ mang tính chất tạm thời, khi Dự án kết thúc hoạt động tận thu đất sẽ tiến hành trồng lại cây keo, tạo lại môi trường sống cho các loài sinh vật và cân bằng hệ sinh thái khu vực. Cụ thể:

+ Không gây thu hẹp không gian, thay đổi cấu trúc, chức năng, giá trị của danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, cảnh quan thiên nhiên được quy hoạch bảo vệ.

+ Không gây thu hẹp diện tích, thay đổi cấu trúc, chức năng, dịch vụ sinh thái của các hệ sinh thái tự nhiên (khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học khác, hành lang đa dạng sinh học, khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái san hô, cỏ biển, hệ sinh thái thủy sinh).

+ Không gây thu hẹp sinh cảnh và suy giảm số lượng, chất lượng của các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ.

(I). Gia tăng lưu lượng phương tiện vận tải

Với khối lượng đất san lấp trong quá trình thực hiện Dự án là khá lớn nên sẽ tập trung một lượng lớn các phương tiện tham gia vận chuyển. Tuyến đường chính mà các phương tiện lưu thông là tuyến đường đất ở phía Đông vào khu vực Dự án và tuyến đường Hồ Chí Minh. Tuyến đường đất hiện trạng có độ dốc khá lớn và gồ ghề. Do đó, chủ đầu tư sẽ có phương án bố trí lịch vận chuyển hợp lý, quản lý hoạt động của phương tiện vận chuyển nhằm không gây ùn tắc giao thông, không gây ảnh hưởng đến quá trình lưu thông của người dân.

(K). Tác động đến hoạt động canh tác ở khu vực lân cận.

Hoạt động cải tạo tận thu đất sẽ phát sinh bụi từ quá trình đào bốc đất, lượng bụi này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động canh tác ở khu vực lân cận dự án. Tuy nhiên, do hoạt động cải tạo tận thu được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, hạ dần độ cao nên nồng độ bụi phát sinh được đánh giá là không lớn. Đồng thời, đối với phía tiếp giáp với diện tích khu vực xung quanh, chủ dự án đã để lại vành đai an toàn nên sự tác động của bụi từ hoạt động cải tạo tận thu đến sự sinh trưởng và phát triển của cây cối ở khu vực lân cận là không đáng kể.

(L). Tác động đến tuyến đường đất đi vào khu vực dự án.

Đi vào khu vực Dự án hiện có tuyến đường đất ở phía Đông. Tuyến đường này có bề rộng 4 – 6m, tải trọng 10T, mặt đường khá gồ ghề. Do tính chất đường đất nên nếu mật độ phương tiện vận chuyển đất tận thu lớn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng mặt đường, đặc biệt là trong điều kiện thời tiết có mưa. Do đó, chủ dự án phải lưu ý các biện pháp giảm thiểu tác động đến tuyến đường đất này.

(M). Tác động đến sự phát triển của cây trồng sau khi cải tạo

Khu vực dự án là đất trồng rừng sản xuất. Trước khi cải tạo, chủ đầu tư trồng keo. Tuy nhiên, do khu vực dự án có độ dốc khá lớn (hơn 20%). Với dạng địa hình như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây trồng, gây khó khăn cho hoạt động canh tác.

Sau khi Dự án tiến hành cải tạo, hạ độ trung bình -1,75m. Như vậy, tầng khai thác đất tận thu nằm hoàn toàn trong tầng đất phong hóa chưa triệt để của đá cát kết, sét bột kết. Sau khi tận thu, tiến hành hoàn thổ lớp đất phong hóa (dày 70cm). Lớp đất phong hóa được hoàn trả có đặc điểm thổ nhưỡng gần giống lớp đất sau khai thác nên thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Do đó, đảm bảo cho mục tiêu trồng cây, cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp của Dự án. Đồng thời, hộ gia đình sẽ sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng, không sử dụng phân bón hoá học nên tạo thuận lợi cho sự phát triển của cây trồng sau cải tạo.

(N). Tác động đến kinh tế - xã hội và an ninh, trật tự

a. Các tác động tích cực:

Đất được coi là một nguồn tài nguyên phong phú của các vùng đồi núi ở Tỉnh ta, với một nguồn tài nguyên nhiều như vậy nếu chúng ta cải tạo tận thu tốt sẽ giải quyết công ăn việc làm không chỉ cho một bộ phận lao động nhàn rỗi làm việc cho dự án mà hoạt động sản xuất trồng rừng của Hộ gia đình phát triển tốt sẽ góp phần làm gia tăng giá trị kinh tế và đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương.

b. Các tác động tiêu cực:

Trong quá trình cải tạo tận thu, dự án sẽ tập trung một số lượng cán bộ công nhân (6 người). Nếu công tác tổ chức, quản lý không tốt có thể xảy ra các hoạt động như trộm cắp, đánh nhau, rượu bia,... gây mất an ninh trật tự. Tuy nhiên, các tác động trên có thể dễ dàng kiểm soát nếu thực hiện tốt việc quản lý công nhân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực.

(P) Tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng

Khu vực dự án thuộc địa hình đồi dốc. Khu đất có đỉnh cao nhất +51,78m ở phía Tây. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông (từ +51,78m xuống +21,38m). Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Địa hình sau cải tạo được trình bày cụ thể ở bảng dưới:

STT	Phạm vi khu cải tạo	Cos địa hình dự án sau cải tạo	Cos địa hình khu vực tiếp giáp	Độ chênh cao
1	Phía Bắc	+21m đến +29m	+21,57m đến +29,00m	Thấp hơn 0-0,57m
2	Phía Nam	+21m đến +45m	+22,00m đến +45m	Thấp hơn từ 0-1m
3	Phía Đông	+21m	21m	Ngang bằng
4	Phía Tây	+45m	+45m đến +50m	Thấp hơn 0-5m
5	Phía Tây Bắc	+29m đến +45m	+29,18m đến +45,00m	Thấp hơn 0-0,18m

Qua bảng trên ta thấy, sau cải tạo, ngoại trừ phía Tây- độ chênh cao lớn từ 0-5m, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh. Đồng thời, địa hình có xu hướng thấp dần về phía Đông (hiện tại đang là khu vực thấp và hướng thoát nước của toàn bộ khu vực dự án và lân cận). Tiến hành đào mương thoát nước tại phía Đông khu vực dự án, nhằm thoát nước mưa tránh gây ứ đọng khu vực cải tạo, hạn chế tối đa sự cố đọng nước, ngập úng. Do đó, không xảy ra hiện tượng ngập úng trong thời điểm mưa bão.

(Q) Tác động do hiện tượng sạt lở

Quá trình cải tạo, hạ độ cao sẽ tạo sự chênh cao giữa khu vực dự án sau cải tạo và khu vực xung quanh. Khi đó sẽ tiềm ẩn nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở nếu như không có phương án đảm bảo an toàn trong quá trình cải tạo. Hiện tượng sạt lở nếu xảy ra sẽ gây nguy hiểm cho người và phương tiện giao thông đi lại ở tuyến đường đất tiếp giáp phía Đông dự án cũng như gây ảnh hưởng đến hoạt động trồng cây ở rừng sản xuất lân cận dự án.

Tuy nhiên, độ sâu cải tạo của dự án là không lớn, sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Hơn nữa, sau cải tạo, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh. Độ chênh cao lớn nhất ở phía Tây. Do đó, để đảm bảo an toàn chống sạt lở, dự án sẽ chừa lại đai an toàn là 5m ở các phía dự án và tạo mái taluy với tỉ lệ 1:3 ở phía Tây và phía Bắc.

3.1.1.4. Tác động rủi ro sự cố môi trường

a. Sự cố tai nạn giao thông

Việc cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp kết hợp tận thu đất gắn liền với hoạt động chuyên chở nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho dự án cũng như hoạt động vận chuyển đất đi tiêu thụ, điều này tiềm ẩn việc xảy ra sự cố tai nạn giao thông. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Do chở quá tải trọng quy định;
- Do các tài xế điều khiển xe chạy quá tốc độ dẫn đến không làm chủ gây nên va quệt hoặc đâm vào nhau, đặc biệt là đâm giao giữa đường đất đi vào dự án và đường Hồ Chí Minh;

- Do sự cầu thả trong công việc của các tài xế (uống rượu bia, hút thuốc lá khi lái xe) dẫn đến việc xảy ra tai nạn.

Khi các sự cố trên xảy ra có thể gây thiệt hại về vật chất, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, thậm chí là tính mạng của công nhân điều khiển phương tiện của dự án và có thể gây thiệt hại tới tài sản, sức khỏe, tính mạng của các đối tượng liên quan khác.

Nguyên nhân gây ra sự cố trên chủ yếu là do yếu tố chủ quan của lái xe nên có thể tránh được thông qua các biện pháp giáo dục và quản lý lái xe.

b. Sự cố tai nạn lao động

Sự cố tai nạn lao động thường hay xảy ra trong giai đoạn cải tạo tận thu đất. Những sự cố này hầu như bắt nguồn từ các nguyên nhân sau:

- Sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị có thể dẫn đến các sự cố đáng tiếc xảy ra trong khi đào, bóc đất;

- Ngoài ra, một yếu tố quan trọng gây nên sự cố trong lao động đó chính là thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công.

Khi sự cố này xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân gặp sự cố, thậm chí còn nguy hại đến tính mạng. Do đó, Chủ dự án sẽ có kế hoạch điều động máy móc, xe cộ, thiết bị kỹ thuật một cách khoa học, bảo đảm nội quy an toàn lao động cho lực lượng công nhân làm việc trên công trường để hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động.

c. Sự cố do thiên tai, sạt lở đất

Sau khi cải tạo địa hình khu vực sẽ được hạ thấp trung bình -1,75m. Địa hình sau cải tạo được trình bày cụ thể ở bảng dưới:

STT	Phạm vi khu cải tạo	Cos địa hình dự án sau cải tạo	Cos địa hình khu vực tiếp giáp	Độ chênh cao
1	Phía Bắc	+21m đến +29m	+21,57m đến +29,00m	Thấp hơn 0-0,57m
2	Phía Nam	+21m đến +45m	+22,00m đến +45m	Thấp hơn từ 0-1m
3	Phía Đông	+21m	21m	Ngang bằng
4	Phía Tây	+45m	+45m đến +50m	Thấp hơn 0-5m
5	Phía Tây Bắc	+29m đến +45m	+29,18m đến +45,00m	Thấp hơn 0-0,18m

Qua bảng trên ta thấy, sau cải tạo, ngoại trừ phía Tây- độ chênh cao lớn từ 0-5m, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nếu trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa lớn kéo dài có thể gây hiện tượng trượt lở đất.

Nếu sự cố này xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến diện tích đất rừng sản xuất tiếp giáp với khu vực dự án. Do đó, để đảm bảo an toàn chống sạt lở, dự án sẽ chừa lại đai an toàn là 5m ở các phía và tạo mái taluy với tỉ lệ 1:3 ở phía Tây và Bắc của dự án.

d. Sự cố động nước, ngập úng ở khu vực cải tạo kết hợp tận thu

Sau cải tạo, địa hình khu vực dự án có sự chênh cao không lớn với khu vực xung quanh. Đồng thời, địa hình có xu hướng thấp dần về Đông tại điểm số 3 (hiện tại đang là khu vực thấp và hướng thoát nước của toàn bộ khu vực dự án và lân cận). Hơn nữa, quá trình cải tạo được tiến hành theo hình thức hạ dần độ cao. Tiến hành đào mương thoát nước ở phía Đông khu vực dự án, nhằm thoát nước mưa tránh gây ú đọng khu vực cải tạo, hạn chế tối đa sự cố động nước, ngập úng.

e. Sự cố hư hỏng tuyến đường liên thôn, liên xã và các tuyến đường khác.

Trong quá trình vận chuyển đất đi tiêu thụ, với khối lượng vận chuyển lớn và thường xuyên nên có thể gây hư hỏng tuyến đường vào khu vực dự án và tuyến đường Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ dự án cần có những biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các tuyến đường này cũng như có những giải pháp khắc phục khi các tuyến đường bị hư hỏng.

f. Sự cố chết cây trồng xung quanh do hoạt động của Dự án.

Trong quá trình hoạt động cải tạo, tận thu của Dự án sẽ phát sinh các nguồn thải như bụi, khí thải, nước thải... Nếu các nguồn thải này không được kiểm soát tốt sẽ có thể gây sự cố chết cây trồng xung quanh do hoạt động của Dự án. Sự cố này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản cho chủ rừng sản xuất ở khu vực lân cận Dự án.

g. Sự cố bom mìn

Công tác giải phóng mặt bằng, cải tạo kết hợp tận thu có thể gây nên sự cố bom mìn do hậu quả của chiến tranh để lại. Khu vực dự án là khu rừng trồng cây lâu năm thuộc địa phận xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay, ở khu vực này có thể còn bom đạn chưa được rà phá, tháo dỡ. Vì vậy, chủ dự án sẽ có phương án rà phá, tháo dỡ bom mìn, vật liệu nổ chi tiết phù hợp với địa hình khu vực để tránh trường hợp bom đạn còn sót lại gây nguy hiểm đến tính mạng, tài sản trong quá trình cải tạo kết hợp tận thu dự án.

h. Sự cố cháy rừng

Xung quanh khu vực dự án là diện tích rừng trồng, do đó nếu bất cẩn khi sử dụng nguồn lửa và các chất dễ cháy như xăng, dầu có thể gây cháy diện tích rừng trồng này (đặc biệt vào mùa khô, những ngày thời tiết khô nóng, nhiều gió) gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Vì vậy, trong quá trình thực hiện dự án, chủ dự án cần có biện pháp giảm thiểu thích hợp.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.1.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất, tái định cư

Do Dự án không thực hiện việc di dân tái định cư nên không phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của hoạt động này.

3.1.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc giải phóng mặt bằng

(A). Giảm thiểu tác động của thực vật chặt bỏ

Chủ Dự án sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Yêu cầu đơn vị tham gia phát quang tiến hành hoạt động phát quang theo hình thức cuốn chiếu, không phát quang đồng loạt.

- Thực vật chặt bỏ sẽ được xử lý như sau:

+ Các thân gỗ lớn được tận dụng để bán cho các cơ sở thu mua để làm vật liệu xây dựng...

+ Các gốc cây đào sẽ được cho người dân ở địa phương tận dụng làm chất đốt. Phần không tận dụng sẽ được thu gom và vận chuyển đi xử lý như chất thải rắn thông thường.

+ Cành lá, thân cây bụi phải được thu gom hằng ngày và hợp đồng vận chuyển đi xử lý như chất thải rắn sinh hoạt.

- Định rõ ranh giới và nghiêm cấm lao động làm việc cho Dự án phát quang quá phạm vi khu vực Dự án.

(B). Giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ quá trình phát quang

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu và giám sát đơn vị tham gia phát quang thực hiện các biện pháp sau:

- Sau khi đào gốc cây xong ở khu vực nào thì san gạt đất bằng tại khu vực đó để hạn chế bụi cuốn;

- Cán bộ, công nhân lao động sẽ được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ như: kính bảo hộ mắt, găng tay, mũ, áo quần bảo hộ lao động,...

(C). Giảm thiểu tác động xấu của nước mưa chảy tràn

** Đối với khu vực dự án:*

Để hạn chế tác động của nước mưa chảy tràn, các biện pháp sau sẽ được thực hiện:

- San gạt đất sau khi đào gốc cây như đã nói ở trên để hạn chế nước mưa chảy tràn làm sạt lở, cuốn trôi đất ra khu vực xung quanh;

- Thu dọn gốc cây trên khu vực Dự án hàng ngày nhằm hạn chế chúng bị cuốn trôi ra môi trường xung quanh.

** Đối với nguồn tiếp nhận*

- Đào các hố lắng dọc mương thoát nước của khu vực dự án để lắng cặn, chất thải rắn lơ lửng trước khi nước mưa chảy tràn ra mương đất dọc theo tuyến đường phía Đông rồi chảy ra khe nước phía Bắc.

- Định kỳ nạo vét, khơi thông hố lắng, tránh tình trạng tắc nghẽn, ứ đọng.

- Giáo dục ý thức công nhân không xả rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh chung, tránh gây ảnh hưởng đến hiện trạng khe nước.

- Hạn chế các hoạt động đào đất, bốc xúc vào những ngày có mưa lớn để tránh hiện tượng trôi rửa đất trên bề mặt;

(D) Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

Như trình bày ở trên, sự tác động của quá trình phát quang đối với hệ sinh thái tại khu vực Dự án là rất nhỏ và việc chủ Dự án thực hiện đầy đủ các giải pháp hạn chế ảnh hưởng của chất thải rắn, nước thải sẽ giảm ảnh hưởng của hoạt động này đến hệ sinh thái.

- Định rõ ranh giới và nghiêm cấm lao động làm việc cho Dự án phát quang quá phạm vi khu vực Dự án.

- Đồng thời, yêu cầu đơn vị tham gia phát quang phải quản lý chặt chẽ việc sử dụng chất đốt của công nhân nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh sự cố cháy rừng.

3.1.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của hoạt động cải tạo tận thu đất của Dự án

(A). Giảm thiểu tác động của bụi phát sinh

➤ *Đối với hoạt động đào đắp*

- Tiến hành phun ẩm khu vực đào đất vào những ngày thời tiết nắng nóng, khô hanh và có gió lớn cần phun với tần suất 4 – 6 lần/ngày (tùy vào điều kiện thời tiết thực tế);

- Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân như: kính bảo vệ mắt, găng tay, áo quần bảo hộ lao động...

➤ *Đối với hoạt động vận chuyển*

- Lựa chọn tuyến đường vận chuyển đất tận thu hợp lý. Phần đất tận thu sẽ được vận chuyển từ khu vực dự án ra tuyến đường đất ở phía Đông, sau đó, từ đường đất đi vào đường Hồ Chí Minh để vận chuyển đất tận thu về khu vực đổ đất;

- Lựa chọn các phương tiện vận chuyển đã được cơ quan đăng kiểm cấp phép, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng;

- Chỉ sử dụng xe có trọng tải dưới 10 tấn để vận chuyển đất;

- Thời gian vận chuyển đất là 2 ca làm việc trong ngày (buổi sáng từ 7h30 đến 11h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 15h30), không thực hiện quá trình vận chuyển đất vào giữa giờ nghỉ làm ảnh hưởng đến sinh hoạt người dân;

- Bố trí xe tưới nước để phun ẩm trên tuyến đường với tần suất trung bình 2-3 lần/ngày và tăng lên khoảng 4 - 6 lần/ngày nếu thời tiết có nắng, khô nóng và có gió mạnh, đặc biệt trên đoạn đường đất phía Đông khu vực cải tạo. Lượng cấp nước cho hoạt động phun ẩm trong giai đoạn cải tạo khoảng 10m³/ngày. Bố trí xe bồn phun ẩm lấy nước từ hộ gia đình bà Trương Thị Thủy (chủ đầu tư)- cách dự án khoảng 1km ở phía Đông.

- Sử dụng các tấm bạt che phủ các thùng xe chuyên chở đất tận thu;

- Đảm bảo chở đúng tải trọng và tốc độ cho phép và không được chở nguyên vật liệu quá thùng xe nhằm hạn chế tối đa rơi vãi xuống các tuyến đường;

- Sắp xếp lịch vận chuyển hợp lý để tránh vận chuyển tập trung cùng lúc trên cùng một tuyến đường, nhất là ở đường đất phía Đông dự án.

(B). Giảm thiểu ô nhiễm đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy thi công

- Sử dụng các phương tiện tận thu, vận chuyển được đăng kiểm định kỳ bởi cơ quan có chức năng;

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các thiết bị máy để hạn chế khí phát thải và tiếng ồn;

- Bố trí các phương tiện thi công hợp lý, tránh tập trung các phương tiện một lúc để hạn chế bụi;

- Trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động như áo quần, mũ, khẩu trang, giày bảo hộ,... cho công nhân làm việc trực tiếp;

- Không cải tạo tận thu đất vào những thời điểm gió Tây Nam, Đông Bắc hoạt động mạnh để hạn chế bụi đất bị khuếch tán ra môi trường xung quanh.

(C). Giảm thiểu ô nhiễm đối với khí thải, tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất tận thu

- Các phương tiện vận chuyển đất tận thu được tiến hành đăng kiểm định kỳ tại các trạm đăng kiểm và được chứng nhận, đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn và đảm bảo an toàn;

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý để không tập trung quá đông phương tiện vào một thời điểm, nhất là ở đoạn đường phía Đông đi vào khu vực dự án để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các hộ dân và phương tiện giao thông.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đúng trọng tải, không vận chuyển tập trung để hạn chế cộng hưởng âm;

- Bố trí thời gian vận chuyển đất tận thu hợp lý;

- Giáo dục lái xe chấp hành quy tắc an toàn giao thông, giảm tốc độ và không kéo còi khi không cần thiết ở các đoạn tuyến đi qua khu dân cư tập trung.

(D). Giảm thiểu ô nhiễm đối với đất đá rơi vãi, bùn đất dính bám bánh xe gây ô nhiễm các tuyến đường vận chuyển:

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành; xe chạy đúng tốc độ quy định; không chở quá trọng tải cho phép để hạn chế lượng bụi phát sinh và vận chuyển ngoài giờ cao điểm.

- Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý, giám sát đơn vị được thuê vận chuyển đất san lấp trên các tuyến đường vận chuyển, giảm thiểu bụi cuốn trên đường đặc biệt là 1km đoạn đường vào khu vực cải tạo ở phía Đông;

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm để giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển;

- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Tiến hành thường xuyên vệ sinh nền đường, phun ẩm trên tuyến đường đất ở phía Đông khu vực dự án với tần suất trung bình 2 - 3 lần/ngày và tăng lên khoảng 4-6 lần/ngày nếu thời tiết có nắng, khô nóng và có gió mạnh

- Hạn chế vận chuyển đất san lấp vào thời điểm khu vực có mưa để hạn chế lượng bùn bám dính bánh xe ra các tuyến đường vận chuyển.

- Bố trí điểm xịt rửa bánh xe ở phía Đông của khu vực cải tạo. Tại điểm xịt rửa, đào hố lắng có kích thước D_xR_xH là 1,5x1x1m để lắng cặn nhằm hạn chế bùn đất bám lại trên các tuyến đường vận chuyển làm mất mỹ quan khu vực, đồng thời, hạn chế phát sinh bụi cuốn trên đoạn đường này, ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.

(E). Giảm thiểu tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn

(E.1) Nước thải sinh hoạt:

Công nhân sẽ lưu trú và sinh hoạt tại lán trại.

- Xử lý nước thải vệ sinh bằng nhà vệ sinh lưu động;

Thiết kế nhà vệ sinh lưu động như sau: Chiều dài: 0,95 m; Chiều rộng: 1,3 m và Chiều cao: 2,5 m

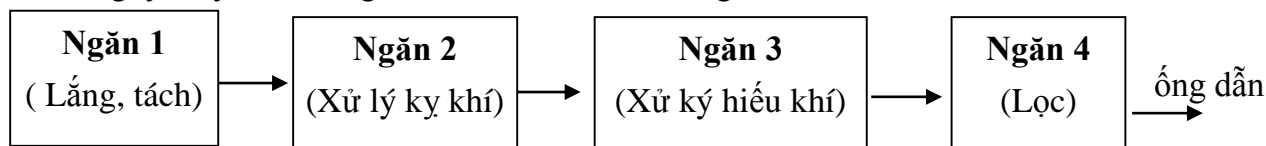
+ Dung tích bể nước sạch: 400 lít

+ Dung tích bể chứa chất thải: 500 lít

+ Nội thất: Quạt thông gió, đèn chiếu sáng bên trong, gương, lô cuốn giấy, vòi nước, công tắc.

+ Vật liệu chế tạo bằng composite nên không bị han rỉ hay lão hóa, không bay màu.

Nguyên lý hoạt động của nhà vệ sinh lưu động như sau:



+ Nhà vệ sinh lưu động gồm 2 bộ phận chính: buồng và hầm nhà vệ sinh

+ Bể chứa nước của nhà vệ sinh công cộng hoạt động dựa trên nguyên lý phao cơ khí. Theo nguyên lý này thì nước sẽ tự động được bơm vào bồn khi hết nước và tự ngắt việc bơm này lại khi nước trong bể đạt tới một giới hạn đã định trước.

+ Các chất thải của nhà vệ sinh lưu động được dẫn truyền đến hầm chứa bên dưới thông qua hệ thống dây dẫn. Tại ngăn lắng tách phân (ngăn 1), phân và cặn được xử lý bằng vi sinh tạo thành dạng lỏng, sau đó, được dẫn tiếp qua ngăn xử lý kỵ khí (ngăn 2) và xử lý hiếu khí (ngăn 3). Tiếp đó, nước dẫn tiếp qua ngăn lọc (ngăn 4) và dẫn ra ngoài bằng hệ thống ống (vật liệu lọc ở đây ta dùng than hoạt tính, đá sỏi). Sau quá trình đảm bảo các chất thải lúc đầu không gây ô nhiễm môi trường thì sẽ được định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển xử lý đúng theo quy định.

- Chủ đầu tư cam kết việc xử lý nước thải sinh hoạt bằng nhà vệ sinh lưu động đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Yêu cầu công nhân thường xuyên giữ vệ sinh chung, nhất là khu vệ sinh để hạn chế ô nhiễm môi trường xung quanh.

(E.2) Nước mưa chảy tràn

Việc quản lý, xử lý tốt nguồn thải sinh hoạt như đã nói ở trên sẽ góp phần giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn.

- Hạn chế các hoạt động đào đất, bốc xúc vào những ngày có mưa lớn để tránh hiện tượng trôi rửa đất trên bề mặt;

- Nơi để phương tiện có bạt che để hạn chế các tác động do nước mưa chảy tràn gây ra;

- Đào các mương thoát nước mưa ở phía Đông của dự án. Bố trí các hố lắng tạm thời bằng đất. Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, đá, chất thải rắn chảy theo mương nước, sau đó được lắng tại các hố lắng được bố trí sẵn. Tại đây đất, chất thải rắn lơ lửng sẽ được lắng lại trong quá trình thoát nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo. Từ đây, nước mưa chảy về khe nước ở phía Bắc. Cụ thể như sau:

+ Vì cos địa hình thấp dần về phía Đông nên đào mương thoát nước dọc theo cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3. Mương thoát nước là mương đất có dạng hình thang, kích thước 0,4 x 0,4 (m) và độ dốc mái là 1:1. Sử dụng 04 hố lắng chặn trên mương với kích thước mỗi hố 1,2x 1,2 x 1,0 (m) để lắng chặn và chất thải rắn. Các hố lắng cách nhau khoảng 30 - 50m. Dự án thoát nước mưa theo hướng địa hình từ cao xuống thấp, từ Tây sang Đông. Nước mưa lắng chặn và chất thải rắn trước khi thoát mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo.

Tính toán khả năng thoát nước mưa của mương thoát nước dự án như sau:

$$Q = V \times D_{\text{cắt ngang}}$$

Trong đó: Q là lưu lượng nước chảy qua mương thu (m³/s)

V: Vận tốc dòng chảy qua mương (m/s)

D_{cắt ngang}: diện tích mặt cắt ngang mương (m²)

$$D_{\text{cắt ngang}} = B \times H = 0,4 \times 0,4 \text{ (m)} = 0,16 \text{ m}^2$$

Vận tốc V = 1,0 m/s (Theo Phụ lục 7 – Bảng tính toán thủy lực cống và mương thoát nước - Trần Hữu Uyển).

Lưu lượng nước chảy qua mương: Q = 1,0 x 0,16 = 0,16 m³/s = 13.824 m³/ngày

Lưu lượng nước mưa của khu vực Dự án là 2.694 m³/ngày < 13.824 m³/ngày.

Qua đó ta thấy, kích thước của mương thoát nước mưa trước khi thoát ra môi trường được đảm bảo khả năng thoát nước mưa cho khu vực Dự án, không gây ngập úng khu vực.

(Bản vẽ hệ thống thoát nước mưa của khu vực đính kèm ở phụ lục 5)

(F). Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

(F.1). Chất thải rắn sinh hoạt:

- Tiến hành thu gom chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 02 thùng rác có thể tích 60 lít ở khu vực lán trại. Sau đó, tiến hành hợp đồng với Ban quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Ninh để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định với tần suất 2 lần/tuần;

- Xây dựng nội quy sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh chung, đổ rác đúng nơi quy định, phổ biến và yêu cầu mọi lao động tuân thủ tại khu vực lán trại.

(F.2). Chất thải rắn xây dựng

Biện pháp giảm thiểu tác động tại khu vực đổ đất phong hoá của dự án

* Đối với nước mưa chảy tràn

- Tiến hành quá trình cải tạo, tận thu đúng thời gian quy định,

- Tiến hành quá trình cải tạo, tận thu theo hình thức cuốn chiếu theo từng cột (20m).

Để đảm bảo cho quá trình trồng cây diễn ra thuận lợi sau khi khai thác, chủ dự án cần bổ sung dinh dưỡng cho đất, bằng cách bón phân, sau khi khai thác xong thì hoàn thổ mặt bằng một lần theo hình thức cuốn chiếu đồng thời với khai thác cứ từng cột 20m một lần.

- Không tiến hành việc đào đất bóc bề mặt vào những ngày mưa lớn.

- Vận chuyển đất bóc bề mặt của từng lô về đúng bãi chứa theo thiết kế.

- San gạt, lu lèn tại bãi chứa đất bề mặt sau khi đổ đất.

* Đối với sự cố sạt lở đất

- Đảm bảo chiều cao các bãi chứa không quá 1,5m để giảm tối đa sự cố sạt lở đất và đảm bảo an toàn lao động.

- Cử cử người thường xuyên giám sát để phát hiện và khắc phục kịp thời nếu sự cố xảy ra.

* Giảm thiểu bụi tại bãi chứa đất phong hoá:

- Che chắn tạm bãi đất bóc bề mặt bằng bạt hoặc tôn để tránh, hạn chế bụi cuốn khi có gió;

- Tiến hành phun ẩm, lu lèn đất ngay sau khi đổ đất bề mặt về bãi chứa trong quá trình tận thu để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

(F.3). Chất thải nguy hại

Chủ dự án cam kết sẽ giảm thiểu tối đa lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công trường như sau:

+ Tiến hành thay dầu mỡ tại các cơ sở sửa xe, gara trên địa bàn;

+ Đối với lượng dầu mỡ, giẻ lau phát sinh tại công trường, chủ dự án sẽ bố trí công nhân thu gom giẻ lau, bóng đèn hỏng... vào 01 thùng rác (thể tích 60 lít) có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại tại khu vực công trường.

+ Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư 36:2015/BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý CTNH.

(G) Giảm thiểu tác động môi trường tại khu vực san lấp

**** Giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn***

- Đổ đất đến đâu sẽ tiến hành san ủi, lu lèn đất bề mặt đến đó,
- Không vận chuyển đất tận thu vào ngày mưa lớn.
- Tiến hành đổ đất san lấp đúng vị trí, không đổ tràn ra khu vực xung quanh.

**** Giảm thiểu bụi tại khu vực san lấp đất:***

- Trang bị cho công nhân các trang thiết bị lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay,... để đảm bảo sức khoẻ lao động;
- Tiến hành phun ẩm, lu lèn đất ngay sau khi đổ đất tại bãi đổ đất tận thu để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

(H). Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

Việc quản lý, xử lý tốt nguồn thải như đã nói ở trên sẽ góp phần giảm thiểu tác động do các chất thải đến hệ động thực vật xung quanh Dự án.

Không tiến hành chặt bỏ các loại cây trên toàn bộ diện tích cải tạo, không xâm phạm đến diện tích ngoài khu vực Dự án;

Thực hiện đầy đủ các phương án phòng chống cháy rừng.

Đồng thời, Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công phải bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh trên bề mặt công trường sau mỗi ngày làm việc; thu gom giẻ lau dầu, mỡ rơi vãi; tiến hành che đậy máy móc thiết bị nhằm hạn chế chất thải gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực.

(I). Giảm thiểu tác động do gia tăng lưu lượng phương tiện vận tải

- Bố trí các xe vận chuyển đất san lấp từ khu vực Dự án với lưu lượng hợp lý, tránh vận chuyển tập trung cùng một lúc để không gây ùn tắc giao thông; nhất là ở đoạn đường đất phía Đông khu vực dự án.

- Trong thời gian thực hiện Dự án sẽ bố trí công nhân dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường phía Đông khu vực Dự án.

- Chủ đầu tư sẽ kết hợp với các hộ dân có rừng xung quanh tuyến đường và chính quyền địa phương để cải tạo lại tuyến đường, đắp bù những vị trí lồi lõm để đảm bảo an toàn giao thông.

- Các phương tiện đi vào khu vực tuyến đường phải giảm tốc độ để đảm bảo an toàn giao thông do tuyến đường dốc.

(K). Giảm thiểu tác động của việc cải tạo tận thu đến hoạt động canh tác của khu vực rừng sản xuất lân cận.

Để hạn chế tối đa ảnh hưởng việc cải tạo tận thu đến hoạt động canh tác của khu vực rừng sản xuất lân cận, Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Cần có sự liên kết, tìm hiểu thời gian tiến hành thu hoạch của rừng lân cận để sắp xếp thời gian hoạt động của Dự án một cách hợp lý.

- Đồng thời, không tiến hành hoạt động đào đất trong thời tiết hanh khô, có gió lớn đặc biệt là khi trùng với thời gian thu hoạch của rừng lân cận.

(L) Giảm thiểu tác động đến tuyến đường đất

- Hạn chế quá trình vận chuyển vào những ngày thời có mưa lớn.

- Trong thời gian thực hiện Dự án sẽ bố trí công nhân dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường đất.

- Chủ đầu tư sẽ kết hợp với các hộ dân có rừng xung quanh tuyến đường và chính quyền địa phương để cải tạo lại tuyến đường, đắp bù những vị trí lồi để đảm bảo an toàn.

(N) Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng

- Chủ Dự án thực hiện quy trình kỹ thuật tận thu đất đúng như trong thiết kế đã được phê duyệt, không tận thu đất vượt quá công suất cho phép. Tuyệt đối không được cải tạo kiểu hàm ếch, đặc biệt là các khu vực có độ cao lớn nhằm góp phần hạn chế đất trượt lở từ trên cao xuống thấp gây vùi lấp khu vực xung quanh.

Vì cos địa hình thấp dần về phía Tây sang Đông nên đào mương thoát nước dọc theo cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3. Mương thoát nước là mương đất có hạng hình thang, kích thước 0,4 x 0,4 (m) và độ dốc mái là 1:1. Sử dụng 04 hố lắng cạn trên mương với kích thước mỗi hố 1,2x 1,2 x1,0 (m) để lắng cạn và chất thải rắn. Các hố lắng cách nhau khoảng 30 - 50m. Nước mưa chảy theo mương đất qua hố lắng, sau đó tập trung tại hố lắng ở gần điểm số 3, từ đó, nước mưa thoát ra mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo.

(P) Giảm thiểu tác động do hiện tượng sạt lở

- Để đảm bảo an toàn chống sạt lở dự án sẽ chừa lại đai an toàn là 5m tại các phía tiếp giáp và tạo mái taluy với tỉ lệ 1:3 ở phía Tây và phía Bắc.

- Chủ Dự án thực hiện quy trình kỹ thuật tận thu đất đúng như trong thiết kế đã được phê duyệt, không tận thu đất vượt quá công suất cho phép. Tuyệt đối không được cải tạo kiểu hàm ếch, đặc biệt là các khu vực có độ cao lớn nhằm góp phần hạn chế đất trượt lở từ trên cao xuống thấp gây vùi lấp khu vực xung quanh.

- Trong quá trình cải tạo, chủ Dự án sẽ cắt cử những người quản lý thường xuyên quan sát cũng như giám sát bờ cải tạo để kịp thời phát hiện các sự cố sạt lở bờ cải tạo có thể xảy ra bất ngờ, đặc biệt là bờ đất phía tiếp giáp ở phía Bắc và phía Tây của Dự án.

(Q). Hạn chế các tác động về mặt kinh tế - xã hội và an ninh trật tự

Các biện pháp giảm thiểu tác động của các nguồn liên quan đến chất thải và không liên quan đến chất thải như trình bày ở trên sẽ góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến sức khỏe của công nhân và giảm thiểu tác động đến cảnh quan, môi trường khu vực.

Bên cạnh đó, chủ đầu tư sẽ phối hợp với chính quyền, công an xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh để có các biện pháp quản lý công nhân trong thời gian thi công tại khu vực

Dự án đề tránh những mâu thuẫn phát sinh giữa các công nhân với nhau, cũng như các tệ nạn xã hội có thể phát sinh.

3.1.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động rủi ro, sự cố môi trường

a. Sự cố tai nạn giao thông

Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí các xe vận chuyển đất ra vào khu vực dự án với mật độ hợp lý, không tập trung quá nhiều cùng một lúc để tránh gây ùn tắc giao thông;

- Tăng cường giáo dục, tuyên truyền cho lái xe ý thức chấp hành các quy định an toàn giao thông;

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công đã được đăng kiểm theo quy định nhằm hạn chế sự cố hỏng các chi tiết máy móc gây tai nạn giao thông.

- Chủ đầu tư sẽ kết hợp với các hộ dân có rừng xung quanh tuyến đường và chính quyền địa phương để cải tạo lại tuyến đường, đắp bù những vị trí lồi để đảm bảo an toàn giao thông.

- Các phương tiện đi vào khu vực tuyến đường đất phía Đông phải giảm tốc độ để đảm bảo an toàn giao thông do tuyến đường dốc.

b. Sự cố tai nạn lao động

- Niêm yết nội quy an toàn xây dựng, giữ gìn vệ sinh môi trường trên công trường, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của cán bộ, công nhân;

- Cán bộ, công nhân phải được phổ biến kỹ thuật về nội quy an toàn lao động, vận hành thiết bị, các phương tiện máy móc thường xuyên phải được kiểm tra về độ an toàn trước khi đưa vào sử dụng;

- Khu vực đang thi công hoặc nguy hiểm do quá trình thi công gây ra phải có bảng chỉ dẫn, biển báo rõ ràng theo đúng quy định về an toàn lao động;

- Hạn chế cải tạo tận thu vào những ngày mưa to, gió lớn;

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ cho công nhân làm việc tại dự án;

c. Sự cố thiên tai, sạt lở đất

- Trong quá trình cải tạo tận thu chủ dự án sẽ cắt cử người thường xuyên quan sát, giám sát bờ đất để kịp thời phát hiện sự cố sạt lở bờ có thể xảy ra, đặc biệt là bờ đất phía tiếp giáp với phía Bắc và phía Tây của Dự án;

- Tuyệt đối không đào đất vào thời điểm mưa lớn, vì lúc này tầng đất dưới tác động của nước mưa chảy tràn sẽ trở nên bở rời hơn. Do vậy, nếu thi công cải tạo trong thời điểm này thì dễ gây sự cố sụt lún đất.

d. Sự cố động nước, ngập lụt ở đáy khu vực cải tạo kết hợp tận thu

Vì cos địa hình thấp dần về phía Tây sang Đông. Sau khi cải tạo, địa hình hạ thấp trung bình 1,75m và có xu hướng thấp dần về phía Đông theo hướng dốc của địa hình

hiện trạng nên hạn chế tối đa sự cố đọng nước, ngập lụt. Đồng thời, để đảm bảo khả năng thoát nước, chủ đầu tư sẽ tiến hành đào mương thoát nước dọc theo cạnh 3-4, 4-5 và 5-6 để thu gom nước mưa về gần điểm số 3. Mương thoát nước là mương đất có hạng hình thang, kích thước 0,4 x 0,4 (m) và độ dốc mái là 1:1. Sử dụng 04 hố lắng cặn trên mương với kích thước mỗi hố 1,2x 1,2 x1,0 (m) để lắng cặn và chất thải rắn. Các hố lắng cách nhau khoảng 30 - 50m. Nước mưa chảy theo mương đất qua hố lắng, sau đó tập trung tại hố lắng ở gần điểm số 3, từ đó, nước mưa thoát ra mương nước dọc theo tuyến đường đất phía Đông của khu đất cải tạo.

e. Sự cố sạt lở, bồi lấp đất

- Chủ Dự án thực hiện quy trình kỹ thuật tận thu đất đúng như trong thiết kế đã được phê duyệt, không tận thu đất vượt quá công suất cho phép. Tuyệt đối không được cải tạo kiểu hàm ếch, đặc biệt là các khu vực có độ cao lớn nhằm góp phần hạn chế đất trượt lở từ trên cao xuống thấp gây vùi lấp khu vực xung quanh.

- Trong quá trình cải tạo, chủ Dự án sẽ cất cử những người quản lý thường xuyên quan sát cũng như giám sát bờ cải tạo để kịp thời phát hiện các sự cố sạt lở bờ cải tạo có thể xảy ra bất ngờ.

- Hướng dẫn cho công nhân các quy trình kỹ thuật tận thu đất cũng như các quy tắc về vấn đề an toàn vận hành các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công việc.

- Tuyệt đối không được cải tạo đất vào những thời điểm thời tiết xấu như mưa lớn hay lũ lụt vì lúc này tầng đất dưới tác động xấu của nước mưa chảy tràn sẽ trở nên bờ và rời hơn, đặc biệt tại các khu vực ở bờ cải tạo.

- Thực hiện theo phương pháp cuốn chiếu, cứ 20m thì hoàn thổ một lần, tận thu đến đâu thì hoàn thổ đến đó để tránh sạt lở đất.

f. Sự cố hư hỏng tuyến đường liên thôn, liên xã và các tuyến đường khác.

Dự án sử dụng tuyến đường đất phía Đông và tuyến đường Hồ Chí Minh làm tuyến đường vận chuyển chính.

- Chỉ sử dụng xe vận chuyển có tải trọng dưới 10 tấn để phù hợp với tuyến đường này.

- Quá trình vận chuyển phải tuân thủ tải trọng cho phép trên các tuyến đường. Không chờ vượt quá tải trọng nhằm tránh gây hư hỏng các tuyến đường.

- Nếu để xảy ra sự cố hư hỏng đoạn đường nào do quá trình vận chuyển đất tận thu gây ra thì chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị được thuê vận chuyển tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời để đảm bảo việc giao thông đi lại.

g. Sự cố chết cây trồng xung quanh do hoạt động của Dự án.

Để giảm thiểu tác động do sự cố chết cây trồng xung quanh Dự án, chủ Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp để quản lý các nguồn thải phát sinh từ quá trình cải tạo, tận thu của Dự án như bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn... để các nguồn thải này không gây tác động đến môi trường xung quanh.

- Nếu xảy ra hiện tượng chết cây trồng xung quanh do hoạt động của Dự án, chủ Dự án sẽ làm việc với chủ rừng bị thiệt hại và thực hiện đền bù thỏa đáng.

h. Sự cố bom mìn

- Trước khi thi công chủ dự án sẽ thực hiện việc ra phá bom mìn trên khu vực dự án.

- Việc rà phá bom mìn phải được thực hiện kỹ lưỡng, tránh tình trạng bom mìn nằm sâu trong lòng đất gây nguy hiểm cho công tác đào đất sau này.

- Bom mìn khi phát hiện cần phải xử lý theo quy định, không tự ý xử lý khi không được sự cho phép của cơ quan chức năng.

- Tuyên truyền cho toàn bộ công nhân làm việc chấp hành mọi nội quy về cháy nổ trong xây dựng cũng như trong sinh hoạt.

i. Sự cố cháy rừng

- Yêu cầu các công nhân tham gia cải tạo không được vứt tàn thuốc bừa bãi, tránh sự cố cháy rừng của các hộ dân xung quanh khu vực tận thu, đặc biệt vào mùa khô.

- Đặt các biển báo cảnh báo các khu vực có nguy cơ cháy xung quanh khu vực dự án.

- Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho dự án khi đi vào cải tạo.

- Khi xảy ra cháy rừng thì phải báo ngay cho cơ quan chức năng gần nhất để có phương án xử lý hợp lý.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong Dự án đi vào vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh liên quan đến chất thải

a. Tác động của nước thải

** Đối với nước thải sinh hoạt*

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ phụ thuộc vào số lượng công nhân và hệ số phát sinh nước thải. Với tính chất của dự án chỉ tiến hành trồng cây vào ban ngày nên các công nhân không thường xuyên sinh hoạt tại khu vực dự án. Chính vì vậy trung bình lượng nước công nhân sử dụng khoảng 100 lít/ người/ ngày. Với số lao động ở lại lán trại là 4 người thì tổng lượng nước thải phát sinh là

$$4 \text{ người} \times 100 \text{ lít/ người.ngày} \times 100\% = 0,4 \text{ m}^3/\text{ngày.}$$

Trong đó:

+ Nước thải xám chiếm 80% tổng lượng nước thải là: 0,32 m³/ngày.

+ Nước thải đen chiếm 20% tổng lượng nước thải là: 0,08 m³/ngày

Đặc điểm của nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (cacbonhydrat, protein, mỡ), chất dinh dưỡng đối với sinh vật (nitơ, photphat), vi khuẩn và gây mùi khó chịu (H₂S, NH₃...).

Khối lượng chất thải sinh hoạt do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (nếu không xử lý) được thể hiện như sau:

Bảng 3. 9. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn trồng cây

Chất ô nhiễm	Khối lượng chất ô nhiễm / người (*) (g/người/ngày)	Khối lượng(**) (g/ngày)	Nồng độ (mg/lít)	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (mg/lít)
BOD ₅	45 – 54	180-216	1.850-2.200	≤50
TSS	70 – 145	280-580	2.700-6.500	-
Dầu mỡ	10 – 30	40-120	400-1.000	≤100
Tổng Nito	6 – 12	24-48	400-1.00	≤20
Amoni	2,4 - 4,8	9,6-19,2	200-400	≤50
Tổng Photpho	0,8 – 4	3,2-16	30-160	≤10
Tổng colifom	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml	-	-	≤5.000

(Nguồn (*) GS.TS Lâm Minh Triết – Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, tính toán và thiết kế công trình – Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2008)

(**): Tính cho 4 công nhân sinh hoạt tại lán trại

Nguồn thải này có nồng độ chất ô nhiễm hữu cơ cao và chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh, nên nếu không được thu gom xử lý, nước thải vệ sinh sẽ làm ô nhiễm nguồn tiếp nhận, làm tăng hàm lượng các chất N, P, chất rắn lơ lửng, lan truyền các mầm bệnh... Do đó, nếu không được thu gom và xử lý thì khi thải ra môi trường nguồn thải này có thể gây ô nhiễm nước mặt, nước dưới đất và phát tán vi khuẩn gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân và chất lượng môi trường.

* Đối với nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào lượng mưa của khu vực và diện tích khu vực trồng cây. Do đó, lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án sẽ thay đổi theo mùa, theo ngày.

Theo TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình, lượng nước mưa chảy tràn vào ngày mưa lớn nhất trên diện tích dự án được tính theo công thức sau:

$$Q = \Psi * F * q = 12.021,28m^2 * 0,747m/ngày * 0,3 \approx 2.694m^3/ngày$$

Ψ: Hệ số dòng chảy bề mặt phụ thuộc vào tính chất bề mặt. Do bề mặt tại khu vực dự án là mặt đất nên chọn Ψ=0,3. (Theo TCXDVN 7957:2008, hệ số dòng chảy đối với mặt đất, cát là 0,1 - 0,3).

- F (m²): Tổng diện tích trồng cây của Dự án là 12.021,28m²;

q: Cường độ mưa: 747,0mm/ngày.đêm. Lượng mưa ngày lớn nhất ứng với thời gian xuất hiện tại trạm đo Đồng Hới là 747 mm vào năm 2016.

Với cao độ địa hình khu đất thấp dần về phía Đông, trong giai đoạn trồng cây nếu gặp thời tiết khu vực mưa lớn thì nước mưa chảy tràn sẽ dễ cuốn trôi đất về phía thấp của khu vực Dự án. Tuy nhiên, xung quanh Dự án là rừng trồng, không có dân cư sinh sống. Đồng thời, trong quá trình trồng cây, hộ gia đình sử dụng lại mương thoát nước trong giai đoạn cải tạo để thu gom và thoát nước mưa.

b. Tác động đến môi trường do chất thải rắn

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

Thành phần chủ yếu của nguồn thải này gồm: giấy loại, bao bì đựng thức ăn, các vật dụng sinh hoạt loại thải,... đây là nguồn thải dễ thu gom và xử lý. Do hoạt động trồng cây chỉ sử dụng lao động là người dân địa phương, không thường xuyên sinh hoạt tại dự án nên ước tính hệ số phát sinh chất thải là 0,3kg/người.ngày thì với số lượng cán bộ, công nhân tham gia trồng cây khoảng 4 người, tổng lượng rác thải sinh hoạt khoảng:

$$0,3 \text{ kg/người.ngày} \times 4 \text{ người} = 1,2 \text{ kg/ngày}$$

Lượng chất thải này nếu không thu gom và xử lý tốt thì sẽ gây mất mỹ quan khu vực, nhất là các bao nilon trọng lượng nhẹ có thể theo gió phát tán ra các khu vực xung quanh, các chất hữu cơ phân hủy gây mùi, hay xâm nhập vào nguồn nước mặt, gây ô nhiễm nguồn nước ở đây.

** Đối với đất, phân bón rơi vãi từ hoạt động vận chuyển cây trồng, phân bón*

Lượng đất, phân bón rơi vãi trong quá trình vận chuyển cây trồng, phân bón rất khó tính toán vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: thành phần, chất lượng loại nguyên vật liệu được vận chuyển, nền đường, điều kiện thời tiết,... cũng như các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình vận chuyển.

Đất, phân bón rơi vãi trong quá trình vận chuyển sẽ trở thành chướng ngại vật ảnh hưởng đến sự an toàn của người tham gia giao thông, người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển, có thể gây bụi cuốn ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

Tuy nhiên, lượng phân bón sử dụng trong quá trình trồng cây, do phần lớn là các loại phân chuồng đã được hộ gia đình ủ hoai hoặc mua từ các trang trại, hộ gia đình khác trên địa bàn, được vận chuyển về khu vực Dự án bằng xe bán tải nhỏ và thường được sử dụng hết trong quá trình trồng cây nên tác động từ phân bón rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển là không đáng kể.

** Đối với chất thải rắn nguy hại*

Do khi tiến hành hoạt động trồng cây không sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật nên không phát sinh chất thải rắn nguy hại như bao bì đựng hoá chất.

Do các thiết bị, máy móc được thay dầu mỡ tại các gara ô tô trong khu vực nên dự báo lượng dầu mỡ bôi trơn và giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh tại khu vực có khối lượng ít, khoảng 1-2kg/tháng. Tuy nhiên nếu các loại chất thải này không được thu gom sẽ gây ô

nhiễm đất và khi khu vực có mưa sẽ cuốn trôi các chất thải gây ô nhiễm môi trường tiếp nhận.

c. Tác động đến môi trường không khí

Giai đoạn trồng cây sẽ làm phát sinh các tác nhân gây ô nhiễm đến chất lượng môi trường không khí khu vực. Các tác nhân chính bao gồm:

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây
- Khí thải động cơ phát sinh từ xe vận chuyển cây giống, phân bón.

** Bụi phát sinh từ hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây*

Bụi phát sinh chủ yếu là do hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây. Tải lượng bụi phát sinh sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện thời tiết, độ ẩm của đất, tần suất và hoạt động trong ngày,... Dự báo nồng độ bụi tại các khu vực này trong thời gian thực hiện hoạt động trồng cây trung bình từ 0,1 - 0,3 mg/m³ và có thể đạt từ 0,3 - 0,5 mg/m³, cao hơn mức cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT, tại các vị trí đào hố trồng cây trong điều kiện thời tiết nắng nóng, nhiều gió. Tuy nhiên, do hoạt động đào hố trồng cây không thường xuyên, liên tục và không trải rộng trên toàn bộ diện tích của Dự án nên lượng bụi phát sinh từ hoạt động này không đáng kể.

** Khí thải động cơ phát sinh từ các xe vận chuyển cây giống, phân bón*

Khí thải động cơ được phát sinh từ xe vận chuyển cây giống, phân bón. Các tác nhân gây ô nhiễm trong khí thải bao gồm: CO, CO₂, SO₂, NO_x, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs),... Tuy nhiên, tại các khu vực này có không gian thoáng đãng, rộng rãi, Dự án triển khai theo hình thức cuốn chiếu, số lượng cây trồng, phân bón vận chuyển cùng một lúc là không lớn cho nên lượng khí thải phát sinh trong thời gian ngắn, dự báo nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải từ xe vận chuyển có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không phát sinh không liên quan đến chất thải

a. Tác động do tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh trong quá trình trồng cây chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là xe chở phân bón, cây trồng trên tuyến đường vận chuyển.

Độ ồn trên tuyến đường vận chuyển sẽ tác động đến người tham gia giao thông, các hộ dân nằm dọc hai bên tuyến đường. Tuy nhiên, hoạt động trồng cây được triển khai theo hình thức cuốn chiếu, số lượng cây trồng và phân bón cần vận chuyển cùng một lúc là không lớn và được vận chuyển về khu vực Dự án bằng xe bán tải nhỏ nên tác động do tiếng ồn của phương tiện vận chuyển là không đáng kể.

b. Tác động do sạt lở, bồi lấp đất

Trong hoạt động đào hồ trồng cây tại khu vực để bờ moong vào những ngày mưa lớn, lũ lụt có thể gây nên hiện tượng xói mòn và có thể rửa trôi đất trồng trên diện tích khu vực được cải tạo và một lượng đất có khả năng bị cuốn trôi theo dòng nước mưa gây bồi lấp khu vực thấp trũng xung quanh.

c. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

Sau khi tiến hành cải tạo xong thì Chủ dự án (Hộ gia đình) sẽ tiến hành trồng cây. Hoạt động này sẽ tác động tích cực đến kinh tế- xã hội khu vực.

- Tạo việc làm cho một bộ phận dân cư địa phương;
- Trồng rừng mang lại hiệu quả kinh tế cho hộ gia đình;
- Trồng rừng giúp cải thiện hệ sinh thái khu vực.

3.2.1.3. Các sự cố trong giai đoạn hoạt động của Dự án

a. Sự cố tai nạn giao thông:

Việc trồng cây có hoạt động chuyên chở cây trồng, phân bón phục vụ cho Dự án cũng như hoạt động đi lại của công nhân tiềm ẩn việc xảy ra sự cố tai nạn giao thông. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Do các xe chở quá trọng tải quy định và tài xế điều khiển xe chạy quá tốc độ.
- Do sự cẩu thả và thiếu trách nhiệm trong công việc của các tài xế như uống rượu bia.

Khi các sự cố trên xảy ra có thể gây thiệt hại về vật chất, ảnh hưởng tới sức khỏe, thậm chí là tính mạng của công nhân điều khiển phương tiện của Dự án và có thể thiệt hại tới tài sản, sức khỏe và tính mạng của các đối tượng liên quan.

b. Sự cố cây trồng bị chết trong giai đoạn trồng cây

Dự án thực hiện cải tạo, bóc đến lớp 2-tầng đất phong hóa chưa triệt để của đá cát kết, sét bột kết. Như vậy, lớp đất bóc bề mặt dày 0,7m sẽ có đặc điểm địa chất gần tương đồng với lớp đất sau cải tạo và trong quá trình trồng cây, chủ dự án sẽ áp dụng một số biện pháp để nâng cao hiệu quả như sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng. Do đó, việc cải tạo, hạ độ cao của Dự án sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả trồng cây, hạn chế sự cố chết cây trong giai đoạn trồng cây sau cải tạo.

Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành trồng cây xanh, một số cây sẽ có thể bị ảnh hưởng do thời tiết xấu như mưa lớn, lũ lụt, bị chết do sâu bệnh hay quy trình trồng và chăm sóc cây không đúng... làm giảm số lượng cây cũng như chất lượng của mùa vụ. Vì vậy, cần phải đề ra những biện pháp phù hợp và thực hiện nhằm hạn chế những tác động từ quá trình này.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nguồn phát sinh liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động do nước thải

** Đối với nước thải sinh hoạt*

- Sử dụng lại nhà vệ sinh lưu động trong giai đoạn cải tạo tận thu, định kì hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.
- Sau khi kết thúc hoạt động trồng cây, sẽ phối hợp với đơn vị chức năng để tháo dỡ theo đúng quy định.

** Đối với nước mưa chảy tràn*

- Không tiến hành đào hồ trồng cây vào những ngày có mưa lớn;
- Sử dụng mương thoát nước sẵn có trong giai đoạn cải tạo của khu vực dự án để thu gom và thoát nước mưa cho khu vực.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn

Chất thải rắn trong quá trình trồng cây chủ yếu là đất, phân bón rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển nên Chủ dự án (hộ gia đình) sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Yêu cầu lái xe chở đúng trọng tải quy định, dùng bạt che phủ kín thùng xe, vật liệu không chở quá thùng xe để hạn chế đất, phân bón rơi vãi.
- Tiến hành thu dọn đất rơi vãi tuyến đường đất phía Đông khu vực dự án.
- Bố trí thùng rác 60lít đặt tại khu vực dự án để thu gom rác thải sinh hoạt.
- Thường xuyên cắt cử công nhân thu gom và đổ rác thải sinh hoạt, tránh để ứ đọng, gây ô nhiễm, mất vệ sinh.
- Định kì hợp đồng với ban quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Ninh để tiến hành thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn nguy hại

- + Bố trí thùng rác 60lít dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại khu vực dự án để thu gom rác thải nguy hại.
- + Định kì hợp đồng với đơn vị chức năng để tiến hành thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

** Giảm thiểu bụi phát sinh từ hoạt động đào hố, tạo hàng để trồng cây:*

- Sử dụng biện pháp thủ công trong quá trình đào hố, tạo hàng trồng cây nhằm hạn chế bụi phát sinh.
- Hạn chế hoạt động đào hố trồng cây vào thời điểm có gió to.

** Giảm thiểu khí thải động cơ phát sinh từ các xe vận chuyển cây giống, phân bón:*

Đây là dạng nguồn thải phân tán, phát thải lưu lượng nhỏ, không liên tục, phân bố trên mặt thoáng rộng nên khả năng gây ô nhiễm đến chất lượng môi trường không khí khu vực là không đáng kể. Một số biện pháp giảm thiểu được thực hiện như sau:

- Các phương tiện vận tải, máy móc được tiến hành đăng kiểm định kỳ tại các trạm đăng kiểm và được chứng nhận, đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn và đảm bảo an toàn;

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý.

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nguồn phát sinh không liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động do tiếng ồn

+ Sử dụng các phương tiện chuyên chở vật liệu đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn phát sinh trong giới hạn cho phép;

+ Khi đi qua khu dân cư sinh sống hai bên các tuyến đường, hạn chế sử dụng còi hơi và không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển.

b. Giảm thiểu tác động do sạt lở, bồi lấp đất

Trong giai đoạn này, chỉ thực hiện đào hố, tiến hành trồng cây xanh vào những ngày thời tiết thuận lợi, theo dõi nắm bắt kịp thời những thời điểm thời tiết chuyển biến xấu như mưa lớn kéo dài để có biện pháp phòng ngừa hiện tượng sạt lở, bồi lấp đất.

3.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do rủi ro, sự cố

a. Đối với sự cố an toàn giao thông

- Yêu cầu lái xe chạy đúng tốc độ, tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn giao thông.

- Thu dọn đất đá rơi vãi trên nền đường do hoạt động của Dự án;

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục, sửa chữa các tuyến đường giao thông được xác định là bị hư hỏng do quá trình vận chuyển cây trồng, phân bón thuộc phạm vi dự án gây ra.

b. Đối với sự cố cây trồng bị chết trong giai đoạn trồng cây

Trong quá trình tiến hành trồng cây xanh, để tránh trường hợp một số cây có thể bị ảnh hưởng do thời tiết xấu như mưa lớn, lũ lụt, bị chết do sâu bệnh hay quy trình trồng và chăm sóc cây không đúng... làm giảm số lượng cây cũng như chất lượng của mùa vụ, Chủ Dự án tiến hành chăm sóc, bảo vệ cây theo đúng quy trình trên cơ sở tìm hiểu kinh nghiệm về kỹ thuật trồng cây của người dân địa phương và cán bộ kỹ thuật.

Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, mật độ, quy trình trồng cây keo lai: Trước khi trồng phải tạo hố với kích thước mỗi hố 30 x 30 x 30 cm, mật độ 2.000cây/ha. Sau khi trồng 15 – 20 ngày, kiểm tra thấy tỷ lệ cây sống < 80%, thì phải tiến hành trồng dặm, tỉ lệ trồng dặm bằng 30% mật độ cây trồng để hạn chế lượng cây chết.

Chủ Dự án sẽ tiến hành trồng cây vào thời vụ trồng rừng sau khi cải tạo đất là vào vụ thu (tháng 9, 10) hoặc vụ xuân (tháng 2, 3) để đảm bảo tỷ lệ sống của cây trồng.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn cải tạo và tận thu đất của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 10. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện
1	Trang bị bảo hộ lao động	Trong giai đoạn cải tạo và tận thu đất của Dự án
2	Nhà vệ sinh lưu động	
3	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	
4	Hợp đồng xử lý rác thải	
5	Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại	

3.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Chủ dự án trực tiếp giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án. Ngoài ra, các cán bộ, công nhân tham gia thi công Dự án đều là các thành viên quan trọng, ngoài thực hiện công việc chính là thi công cải tạo tận thu đất thì cũng phải tham gia vào công tác bảo vệ môi trường theo ý thức tự nguyện và theo sự điều động khi cần của Chủ dự án.

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo ĐTM này, nhóm thực hiện đã kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau như khảo sát thực tế, tổng hợp phân tích số liệu và dựa trên kinh nghiệm thực tế từ các dự án khác. Các tác động có thể xảy ra đã được phân tích, đánh giá khá đầy đủ, rõ ràng với mức độ chính xác và tin cậy cao. Tuy nhiên, việc dự báo về nồng độ ô nhiễm của các chất trong quá trình thực hiện Dự án chỉ là tương đối, vì số liệu thực tế sẽ phụ thuộc nhiều yếu tố khác nhau cả khách quan như thời tiết, chủng loại phương tiện, thiết bị,...và cả chủ quan như vấn đề quản lý, thực hiện biện pháp giảm thiểu của nhà thầu thi công và Chủ đầu tư. Nhìn chung, các đánh giá đảm bảo cung cấp các thông tin dự báo đúng đắn, đủ làm cơ sở cho việc nhận thức các nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường do hoạt động của Dự án cho Chủ đầu tư, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước, cũng như làm cơ sở cho việc đề ra các biện pháp quản lý, xử lý nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực.

CHƯƠNG 4.
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN
ĐA DẠNG SINH HỌC

Thực hiện theo phương án cải tạo mặt bằng sau khi được UBND huyện phê duyệt

CHƯƠNG 5.

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Căn cứ quy mô, phạm vi và đặc điểm hoạt động của Dự án, cũng như quá trình phân tích, dự báo và đánh giá các tác động môi trường xảy ra bởi các hoạt động của Dự án, chương trình quản lý môi trường được đề ra cho Dự án trong suốt quá trình từ giai đoạn cải tạo tận thu đến giai đoạn vận hành. Chương trình được trình bày ở Bảng sau:

Bảng 4. 1. Nội dung chương trình quản lý môi trường Dự án

TT	Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	Cải tạo, tận thu	Vận chuyển đất tận thu	Phát sinh khí thải, bụi, tiếng ồn trong quá trình vận chuyển đất tận thu	- Quản lý việc vận chuyển; - Che chắn thùng xe, phun ẩm. - Xịt rửa bánh xe	Trong quá trình cải tạo, tận thu
Đào đất		Nước mưa chảy tràn	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa.		
Đào đất		Tai nạn lao động.	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân		
Sinh hoạt của công nhân		Nước thải, CTR sinh hoạt	- Nhà vệ sinh lưu động - Bố trí thùng rác tại khu vực lán trại		
2	Trồng cây	Vận chuyển cây giống, phân bón	- Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn,	- Quản lý việc vận chuyển; - Che chắn thùng xe, phun ẩm.	Trong quá trình trồng cây

	Đào hồ trồng cây	- Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá, chất bẩn bề mặt;	Sử dụng lại hệ thống thoát nước mưa trong giai đoạn cải tạo tận thu.
	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải, CTR sinh hoạt	- Nhà vệ sinh lưu động - Bố trí thùng rác tại khu vực trồng cây

5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

Công tác giám sát môi trường thực hiện nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất ở trên được thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động bất lợi do Dự án mang lại. Dự án tiến hành giám sát trong giai đoạn cải tạo đất.

5.2.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: NO₂ , SO₂, CO, bụi, tiếng ồn.
- Vị trí giám sát:
- KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực dự án, có tọa độ: 17°18'14.07"N; 106°37'47.60"E.
- KK2 Mẫu không khí lấy tại tuyến đường đất phía Đông dự án, có tọa độ 17°18'28.87"N; 106°38'18.14"E.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
 - + QCVN 05 : 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 06 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - + QCVN 26 : 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Giám sát thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án
- + Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

+ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.2.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án và lân cận.
- Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sạt lở, bồi lấp đất theo báo cáo ĐTM được phê duyệt.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

CHƯƠNG 6. KẾT QUẢ THAM VẤN

6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

Thực hiện quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư đã gửi nội dung của báo cáo ĐTM của dự án lên trong thông tin điện tử của Sở TNMT tỉnh Quảng Bình và được đăng tải vào ngày....(Đường link:....)

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Thực hiện quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn và chính quyền xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tiến hành niêm yết báo cáo ĐTM tại trụ sở UBND xã vào ngày....

Ngày 14/2/2022 UBND xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh đã tổ chức cuộc họp tham vấn với thành phần có các đại diện của UBND, UBMTTQ và đại diện người dân bị ảnh hưởng. Sau cuộc họp, trên cơ sở các ý kiến tham gia, thư ký cuộc họp đã tổng hợp vào biên bản có chữ ký nhất trí của đại diện các cơ quan, đơn vị và người bị ảnh hưởng tham gia.

(Biên bản cuộc họp tham vấn đính kèm ở phụ lục)

6.1.3. Tham vấn bằng văn bản

Thực hiện quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư đã gửi Công văn 01/ Cv ngày 7/2/2022 về việc xin tham vấn ý kiến kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án **“Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”** đến UBND và UBMTTQ Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, là đơn vị quản lý địa giới hành chính khu vực dự án. Quá trình này nhằm để tham vấn về những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án đến các yếu tố môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội của khu vực cũng như tính hợp lý, đầy đủ của các biện pháp giảm thiểu kèm theo nhằm đảm bảo tính phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. UBND xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh đã có công văn số 19/UBND ngày 14/2/2022 và UBMTTQ xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh đã có công văn số 05/UBMTTQ ngày 14/2/2022 để trả lời các ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

(Công văn xin tham vấn, Công văn số 19/UBND của UBND xã Xuân Ninh, Công văn số 05/UBMTTQ xã Xuân Ninh được đính kèm ở phụ lục 3)

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Kết quả tham vấn cộng đồng được trình bày ở bảng sau:

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử		
Chương 1			
Chương 2			
Chương 3			
Chương 4			
Chương 5			
Các ý kiến khác			
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức cuộc họp lấy ý kiến		
Chương 1	Đồng ý		
Chương 2	Đồng ý		
Chương 3	Đồng ý với các biện pháp bảo vệ môi trường Yêu cầu tưới nước trên các tuyến đường vận chuyển và phủ bạt thùng xe	Chủ đầu tư phối hợp đơn vị vận chuyển để tiến hành tưới nước trên các tuyến đường vận chuyển và phủ bạt thùng xe	
Chương 4	Đồng ý		
Chương 5	Đồng ý		
Các ý kiến khác	không		
III	Tham vấn bằng văn bản		
Chương 1	Đồng ý		
Chương 2	Đồng ý		
Chương 3	Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động cải tạo và tận thu đất, đặc biệt là bụi và khí thải. Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp để phòng ngừa sự cố như sạt lở, bồi lắng và ngập úng trong quá trình cải tạo, tận thu.	Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động cải tạo và tận thu đất, đặc biệt là bụi và khí thải. Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp để phòng ngừa sự cố như sạt lở, bồi lắng và ngập úng trong quá trình cải tạo, tận thu.	UBND xã
	Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện tốt vấn đề xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động cải tạo và tận thu đất để không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi	Chủ đầu tư cam kết thực hiện tốt vấn đề xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động cải tạo và tận thu đất để không gây ảnh hưởng	UBMTTQ xã

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	trường và sức khỏe của người dân. Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn giao thông trong hoạt động vận chuyển đất tận thu.	đến chất lượng môi trường và sức khỏe của người dân. Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn giao thông trong hoạt động vận chuyển đất tận thu.	
Chương 4	Đồng ý		
Chương 5	Đồng ý		
Các ý kiến khác	Chủ đầu tư lưu ý đến vấn đề an ninh trật tự trong quá trình thực hiện Dự án.	Chủ đầu tư phối hợp chính quyền địa phương để có biện pháp đảm bảo vấn đề an ninh trật tự	UBND xã
	Chủ đầu tư lưu ý đến vấn đề sử dụng lao động tại địa phương.	Chủ đầu tư ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương	UBMTTQ xã

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Một số kết luận mà nhóm thực hiện ĐTM rút ra sau khi hoàn thiện Báo cáo ĐTM của dự án như sau:

(1) Những tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội trong quá trình thực hiện dự án là không thể tránh khỏi. Trong báo cáo ĐTM này, chúng tôi đã thực hiện dự báo, phân tích và đánh giá đầy đủ tất cả những tác động có thể xảy ra. Do tính chất phức tạp của nguồn thải cũng như các yếu tố ảnh hưởng mà tải lượng và tính chất ô nhiễm của một số tác nhân gây ô nhiễm có thể có sự sai lệch trong thực tế hoạt động. Tuy nhiên, các sai lệch đó không ảnh hưởng đến việc đề xuất các biện pháp giảm thiểu;

(2) Trên cơ sở những đánh giá tác động môi trường, chúng tôi đã đề ra các biện pháp giảm thiểu đối với từng yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường. Các biện pháp được đưa ra có tính khả thi cao và có thể thực hiện được trong điều kiện của Chủ dự án;

(3) Để thực hiện các biện pháp giảm thiểu, chúng tôi đưa ra đồng thời các biện pháp quản lý cũng như các biện pháp kỹ thuật trên cơ sở phối hợp thực hiện giữa các đơn vị, cá nhân liên quan;

(4) Nhìn chung, các tác động tiêu cực có thể xảy ra do hoạt động của dự án là không tránh khỏi, tuy nhiên, các tác động có thể được phòng tránh, giảm thiểu thông qua các biện pháp đã được trình bày trong Báo cáo ĐTM. Trong khi đó đầu tư Dự án: **“Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình kết hợp khai thác tận thu đất san lấp thửa đất số 341, 331, 349 – thuộc tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”** nhằm giải quyết công ăn việc làm không chỉ cho một bộ phận lao động nhàn rỗi làm việc cho dự án mà hoạt động sản xuất trồng rừng của Hộ gia đình phát triển tốt sẽ góp phần làm gia tăng giá trị kinh tế và đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương. Do đó, việc thực hiện dự án là rất cần thiết.

2. Kiến nghị

Chủ dự án kiến nghị chính quyền, công an xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh phối hợp cùng Chủ dự án tham gia giám sát trong quá trình cải tạo tận thu đất của dự án để đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong Báo cáo ĐTM được thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt và giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường, xã hội và hệ sinh thái.

3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của dự án, gồm:

- Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.
- Cam kết sửa chữa, hoàn trả những hư hỏng hạ tầng khu vực được xác định là do hoạt động của dự án gây ra.
- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và phòng chống, ứng cứu sự cố.
- Cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn khu vực dự án nói riêng và trên địa bàn Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh nói chung.
- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống sự cố cháy rừng.
- Cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cảnh sát phòng cháy chữa cháy trong phòng chống sự cố cháy rừng.
- Cam kết thực hiện tận thu theo đúng quy định pháp luật, không được làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực.
- Cam kết niêm yết bản Báo cáo ĐTM của dự án trước trụ sở UBND xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh để toàn thể nhân dân có thể giám sát.
- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thi công thực hiện dự án
- Cam kết thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo; Chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật...
- Cam kết chịu trách nhiệm truy tu, bảo dưỡng các tuyến đường bị hư hỏng được xác định là do dự án gây ra.

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH-CN & MT, Trung tâm KHTN & CNQG. *Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường chung các dự án phát triển*. Hà Nội, 2000.
2. Lê Thạc Cán và tập thể tác giả, *Đánh giá tác động môi trường – Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 7-2009.
3. Trần Ngọc Chân, *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - tập 1, 2, 3*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2001.
4. Phạm Ngọc Đăng, *Môi trường không khí*, NXB KH&KT, Hà Nội, 2003.
5. Hoàng Huệ, *Xử lý nước thải*, NXB Xây dựng, Hà Nội, 1996.
6. Trần Hiếu Nhuệ, *Quản lý chất thải rắn*, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2001.
7. Niên giám thống kê thành phố Đồng Hới qua các năm 2015 – 2018.
8. Các tài liệu do Chủ dự án tạo lập.
9. World Health Organization, *Assessment of sources of air, water and land pollution*, Geneva (1993).

PHỤ LỤC I

Phụ lục 1. Các văn bản liên quan đến dự án

1. Công văn số 894/UBND-TNMT của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 13/06/2016 về việc cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, cá nhân kết hợp tận thu đất san lấp công trình;
2. Công văn số 702/STNMT-KS ngày 20/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn thủ tục cấp phép cải tạo đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, cá nhân có tận thu đất san lấp;
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 341 – tờ bản đồ số 29, thuộc xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp cho Hộ bà Trương Thị Thủy để trồng rừng sản xuất với diện tích là 4.281,0 m² (Đất trồng rừng sản xuất).
4. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 331,349 - tờ bản đồ 29, số phát hành A0 740099, số vào sổ H.00011 ngày 14/07/2009 do UBND huyện Quảng Ninh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Chôi (đã mất), nay bà Lê Thị Linh Giang (con dâu bà Nguyễn Thị Chôi) được quyền sử dụng để trồng rừng sản xuất với diện tích là 9.738,0 m² (đất trồng rừng sản xuất);
5. Công văn số 11/UBND-TNMT ngày 06/01/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc xin ý kiến cải tạo đối với đất nông nghiệp kết hợp khai thác tận thu san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 – tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
6. Công văn số 60/STNMT-KSKTTV ngày 13/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình về việc cho ý kiến đối với việc cải tạo đất nông nghiệp kết hợp tận thu đất san lấp trên địa bàn huyện Quảng Ninh.
7. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí.
8. Giấy chứng nhận hoạt động quan trắc.
9. Bản đồ hiện trạng khu vực cải tạo mặt bằng kết hợp khai thác tận thu đất san lấp xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
10. Bản đồ kết thúc khai thác và thoát nước mưa
11. Bản đồ hoàn thổ

Phụ lục 2. Các hình ảnh hiện trạng dự án

Hình 1. Hiện trạng thửa đất dự án

Hình 2. Hiện trạng tuyến đường đất phía Đông dự án

Hình 3. Vị trí lấy mẫu hiện trạng và giám sát chất lượng môi trường

Phụ lục 3. Các văn bản liên quan đến tham vấn ý kiến cộng đồng

1. Công văn của Chủ đầu tư về việc tham vấn ý kiến cộng đồng về nội dung báo cáo ĐTM của Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341,331,349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;

Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

2. Công văn số 19/UBND ngày 14/2/2022 của UBND xã Xuân Ninh về việc ý kiến cộng đồng đối với báo cáo ĐTM của Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341,331,349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
3. Công văn số 05/UBMT ngày 14/2/2022 của UBMTTQ xã Xuân Ninh về việc ý kiến cộng đồng đối với báo cáo ĐTM của Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341,331,349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
4. Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án.

PHỤ LỤC 1.
CÁC VĂN BẢN
LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **11** /UBND-TNMT

V/v xin ý kiến đối với trường
hợp xin cải tạo đất nông nghiệp
kết hợp khai thác tận dụng
đất san lấp

Quảng Ninh, ngày **06** tháng **01** năm **2022**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2405/UBND-TNMT ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản, UBND huyện báo cáo và xin ý kiến đối với trường hợp xin cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp kết hợp khai thác tận dụng đất san lấp tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, cụ thể như sau:

Ngày 05/7/2021, UBND huyện đã có Công văn số 649/UBND-TNMT về việc đề nghị cho ý kiến đối với trường hợp xin cải tạo đất san lấp mặt bằng để trồng rừng sản xuất có tận thu đất tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 29, diện tích 4.281m² tại thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh của hộ bà Trương Thị Thủy với diện tích khu vực cải tạo đất mặt bằng là 3.659,43 m²; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã cho ý kiến tại Công văn số 1564/STNMT-KSKTTV ngày 12/7/2021 và Công văn số 1723/STNMT-KSKTTV ngày 27/7/2021.

Tuy nhiên, hiện nay hộ bà Trương Thị Thủy kết hợp cùng với bà Lê Thị Linh Giang (người đang quản lý, sử dụng, trồng và khai thác cây tại thửa đất số 331 và 349, tờ bản đồ số 29 của chủ sử dụng đất: hộ ông, bà Nguyễn Thị Chôi, Trần Xuân Vận (theo giấy xác nhận của UBND xã Xuân Ninh)) nộp lại hồ sơ đề nghị cải tạo đất san lấp mặt bằng để trồng rừng sản xuất có tận thu đất của 03 thửa đất 331, 341, 349, tờ bản đồ số 29 với thông tin:

- Diện tích khu vực cải tạo đất mặt bằng là 12.021,28 m².
- Khối lượng đất đào 29.459,13m³, trong đó: khối lượng đất phong hóa để lại 8.414,90m³, khối lượng đất tận dụng: **21.044,23 m³**.
- Mức sâu khai thác trung bình 1,75m.
- Cây trồng sau cải tạo: Cây keo lai đậm hom.
- Thời gian thực hiện: 12 tháng.
- Đơn vị hợp đồng thực hiện cải tạo, khai thác tận dụng đất san lấp: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và XNK Gia Hân (địa chỉ: Thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình).
- Mục đích sử dụng đất tận dụng: phục vụ san lấp mặt bằng nâng cấp đường Hiền – Xuân – An – Vận (giai đoạn 2) và san lấp mặt bằng cho một số người dân có nhu cầu trên địa bàn xã Xuân Ninh và các vùng lân cận.

Để đảm bảo trình tự, thủ tục cấp phép theo ủy quyền của UBND tỉnh tại Công văn số 894/UBND-TNMT ngày 13/6/2016 và kế hoạch thu ngân sách, UBND huyện kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quan tâm có ý kiến về việc cho phép hộ bà Trương Thị Thủy và bà Lê Thị Linh Giang xin cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp kết hợp khai thác tận dụng đất san lấp để có cơ sở phê duyệt phương án trước khi thực hiện (kèm theo bản sao hồ sơ)./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Tình

**UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 60 /STNMT-KSKTTV

V/v cho ý kiến đối với việc cải tạo đất
nông nghiệp kết hợp tận thu đất san lấp
trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

Quảng Bình, ngày 13 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh ghi tại Công văn số 11/UBND - TNMT ngày 06/01/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc xin ý kiến đối với trường hợp xin cải tạo đất nông nghiệp kết hợp tận dụng đất san lấp. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Căn cứ Công văn số 894/VPUBND-TNMT ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đồng ý chủ trương cấp phép cải tạo đất nông nghiệp kết hợp tận thu đất san lấp tại xã Xuân Ninh cho bà Trương Thị Thủy và bà Lê Thị Linh Gian theo đề nghị của UBND huyện Quảng Ninh tại Công văn số 11/UBND - TNMT ngày 06/01/2022 để phát triển kinh tế và sử dụng khối lượng đất dư thừa phục vụ san lấp các công trình trên địa bàn huyện.

UBND huyện Quảng Ninh chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra thực địa, thẩm định hồ sơ, khối lượng đất tận thu, đồng thời phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo việc cải tạo đất không làm biến dạng địa hình lớn, gây ô nhiễm môi trường và lãng phí tài nguyên, không được làm ảnh hưởng đến các công trình đường điện, giao thông, thủy lợi và các công trình xây dựng khác trong khu vực, tránh trường hợp lợi dụng cải tạo đất để khai thác khoáng sản trái phép.

Sau khi các hộ gia đình đi vào thực hiện cải tạo, UBND huyện Quảng Ninh, UBND xã Xuân Ninh phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc khai thác, vận chuyển đất dư thừa và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cải tạo mặt bằng trên địa bàn quản lý đảm bảo theo đúng phương án đã phê duyệt, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm (nếu có). Hàng quý, UBND huyện Quảng Ninh báo cáo khối lượng đất tận thu của hộ gia đình về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

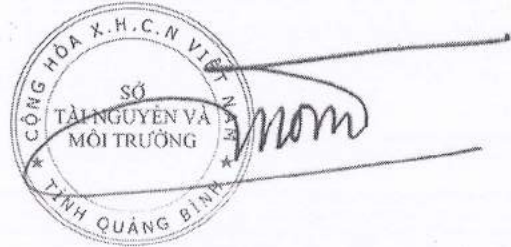
Các hộ gia đình có trách nhiệm nộp đầy đủ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính khác theo đúng quy định đối với khối lượng đất được phép khai thác. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và các nội dung cải tạo theo phương án đã được UBND huyện Quảng Ninh phê duyệt.

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến đề Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT-KSKTTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Lương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Xuân Ninh, ngày tháng năm 2021

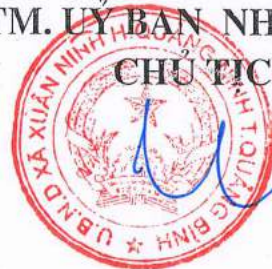
GIẤY XÁC NHẬN

UBND xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xác nhận:

Chị: Lê Thị Linh Giang, sinh ngày: 26/7/1986 là vợ của anh Trần Văn Hùng, sinh ngày: 23/5/1985 theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 do UBND xã Xuân Ninh cấp ngày 24/11/2011 và là con dâu của ông Trần Xuân Vận, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị Chôi, sinh năm: 1950. Hiện tại chị Lê Thị Linh Giang đang quản lý, sử dụng trồng và khai thác cây trên thửa đất thửa đất số 331,339,349; Tờ bản đồ số: 29 mang tên ông Trần Xuân Vận và bà Nguyễn Thị Chôi.

UBND xã Xuân Ninh xác nhận để chị Lê Thị Linh Giang thuận tiện trong công việc giao dịch./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH - TỈNH QUẢNG BÌNH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Họ bà: Trương Thị Thủy
Sinh năm: 1948, CMND Số: 190848930, cấp ngày: 28/4/1980 tại Công an tỉnh Bình Trị Thiên
Địa chỉ thường trú: Thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
Số số hộ khẩu: 646, cấp ngày: 20/5/1998 tại xã Xuân Ninh-huyện Quảng Ninh-tỉnh Quảng Bình

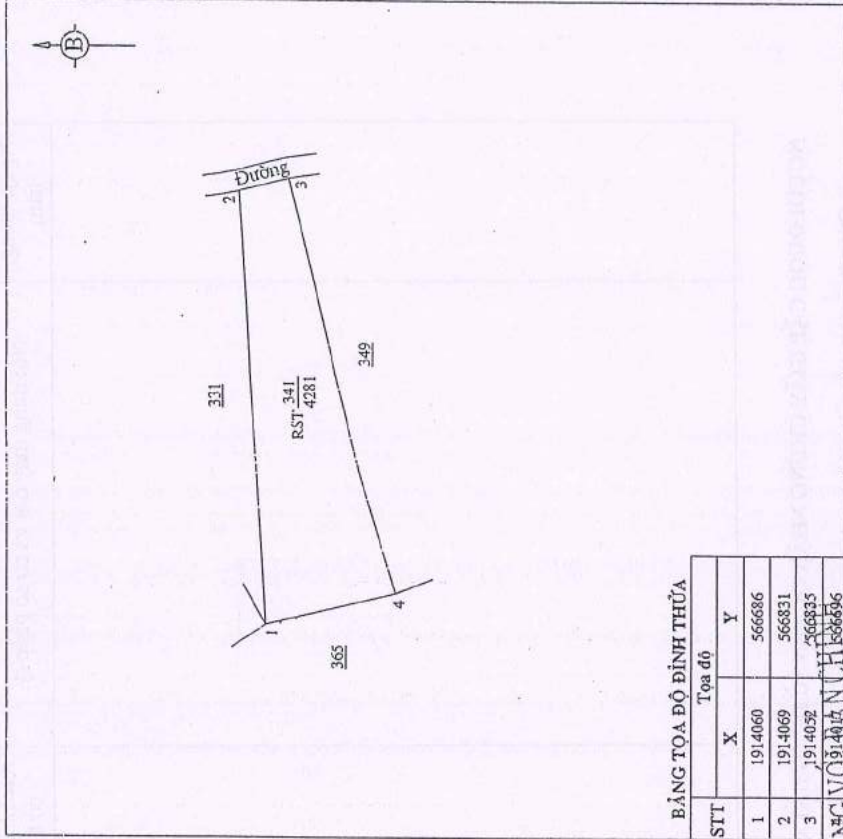
II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 341
2. Tờ bản đồ số: 29
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Xuân Ninh, huyện Quang Ninh, tỉnh Quảng Bình
4. Diện tích: 4281 m²
(Bằng chữ: Bốn nghìn hai trăm tám mươi một mét vuông)
5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 4281 m²
+ Sử dụng chung: Không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất có rừng trồng sản xuất
7. Thời hạn sử dụng đất: Thang 4-2047
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHỈ ĐẠO SCT/BS

Số chứng thực: 1057.....Quyển số: 01.....- SCT/BS

Ngày: 28 tháng 6 năm 2009

KT. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H C/11/...

Ngày 19 tháng 7 năm 2009

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hải Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH - TỈNH QUẢNG BÌNH**

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Họ bà: **Nguyễn Thị Chối**

Sinh năm: 1950, CMND Số: 190863030, cấp ngày: 27/4/1980 tại Công an tỉnh Bình Trị Thiên.

Ông: **Trần Xuân Vân**

Sinh năm: 1950, CMND Số: 190863010, cấp ngày: 27/4/1980 tại Công an tỉnh Bình Trị Thiên

Địa chỉ thường trú: Thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

Số số hộ khẩu: 626, cấp ngày: 20/5/1998 tại xã Xuân Ninh-huyện Quảng Ninh-tỉnh Quảng Bình

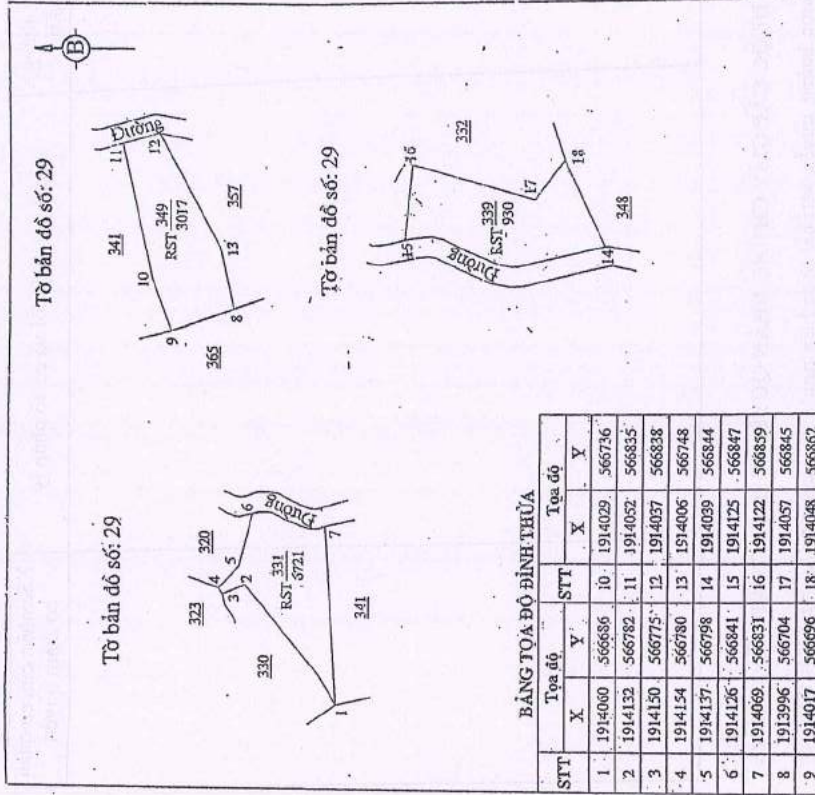
II- Thửa đất được quyền sử dụng

- Thửa đất số: 331, 339, 349 2. Tờ bản đồ số: 29
- Địa chỉ thửa đất: Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Diện tích: 10668 m²
(Bằng chữ: Mười nghìn sáu trăm sáu mươi tám mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 10668 m²
+ Sử dụng chung: Không m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất có rừng trồng sản xuất
- Thời hạn sử dụng đất: Tháng 6-2045
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Chi chú

V- Sơ đồ thửa đất



Ngày 14 tháng 7 năm 2009

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Trần Hải Châu

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.02011.

CÔNG THỨC BÀN SÀO HỮNG VỚI TÊN CHÍNH
Số chứng thực: 14/07/2009, Quyển số: 14/07/2009 - SCT/ES

Ngày: 18-05-2021



Nguyễn Phạm Thạch



CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN DẦU KHÍ VÀ CNMT VIỆT NAM (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP.Hà Nội
ĐT: 04.35135388/ 04.62912517/0912180826 Fax: 04. 35135388
Email: infor@PETECH.vn Http://www.PETECHVN.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1. Khách hàng: Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường Xanh Hải Âu
2. Địa chỉ: 102 Tôn Thất Tùng, P.Bắc Lý, Tp.Đông Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mẫu được lấy tại: Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
4. Loại mẫu: Không khí
5. Vị trí lấy mẫu:
+ KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực dự án, có tọa độ: 17°18'14.07"N; 106°37'47.60"E;
+ KK2: Mẫu không khí lấy tại tuyến đường đi vào khu vực dự án, có tọa độ: có tọa độ 17°18'28.87"N; 106°38'18.14"E;
7. Ngày lấy mẫu: 1/12/2021 Ngày phân tích: 1/12/2021-11/12/2021

Kí hiệu mẫu:

Table with 7 columns: TT, Thông số, Đơn vị, Phương pháp phân tích, Kết quả phân tích (KK1, KK2), QCVN. Rows include data for Tiếng ồn, Bụi tổng, SO2, NO2, and CO.

Ghi chú:

- "-" Tức là không quy định;
**" Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Vimcerts 149)
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc;
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tài

Nguyễn Hữu Tài



Ghi chú:

- KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy về.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng phòng thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT; Kết quả NTP được ghi dấu (*).
- PTN đã được cấp giấy CN đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERTS 149



CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN DẦU KHÍ VÀ CNMT VIỆT NAM (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP.Hà Nội
ĐT: 04.35135388/ 04.62912517/0912180826 Fax: 04. 35135388
Email: infor@PETECH.vn Http://www.PETECHVN.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng: Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường Xanh Hải Âu
2. Địa chỉ: 102 Tôn Thất Tùng, P.Bắc Lý, Tp.Đông Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mẫu được lấy tại: Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
4. Loại mẫu: Không khí
5. Vị trí lấy mẫu: Kí hiệu mẫu:
+ KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực dự án, có tọa độ: 17°18'14.07"N;
106°37'47.60"E;
+ KK2: Mẫu không khí lấy tại tuyến đường đi vào khu vực dự án, có tọa độ: có tọa
độ 17°18'28.87"N; 106°38'18.14"E;
7. Ngày lấy mẫu: 2/12/2021 Ngày phân tích: 2/12/2021-12/12/2021

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/ BTNMT
				KK ₁	KK ₂	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	51	56	70(*)
2	Bụi tổng	µg/m ³	TCVN5067:1995	58	69	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN5971:1995	82	91	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN6137:2009	50	45	200
5	CO	µg/m ³	TD/SOP/QTMT/AA04	2.060	2.180	30.000

Ghi chú:

"-" Tức là không quy định;

"*" Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Vimcerts 149)

- QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc;

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;

- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Tài

Nguyễn Hữu Tài

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ghi chú:

- KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy về.

- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng phòng thử nghiệm.

- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT; Kết quả NTP được ghi dấu (*).

- PTN đã được cấp giấy CN đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERTS 149



CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN DẦU KHÍ VÀ CNMT VIỆT NAM (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP.Hà Nội
ĐT: 04.35135388/ 04.62912517/0912180826 Fax: 04. 35135388
Email: infor@PETECH.vn Http://www.PETECHVN.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng: Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường Xanh Hải Âu
2. Địa chỉ: 102 Tôn Thất Tùng, P.Bắc Lý, Tp.Đông Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mẫu được lấy tại: Xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
4. Loại mẫu: Không khí
5. Vị trí lấy mẫu: Kí hiệu mẫu:
+ **KK1: Mẫu không khí lấy tại khu vực dự án, có tọa độ: 17°18'14.07"N; 106°37'47.60"E;**
+ **KK2: Mẫu không khí lấy tại tuyến đường đi vào khu vực dự án, có tọa độ: có tọa độ 17°18'28.87"N; 106°38'18.14"E;**
7. Ngày lấy mẫu: 3/12/2021 Ngày phân tích: 3/12/2021-13/12/2021

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/ BTNMT
				KK ₁	KK ₂	
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN7878-2:2010	52	60	70 ^(*)
2	Bụi tổng	µg/m ³	TCVN5067:1995	40	48	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN5971:1995	55	63	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN6137:2009	59	71	200
5	CO	µg/m ³	TD/SOP/QTMT/AA04	2.210	2.620	30.000

Ghi chú:

"-" Tức là không quy định;

"**" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Vimcerts 149)

- **QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.**

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc;

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;

- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tài
Nguyễn Hữu Tài



Ghi chú:

- KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy về.

- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng phòng thử nghiệm.

- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT; Kết quả NTP được ghi dấu (*).

- PTN đã được cấp giấy CN đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERTS 149

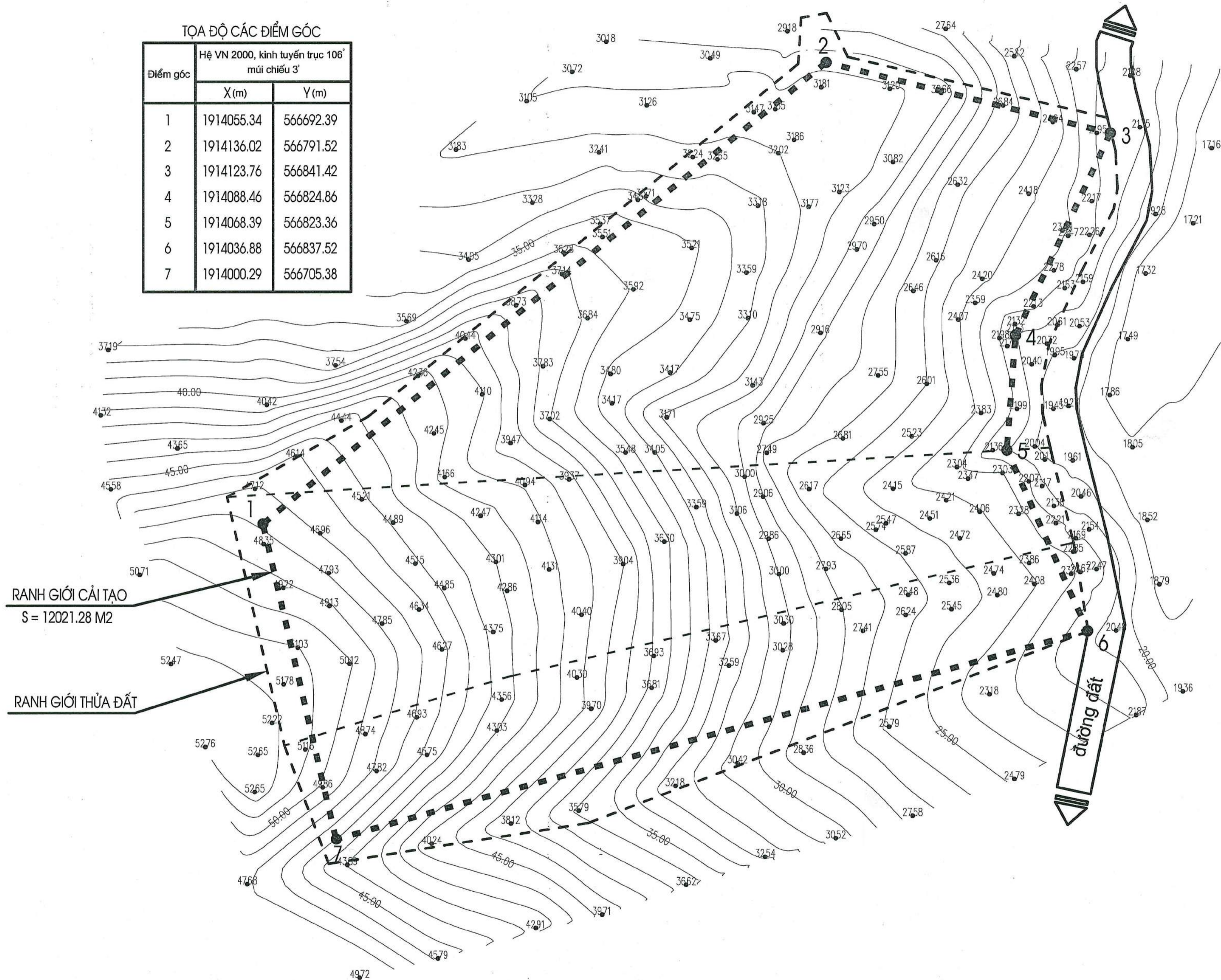


BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC CẢI TẠO MẶT BẰNG KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định phê duyệt số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND huyện Quảng Ninh)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 106° múi chiều 3'	
	X(m)	Y(m)
1	1914055.34	566692.39
2	1914136.02	566791.52
3	1914123.76	566841.42
4	1914088.46	566824.86
5	1914068.39	566823.36
6	1914036.88	566837.52
7	1914000.29	566705.38



CHÚ THÍCH:

- - - - - RANH GIỚI CẢI TẠO
- — — — — RANH GIỚI THỬA ĐẤT
- ~~~~~ ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ

CHỦ ĐẦU TƯ:			
<i>Thuỳ</i> Trương Thị Thuỳ		<i>Việt</i> Lê Thị Linh Giang	
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:			
CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH			
TÊN BẢN VẼ:			
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP			
BẢN VẼ - 01	GHÉP: A2	TỶ LỆ: 1/500	HOÀN THÀNH: 2021
THIẾT KẾ	KS. TRƯƠNG VIỆT TIẾN	<i>[Signature]</i>	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐỊA CHẤT - KHOÁNG SẢN			
Địa chỉ: Thôn 6 - Xã Lộc Ninh - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình			



BẢN ĐỒ KHỐI LƯỢNG KHU VỰC CẢI TẠO MẶT BẰNG KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định phê duyệt số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND huyện Quảng Ninh)

Cao độ tự nhiên	0.00	21.00	21.05	21.08	21.17	31.17	38.41	40.10	42.66	47.69	49.02	51.20
Cao độ thiết kế	0.00	21.00	21.30	22.33	23.48	27.85	33.47	35.57	39.09	44.71	48.00	51.20
Khoảng cách lẻ	0.00	6.10	7.66	13.42	24.19	25.23	21.08	7.86	13.22	21.08	5.40	18.60
Độ dốc thiết kế	0.00	0.0485	0.1341	0.1371	0.1712	0.2576	0.2578	0.2576	0.2575	0.0544	0.3333	

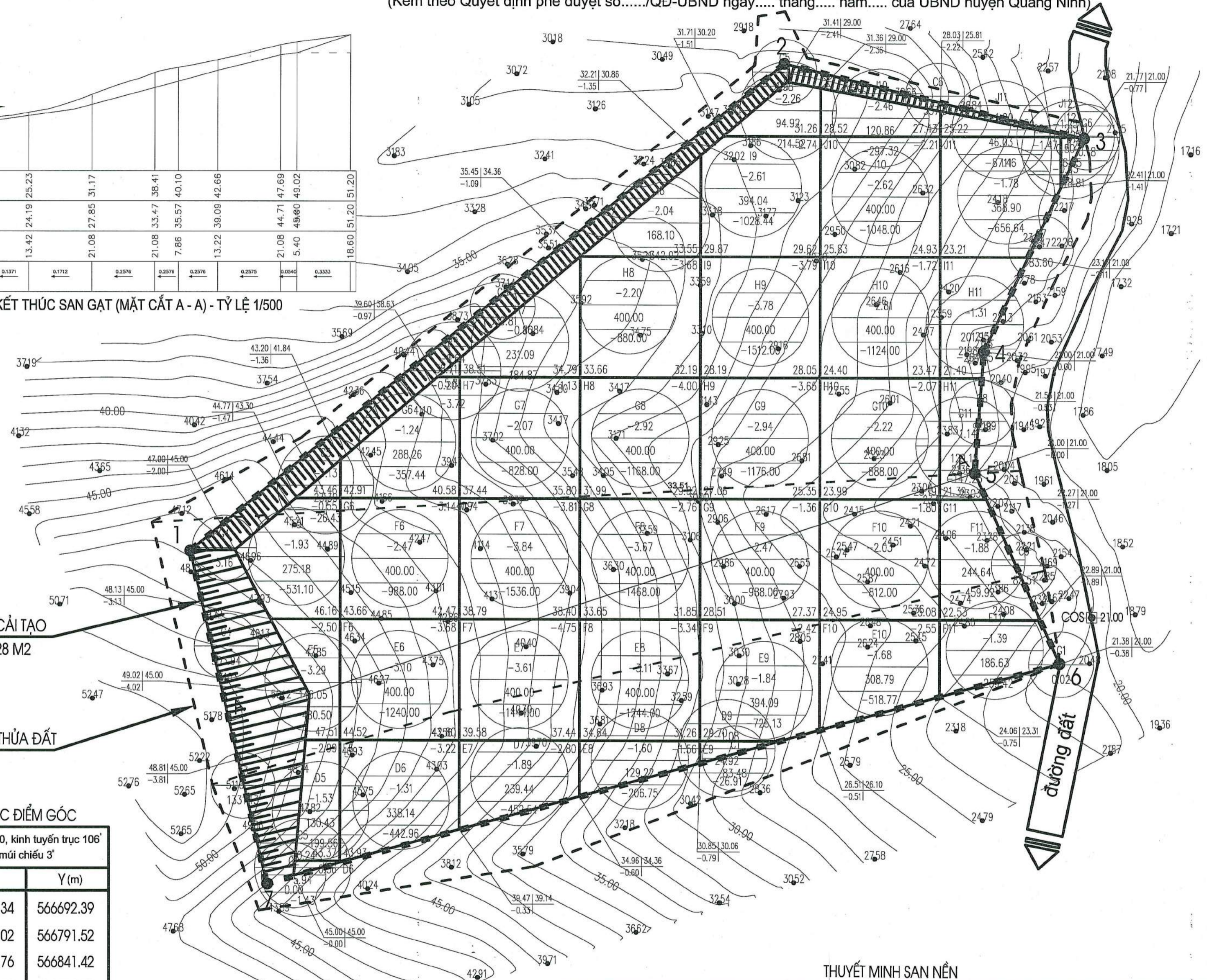
MẶT CẮT KẾT THÚC SAN GẠT (MẶT CẮT A - A) - TỶ LỆ 1/500

RANH GIỚI CẢI TẠO
S = 12021.28 M²

RANH GIỚI THỪA ĐẤT

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 106° múi chiếu 3'	
	X(m)	Y(m)
1	1914055.34	566692.39
2	1914136.02	566791.52
3	1914123.76	566841.42
4	1914088.46	566824.86
5	1914068.39	566823.36
6	1914036.88	566837.52
7	1914000.29	566705.38



THUYẾT MINH SAN NỀN

- DỌN DẸP MẶT BẰNG TRƯỚC KHI SAN NỀN
 - ĐỂ LẠI LỚP PHONG HOÁ DÀY 70 CM
 - ĐỘ SÂU KHAI THÁC TRUNG BÌNH 1.75 M
 - SAN NỀN BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG
 - TẬN DỤNG ĐẤT ĐÀO ĐỂ ĐÁP (NẾU CÓ)
 - CHIA Ô LƯỚI 20 X 20 M
 - CHẠY SAN NỀN BẰNG PHẦN MỀM TDT
- SỐ THỨ TỰ Ô ĐẤT SAN NỀN
 CHIỀU CAO TB ĐÀO (ĐÁP)
 DIỆN TÍCH ĐÀO (ĐÁP)
 KL ĐÀO (ĐÁP)
- CAO ĐỘ TN | CAO ĐỘ TK
 CHÉNH CAO
- DIỆN TÍCH CẢI TẠO: 12021.28 M²
 - TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO: 29459.13 M³
 - TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐÁP: 0.00 M³
 - KL LỚP PHONG HÓA ĐỂ LẠI: 8414.90 M³
 - TỔNG KHỐI LƯỢNG TẬN THU: 21044.23 M³
 - SAN NỀN THẤP DẪN TỰ TẦNG ĐỒNG VẾ COS +21.00 (CÓ TỌA ĐỘ X=1914044.51; Y= 566842.85)
- RANH GIỚI CẢI TẠO
 ■■■■■ RANH GIỚI THỪA ĐẤT

Bảng khối lượng san nền

Hạng mục	Cột 5	Cột 6	Cột 7	Cột 8	Cột 9	Cột 10	Cột 11	Cột 12	Đơn vị	Khối lượng
Khối lượng đào	1239.02	3032.12	4445.41	5309.67	5671.00	4688.09	1875.22	19.44	M3	26279.97
Khối lượng đắp	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	M3	0.00
Diện tích đào	560.99	1432.21	1670.53	1897.32	2107.97	2029.65	1177.30	17.15	M2	10913.12
Diện tích đắp	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	M2	0.00

Bảng tổng hợp đào đắp Taluy

Hạng mục	G1	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	Đơn vị	Khối lượng
Diện tích đào	0.09	81.20	0	308.09	227.76	3.19	203.67	1.64	142.60	0.47	M2	1108.16
Khối lượng đào	0.02	83.48	0	1331.13	903.94	3.16	339.81	1.98	337.06	0.18	M3	3179.16
Diện tích đắp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M2	0.00
Khối lượng đắp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M3	0.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
Trương Thị Huyền
Nguyễn Lê Thị Linh Giang

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
 CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
 BẢN ĐỒ KHỐI LƯỢNG KHU VỰC
 CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

BẢN VẼ - 02 | GHÉP: A2 | TỶ LỆ: 1/500 | HOÀN THÀNH: 2021

THIẾT KẾ: K.S. TRƯƠNG VIỆT TIẾN

LÊ THỊ HOÀ THƯƠNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐỊA CHẤT - KHOÁNG SẢN
 Địa chỉ: Thôn 6 - Xã Lộc Ninh - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình

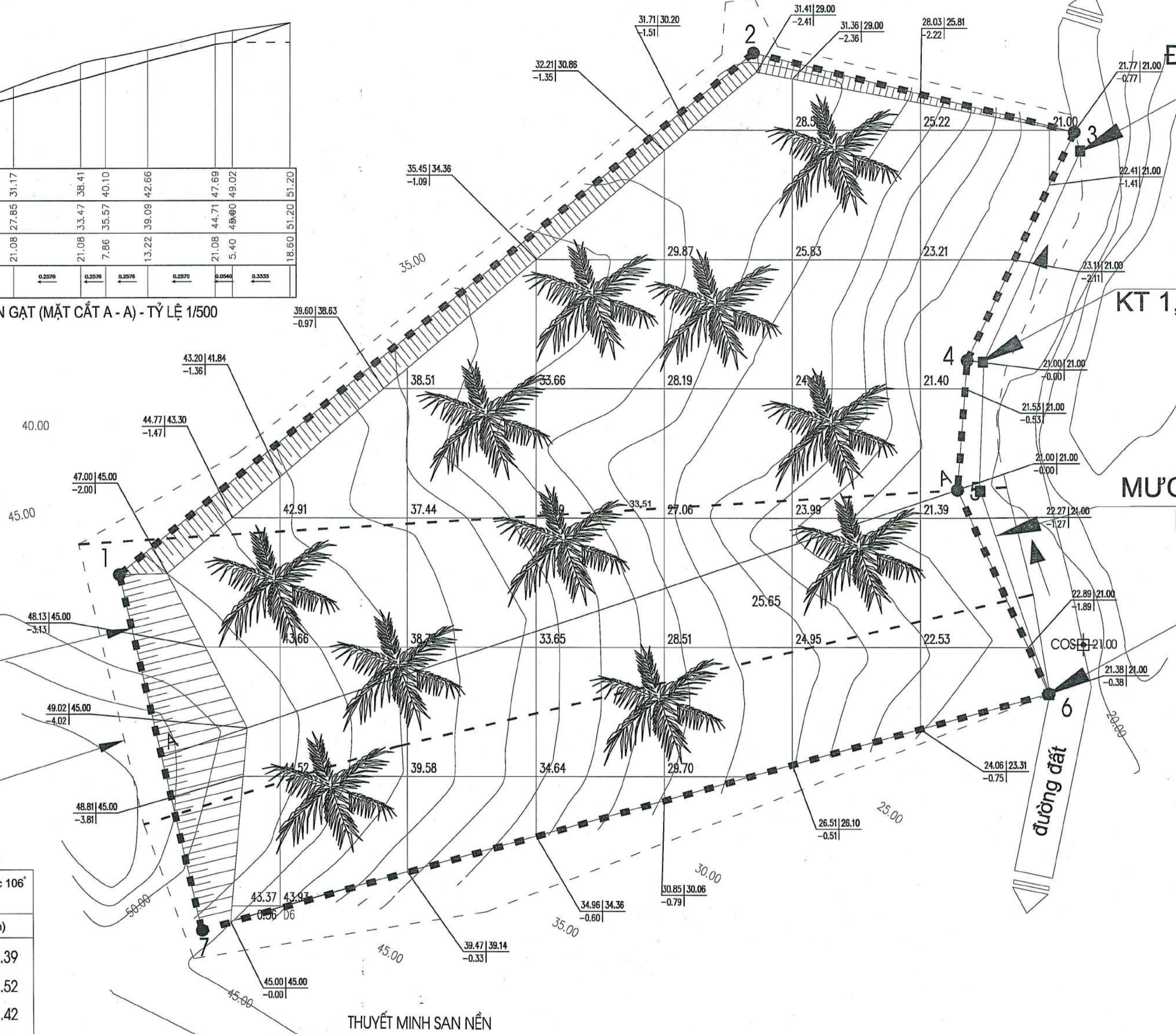


BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHU VỰC CẢI TẠO MẶT BẰNG KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định phê duyệt số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND huyện Quảng Ninh)

Cao độ tự nhiên	21.05	22.36	23.48	25.23	31.17	38.41	40.10	42.66	47.69	49.02	51.20
Cao độ thiết kế	21.00	21.30	22.33	24.19	27.85	33.47	35.57	39.09	44.71	48.00	51.20
Khoảng cách lẻ	0.00	6.10	7.86	13.42	21.08	21.08	7.86	13.22	21.08	5.40	18.60
Độ dốc thiết kế	0.0485	0.1341	0.1371	0.1712	0.2278	0.2278	0.2278	0.2278	0.0540	0.3333	

MẶT CẮT KẾT THÚC SAN GẠT (MẶT CẮT A - A) - TỶ LỆ 1/500



RANH GIỚI CẢI TẠO
S = 12021.28 M²

RANH GIỚI THỪA ĐẤT

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục 106° mũi chiếu 3'	
	X (m)	Y (m)
1	1914055.34	566692.39
2	1914136.02	566791.52
3	1914123.76	566841.42
4	1914088.46	566824.86
5	1914068.39	566823.36
6	1914036.88	566837.52
7	1914000.29	566705.38

- DỌN DẸP MẶT BẰNG TRƯỚC KHI SAN NỀN
 - ĐỂ LẠI LỚP PHONG HOÁ DÀY 70 CM
 - ĐỘ SÂU KHAI THÁC TRUNG BÌNH 1.75 M
 - SAN NỀN BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG
 - TẬN DỤNG ĐẤT ĐÀO ĐỂ ĐÁP (NẾU CÓ)
 - CHIA Ô LƯỚI 20 X 20 M
 - CHẠY SAN NỀN BẰNG PHẦN MỀM TDT
- SỐ THỨ TỰ Ô ĐẤT SAN NỀN
- CHIỀU CAO TB ĐÀO (ĐÁP)
 - DIỆN TÍCH ĐÀO (ĐÁP)
 - KL ĐÀO (ĐÁP)
- CAO ĐỘ TN | CAO ĐỘ TK
CHÉN CAO
- DIỆN TÍCH CẢI TẠO: 12021.28 M²
 - TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO: 29459.13 M³
 - TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐÁP: 0.00 M³
 - KL LỚP PHONG HÓA ĐỂ LẠI: 8414.90 M³
 - TỔNG KHỐI LƯỢNG TẬN THU: 21044.23 M³
 - SAN NỀN THẤP DẪN TỪ TÂY SANG ĐÔNG VỀ COS +21.00 (CÓ TỌA ĐỘ X=1914044.51; Y= 566842.85)
- ■ ■ ■ RANH GIỚI CẢI TẠO
■ ■ ■ ■ RANH GIỚI THỪA ĐẤT

ĐIỂM THOÁT NƯỚC MƯA

HỒ LẮNG
KT 1,0 x 1,0 x 1,2 (m)

MƯƠNG THOÁT NƯỚC
KT 0,4 x 0,4 (m)

HỒ LẮNG
KT 1,0 x 1,0 x 1,2 (m)

CHỦ ĐẦU TƯ:
Chủ
Giường Thị Thủy Lê Thị Linh Trang

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP
ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHU VỰC
CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

BẢN VẼ - 02 | GHÉP: A2 | TỶ LỆ: 1/1000 | HOÀN THÀNH: 2021

THIẾT KẾ | KS. VÕ THỊ NHỎ

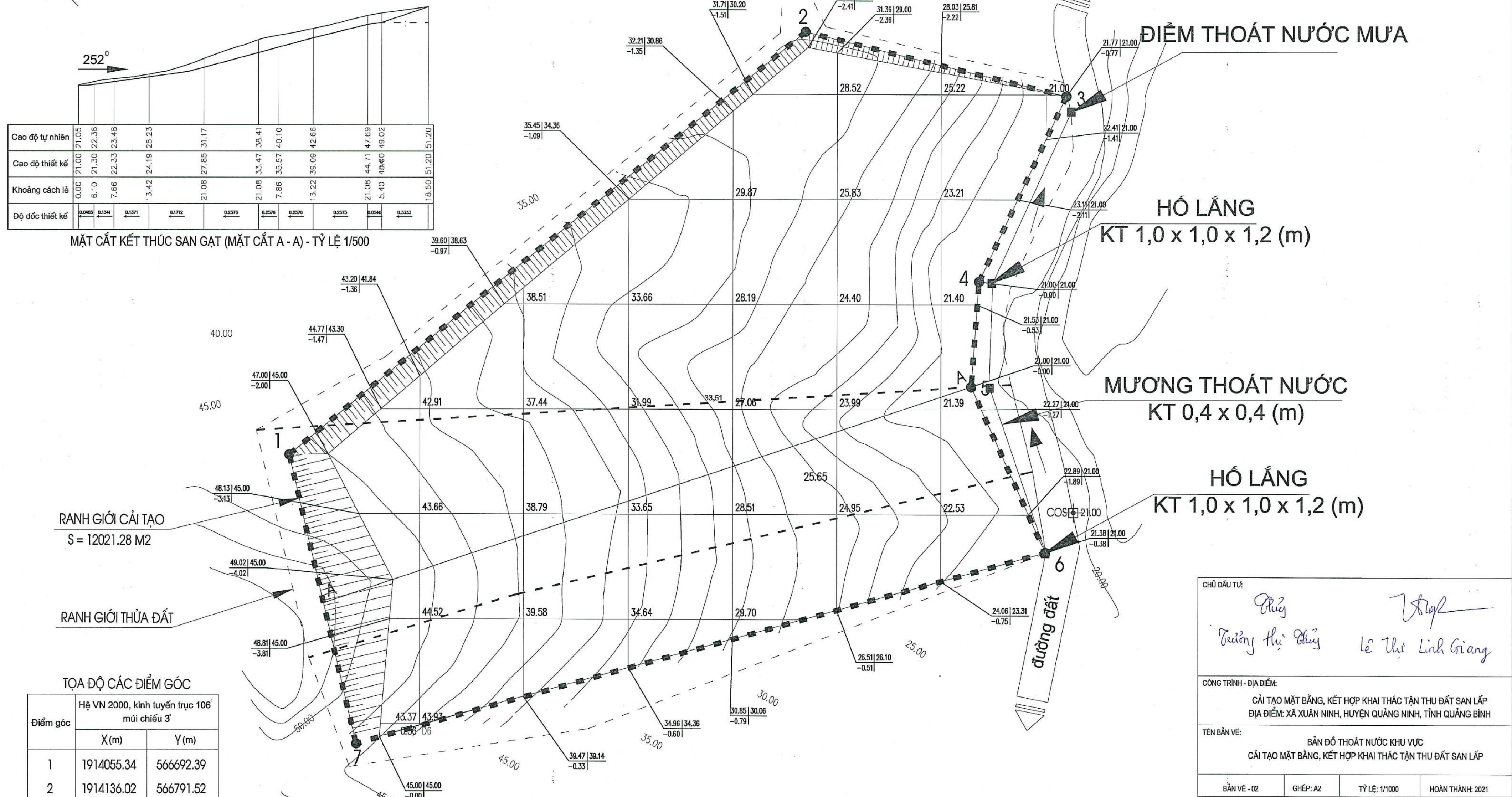


CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH HẢI ÂU
Địa chỉ: 102 Tôn Thất Tùng - Bắc Lý - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình



BẢN ĐỒ THOÁT NƯỚC KHU VỰC CẢI TẠO MẶT BẰNG KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định phê duyệt số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND huyện Quảng Ninh)



Cao độ tự nhiên	21.05	22.36	23.48	25.23	31.17	36.41	40.10	42.66	47.69	49.02	51.20
Cao độ thiết kế	21.00	21.30	22.33	24.19	27.85	33.47	35.57	39.09	44.71	45.00	51.20
Khoảng cách lẻ	0.00	6.10	7.66	13.42	21.08	21.08	7.86	13.22	21.08	5.40	18.60
Độ dốc thiết kế	0.0485	0.1341	0.1371	0.1712	0.2576	0.2576	0.2576	0.2576	0.0540	0.3333	

MẶT CẮT KẾT THÚC SAN GẠT (MẶT CẮT A - A) - TỶ LỆ 1/500

RANH GIỚI CẢI TẠO
S = 12021.28 M²

RANH GIỚI THỬA ĐẤT

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục 106° mũi chiều 3'	
	X(m)	Y(m)
1	1914055.34	566692.39
2	1914136.02	566791.52
3	1914123.76	566841.42
4	1914088.46	566824.86
5	1914068.39	566823.36
6	1914036.88	566837.52
7	1914000.29	566705.38

- DỌN DẸP MẶT BẰNG TRƯỚC KHI SAN NỀN
 - ĐỂ LẠI LỚP PHONG HOÁ DÀY 70 CM
 - ĐỘ SÂU KHAI THÁC TRUNG BÌNH 1.75 M
 - SAN NỀN BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG
 - TẬN DỤNG ĐẤT ĐÀO ĐỂ ĐÁP (NEU CÓ)
 - CHIA Ô LƯỚI 20 X 20 M
 - CHẠY SAN NỀN BẰNG PHẦN MỀM TDT
- SỐ THỨ TỰ Ô ĐẤT SAN NỀN
- CHIỀU CAO TB ĐÀO (ĐÁP)
DIỆN TÍCH ĐÀO (ĐÁP)
KL ĐÀO (ĐÁP)
- DIỆN TÍCH CẢI TẠO: 12021.28 M²
TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO: 29459.13 M³
TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐÁP: 0.00 M³
KL LỚP PHONG HÓA ĐỂ LẠI: 8414.90 M³
TỔNG KHỐI LƯỢNG TẬN THU: 21044.23 M³
- SAN NỀN THẤP DẪN TỪ TÂY SANG ĐÔNG VỀ COS +21.00
(CÓ TỌA ĐỘ X=1914044.51; Y= 566842.85)
- ■ ■ ■ RANH GIỚI CẢI TẠO
■ ■ ■ ■ RANH GIỚI THỬA ĐẤT

CHỦ ĐẦU TƯ:

Phùng Thị Nhung *Nguyễn Thị Nhung*
Nguyễn Thị Nhung *Lê Thị Linh Giang*

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP
ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ THOÁT NƯỚC KHU VỰC
CẢI TẠO MẶT BẰNG, KẾT HỢP KHAI THÁC TẬN THU ĐẤT SAN LẤP

BẢN VẼ - 02	GHÉP: A2	TỶ LỆ: 1/1000	HOÀN THÀNH: 2021
-------------	----------	---------------	------------------

THIẾT KẾ: KS. VÕ THỊ NHO

CÔNG GIÁM ĐỐC
TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH HẢI ÂU
HẢI ÂU
HOÀNG THỊ LỆ QUYÊN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH HẢI ÂU
Địa chỉ: 102 Tôn Thất Tùng - Bắc Lý - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình

PHỤ LỤC 2.
CÁC HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG

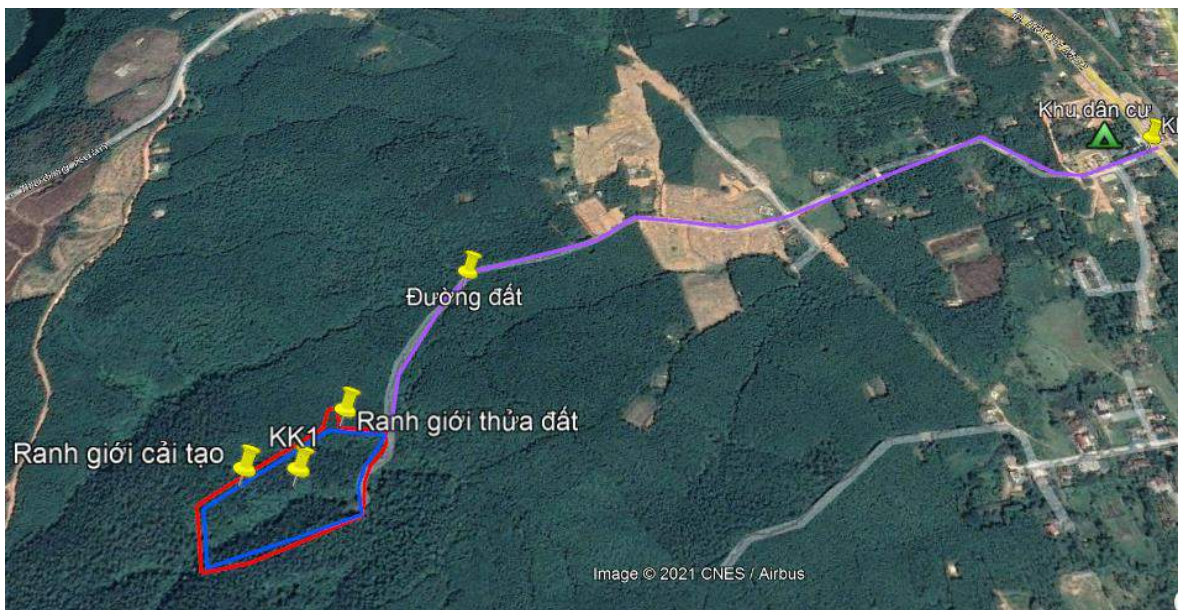
Dự án: Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình



Hình 1. Hiện trạng thửa đất dự án



Hình 2. Hiện trạng tuyến đường đất phía Đông dự án



Hình 3. Vị trí lấy mẫu hiện trạng và giám sát chất lượng môi trường

PHỤ LỤC 3.
CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN
THAM VẤN Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG

**BÀ TRƯƠNG THỊ THỦY –
BÀ LÊ THỊ LINH GIANG**

Số: 01

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá
trình thực hiện đánh giá tác động
môi trường của Dự án.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Xuân Ninh, ngày 1 tháng 2 năm 2022

Kính gửi:

- UBND xã Xuân Ninh;
- UBMTTQ xã Xuân Ninh.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án: “Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”.

Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang gửi đến UBND, UBMTTQ xã Xuân Ninh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của UBND, UBMTTQ xã Xuân Ninh về các nội dung: vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBND, UBMTTQ xã Xuân Ninh về các nội dung nêu trên xin gửi về cho Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn để Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ DỰ ÁN

Trương Thị Thủy

Lê Thị Linh Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN NINH**

Số: **19** /UBND

V/v lấy ý kiến tham vấn trong
quá trình thực hiện đánh giá tác
động môi trường của Dự án.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Ninh, ngày **14** tháng **2** năm 2022

Kính gửi: Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang

UBND xã Xuân Ninh nhận được Văn bản số 01 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”. Sau khi xem xét, Ủy Ban nhân dân xã Xuân Ninh có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư

Vị trí thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư

Đồng ý với các nội dung về tác động tiêu cực của Dự án tới môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng như đã trình bày trong báo cáo.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

Đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án tới môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng đã được nêu trong báo cáo.

Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động cải tạo và tận thu đất, đặc biệt là bụi và khí thải.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Đồng ý với chương trình quản lý và giám sát môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được nêu trong báo cáo.

Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp để phòng ngừa sự cố như sạt lở, bồi lắng và ngập úng trong quá trình cải tạo, tận thu.

5. Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Chủ đầu tư lưu ý đến vấn đề an ninh trật tự trong quá trình thực hiện Dự án.

Trên đây là ý kiến của UBND xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh gửi Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Xuân Thích

UBMTTQVN XÃ XUÂN NINH
BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 05 /UBMT

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường Dự án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Ninh, ngày 14 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: **Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang**

UBMTTQ xã Xuân Ninh nhận được Văn bản số 01 ngày 11 tháng 2 năm 2022 của Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”. Sau khi xem xét, Ủy Ban MTTQ xã Xuân Ninh có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư

Vị trí thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư

Đồng ý với các nội dung về tác động tiêu cực của Dự án tới môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng như đã trình bày trong báo cáo.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

Đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án tới môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng đã được nêu trong báo cáo.

Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện tốt vấn đề xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động cải tạo và tận thu đất để không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe của người dân.

Yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn giao thông trong hoạt động vận chuyển đất tận thu.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Đồng ý với chương trình quản lý và giám sát môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được nêu trong báo cáo.

5. Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Chủ đầu tư lưu ý đến vấn đề sử dụng lao động tại địa phương.

Trên đây là ý kiến của UBMTTQ xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh gửi Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ Hằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: **Cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, kết hợp khai thác tận thu đất san lấp tại thửa đất số 341, 331, 349 - Tờ bản đồ số 29, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.**

Thời gian họp: Ngày 14 tháng 2 năm 2022.

Địa điểm nơi họp: Hội trường UBND xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh.

1. Thành phần dự họp:

1.1. Đại diện UBND xã Xuân Ninh chủ trì cuộc họp.

Ông (bà): ... Nguyễn Xuân Thích ... Chức vụ: ... Chủ tịch UBND xã ...

Thư ký cuộc họp: ... Ông Nguyễn Trường Cảnh ... ĐC-MT xã ...

1.2. Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án: Bà Trương Thị Thủy – Bà Lê Thị Linh Giang.

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty TNHH dịch vụ môi trường xanh Hải Âu.

1.4. Thành phần dự họp: Đại diện của UBMTTQ xã Xuân Ninh, cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp của dự án.

(Danh sách thành phần dự họp bao gồm họ tên, chức vụ/nghề nghiệp, địa chỉ, chữ ký được đính kèm theo biên bản cuộc họp này)

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp:

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp.

Ông (bà): ... Nguyễn Xuân Thích ...

- Đại diện UBND xã Xuân Ninh thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp.

2.2. Đại diện Chủ dự án trình bày nội dung tham vấn

Vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với chủ dự án, UBND cấp xã về các nội dung tham vấn

- Đồng ý với các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo
- Yêu cầu tưới nước trên các tuyến đường vận chuyển phế loại thường xuyên

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu và giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng

- Đồng ý với các ý kiến của cộng đồng

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp

- Đồng ý với các nội dung báo cáo

Người chủ trì cuộc họp: Ông (bà) Nguyễn Xuân Thích tuyên bố kết thúc cuộc họp.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ



Nguyễn Xuân Thích

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

Chủ
Biên tập Chủ

Ngô
Lê Thị Linh Giang

DANH SÁCH NGƯỜI THAM DỰ CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

STT	Họ và tên	Chức vụ/ nghề nghiệp	Địa chỉ	Chữ ký
1,	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Chỉ huy CBMT-T&W	Xã Xuân Ninh	
2,	Nguyễn Tường Mò	Làm ruộng	Thôn Phúc Mỹ 3	
3,	Hồng Thị Anh	Làm ruộng	Thôn Phúc Mỹ 3	
4,	Nguyễn Trường Ngọc	Lái xe	Thôn Phúc Mỹ 3	Ngọc
5,	Trần Thị Hồng	Cán bộ xã Xuân Ninh	Thôn Phúc Mỹ 3	
6,	Nguyễn Thị Hoa	Kế toán	Thôn Phúc Mỹ 3	
7,	Trần Văn Đạt	Lái máy	xã An Ninh	
8,	Lê Thị Linh Gray	Làm ruộng	Thôn Phúc Mỹ 3	
9,	Trần Thị Thuý	Làm ruộng	Thôn Phúc Mỹ 3	Thuý
10,	Nguyễn Trường Văn	Lái xe	Thôn Phúc Mỹ 3	Văn
11,	Trần Xuân Cường	Lái xe	Thôn Phúc Mỹ 3	
12,	Võ Văn Dương	Làm ruộng	Thôn Phúc Mỹ 3	
13,	Võ Văn Tuyên	Làm ruộng	Thôn Vô Tân	Tuyên
14,	Nguyễn Thị Minh	Làm ruộng	Thôn Vô Tân	Minh
15,	LÊ NGỌC TRUY	Lái Máy	Thôn Vô Tân	Truy
16,	Lê Quang Vinh	Làm ruộng	Vô Tân	Vinh
17,	Hồ Thị Lưu	Làm ruộng	Vô Tân	Lưu
18,	Nguyễn Văn Việt	Làm ruộng	Phúc Mỹ 3	Việt
19,	Nguyễn Thị Hiền	Làm ruộng	Phúc Mỹ 3	
20,	Nguyễn Thị Kim Phức	Làm ruộng	Phúc Mỹ 3	Phức

21	Trần Khánh Toàn	Lâm Ngọc	Phước Mỹ 3	Toàn
22	Nguyễn Hữu Nam	ut	Phước Mỹ 3	Nam
23				

CÁN BỘ LẬP BIỂU

[Signature]
Võ Thị Nho

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

[Signature]
 Nguyễn Xuân Thích